

HOA NGHIÊM KINH THĂM HUYỀN KÝ

QUYỂN 12

Trong Địa thứ ba là Minh Địa cũng đưa ra bảy môn:

Thứ nhất: Giải thích tên gọi: Luận Duy Thức quyển thứ chín nói: “Thành tựu Tổng trì Đại pháp thuộc Định thù thắng, có năng lực phát ra ánh sáng của Diệu Tuệ vô biên, cho nên gọi là Phát Quang Địa.”

Giải thích rằng: Nhờ đạt được Định thù thắng mà phát ra ánh sáng của Tu Tuệ, nhờ đạt được Tổng trì mà phát ra ánh sáng của Văn Tuệ.

Kinh Kim Quang Minh nói: “Tam-muội Vô Lượng Trí Tuệ Quang Minh không thể làm cho lay động, không có gì có thể phá hoại làm cho khuất phục, Văn trì Đà-la-ni làm căn bản, cho nên gọi là Minh Địa.”

Nhiếp Luận nói: “Bởi vì dựa vào Đẳng trì-Đẳng chí không hề thối chuyển, dựa vào ánh sáng của Đại pháp, cho nên gọi là Phát Quang Địa.”

Thế Thân Giải thích rằng: “Bởi vì trong Địa này cùng với Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề thường không tách rời nhau cho nên không hề thối chuyển, có thể làm ánh sáng cho pháp Đại thừa, gọi là Phát Quang Địa.”

Vô Tánh Giải thích rằng: “Tĩnh lực gọi là Đẳng trì, Vô sắc gọi là Đẳng chí; hoặc Đẳng trì là tâm một cảnh tướng, Đẳng chí là Chánh thọ hiện tiền. Dựa vào ánh sáng của Đại pháp, là đạt được ánh sáng của Trí từ giáo pháp Đại thừa. Địa này là nhân dựa vào Trí ấy, cho nên gọi là Phát Quang.”

Giải thích rằng: Địa từ pháp của quả đã phát ra làm tên gọi, kinh Giải Thâm Mật và luận Du Già ý giống với Nhiếp Luận.

Luận Hiển Dương nói: “Chứng được Tam-ma-địa Tĩnh lực, là do Uẩn dựa vào ánh sáng của Đại Trí.”

Trí Luận quyển 49 gọi là Quang Địa.

Luận Thập Trú nói: “Học nhiều hiểu rộng vì chúng mà thuyết pháp, có thể làm ánh sáng chiếu rọi, cho nên gọi là Minh Địa.”

Kinh Nhân Vương gọi là Minh Tuệ Địa.

Địa Luận... đều như trước phân rõ.

Thứ hai: Ý đưa ra có ba: 1) Trước là Giới-tiếp là Định, vốn là nghĩa theo thứ đệ, cho nên cần phải đưa ra. 2) Phần vị trước có thể duy trì Giới phẩm vi tế, Đẳng trì-Đẳng chí thế gian chưa thanh tịnh viên mãn và Văn pháp Tổng trì viên mãn, vì khiến cho đạt được nhân này, nói về Địa này khiến cho chịu khó tu học; đây là dựa vào kinh Thâm Mật. 3) Bắt đầu Địa thứ ba dù sao cũng phải nhờ vào pháp tu Thí-Giới thuộc thế gian, Thí-Giới thuộc hai Địa trước, nay ở đây hiển bày về tu, vì vậy đưa ra mà thôi.

Thứ ba: Chương đã lìa xa: Dựa vào luận Thập Địa: “Lìa xa tướng u tối, quên chướng ngại đối với các pháp Văn-Tư-Tu.”

Giải thích rằng: Điều này đối địch trái ngược nhau với pháp của Địa đã đạt được, cho nên thiết lập tên gọi này.

Luận Duy Thức quyển thứ chín: “Gọi là Chương ám độn, nghĩa là một phần Câu sinh trong Sở tri chương, khiến cho quên mất pháp Văn-Tư-Tu, pháp ấy chương ngại đến Tổng trì thuộc Định thù thắng của Địa thứ ba và pháp ấy đã phát ra ba Tuệ thù thắng, lúc tiến vào Địa thứ ba thì có thể vĩnh viễn đoạn trừ. Vì vậy Địa thứ ba nói về đoạn trừ hai ngu và thô nặng của pháp ấy: 1) Ngu về Dục tham, tức là trong này có thể chương ngại đến Định thù thắng và Tu Tuệ, là bởi vì xưa kia phần nhiều đi cùng với tham dục, cho nên gọi là ngu về Dục tham. Nay đạt được Định thù thắng và do Tu mà thành tựu, pháp ấy đã vĩnh viễn loại trừ, Dục tham tùy theo làm cho khuất phục, pháp này từ vô thỉ đến nay dựa vào pháp ấy mà chuyển. 2) Ngu về Đà-la-ni viên mãn, tức là trong này có thể chương ngại đến Văn-Tư tuệ Tổng trì.”

Giải thích rằng: Đây thật là Sở tri chương và Dục tham cùng chung Thế, cho nên gọi là ngu về Dục tham. Bởi vì tham diệu dục tác động lẫn nhau làm cho tán loạn, chương ngại đến Định phát ra Tu tuệ. Văn trì... là từ pháp đã chương ngại làm nhân để thiết lập tên gọi. Bởi vì tự chương ngại đến Văn tuệ và Tư tuệ, là do pháp Tổng trì ấy mà khởi lên quả. Đây là quên mất ý niệm-không nhận biết chính xác... cùng Thế với Sở tri chương.

Kinh Giải Thâm Mật và luận Du Già, kinh Kim Quang Minh và Lương Nhiếp Luận..., đều có hai ngu, phần lớn giống như ở đây nói. Lại có lìa xa nghiệp chướng và báo chướng, dựa theo trước biết rõ.

Thứ tư: Pháp đã chứng: Luận Duy Thức nói: “Chân Như lưu chuyển thù thắng, nghĩa là do Chân Như này mà lưu chuyển giáo pháp, vì vậy rất là thù thắng đối với những giáo pháp khác.”

Nhiếp Luận quyển thứ bảy, Vô Tánh Giải thích rằng: “Nghĩa là do pháp này mà lưu chuyển giáo pháp thù thắng nhất, cho nên xả bỏ thân mạng để mong cầu thuyết giảng về pháp thiện này, không cho là khó.”

Lương Nhiếp Luận Giải thích rằng: “Từ Chân Như lưu chuyển phát ra trí Chánh Thể, trí Chánh Thể lưu chuyển phát ra trí Hậu đắc, trí Hậu đắc lưu chuyển phát ra Đại Bi, Đại Bi lưu chuyển phát ra mười hai bộ kinh, cho nên gọi là pháp giới lưu chuyển thù thắng.”

Thứ năm, Hạnh đã thành tựu: Tóm lược có ba loại: 1) Trong mười Độ thành tựu về hạnh thuộc Nhẫn Độ; 2) Thành tựu về hạnh Thiên định; 3) Thành tựu về hạnh cầu pháp. Luận Trang Nghiêm nói: “Trú thứ ba có thể sinh vào cõi Dục mà không lui sụt về Thiên.” Những hạnh còn lại như sau phân rõ.

Thứ sáu, Quả riêng biệt đã đạt được, cũng có ba loại: 1) Dựa vào Lương Nhiếp Luận, thông đạt pháp giới lưu chuyển thù thắng đạt được quả về Pháp âm vô biên; 2) Quả thuộc hành ngay phần vị ấy, kinh Kim Quang Minh nói: “Địa thứ ba phát tâm đạt được quả về Tam-muội Nan Động.” Lại văn sau nói bốn Vô lượng, năm Thần thông cũng là quả đã đạt được ngay phần vị ấy; 3) Hiển bày về quả của phần vị, nghĩa là bốn quả như Đạo Lợi Thiên Vương... nói như văn sau.

Thứ bảy, Trong giải thích văn cũng có ba: Một, Phần ca ngợi thưa thỉnh; Hai, Phần chính thức thuyết giảng; Ba, Phần trùng tụng.

Trong phần một, mười tụng phân hai: Đầu có sáu tụng là vui mừng nghe về Địa trước; còn lại bốn tụng là thưa thỉnh thuyết giảng về Địa sau.

Trong sáu tụng đầu: Đầu là một tụng về vui mừng nghe sinh tâm hoan hỷ. Tiếp là một tụng về thân nghiệp rải hoa. Còn lại bốn tụng về ngữ nghiệp ca ngợi nói rõ, trong đó: Đầu là một tụng tổng quát ca ngợi, tiếp là một tụng riêng biệt ca ngợi về tâm thuyết pháp, tiếp là một tụng riêng biệt ca ngợi về pháp đã thuyết, sau cuối là một tụng ca ngợi vì căn cơ, kết luận về thuyết giảng dựa vào thưa thỉnh.

Trong bốn tụng sau: Đầu là ba tụng về Đại chúng thưa thỉnh, sau là một tụng về vị Thượng thủ thưa thỉnh. Trong ba tụng đầu: Một tụng đầu là tổng quát thưa thỉnh về hạnh của Địa thứ ba, hai tụng sau là riêng biệt thưa thỉnh về hạnh thuộc mười Độ.

Ngay trong phần hai là chính thức thuyết giảng, luận phân làm bốn: 1) Phần khởi lên hạnh chán ngán; 2) Phần hạnh chán ngán; 3) Phần chán ngán; 4) Phần quả của chán ngán.

Địa này tu Thiền chán ngán làm cho phiền não hàng phục gọi là khởi lên chán ngán. Bắt đầu tiến vào Địa, tâm tu khởi lên chán ngán phiền não gọi là hạnh chán ngán. Hưởng về gia hạnh của Địa khởi lên hạnh chán ngán phiền não gọi là phần khởi lên hạnh chán ngán. Bắt đầu Địa đã khởi lên gọi là phần hạnh chán ngán. Chính thức trú trong Địa tu tám Thiền... gọi là phần chán ngán. Địa đầy đủ cho nên gọi là phần quả của chán ngán. Lại giải thích: Bốn phần này như thứ tự ấy, tức là đạo gia hạnh, đạo vô gián, đạo giải thoát, đạo thắng tiến, có thể biết.

Ngay trong phần một có ba: Một: Kết thúc phần trước phát khởi phần sau; Hai: Từ “Hà đẳng...” trở xuống là chính thức trình bày về mười tâm; Ba: Từ “Bồ-tát dĩ thị...” trở xuống là kết luận về hạnh tiến vào Địa.

Ngay trong mười tâm: Hai tâm đầu là một cặp, một là tâm lìa xa lỗi lầm, nghĩa là dựa vào giới thanh tịnh trước đây khởi lên niệm sâu xa này hưởng về tâm thanh tịnh của Thiền; hai là tâm trú vào pháp thiện, nghĩa là dựa vào pháp Đại thừa mà tự mình đã an trú, tâm kiên cố không lay động cho nên gọi là mạnh mẽ sắc bén.

Ba tâm tiếp là một cặp, trong đó hai tâm trước là lìa xa lỗi lầm, một tâm sau là tạo ra hạnh. Trong lìa xa lỗi lầm, một là chán ngán ham muốn của vị lai cho nên gọi là tâm chán ngán, hai là rời bỏ ham muốn của hiện tại cho nên gọi là tâm lìa xa ham muốn. Vị lai chưa đầy khởi nhưng có thể chán ngán từ xa, hiện tại nhất định rời bỏ, luận gọi là không tham. Trong tạo ra hạnh, nghĩa là không rời bỏ Địa trước, Tự phần đã tu, tiến tới đầy khởi về hạnh Thắng tiến của Địa này, cho nên gọi là tâm không lui sụt.

Ba tâm tiếp là một cặp, trong đó một tâm trước là lìa xa lỗi lầm, hai tâm sau là thành tựu pháp thiện. Trong lìa xa lỗi lầm, nghĩa là gia hạnh này đi sâu vào làm cho phiền não của Địa thứ ba phải hàng phục mà đoạn trừ, không để cho Hoặc chướng ấy trở thành sai lầm tai họa. Luận Giải thích rằng: Phiền não của Tự Địa không có thể phá hoại, gọi là tâm kiên cố. Sư Viễn giải thích: “Hai Địa trước là Tự Địa.” Sư Biện giải thích: “Bốn Thiền-bốn Không là Tự Địa.” Điều e rằng không thích hợp. Trong hai tâm sau là thành tựu pháp thiện, tâm trước thành tựu về Thể của thiện, tâm sau thành tựu về Dụng của thiện, Thể thành tựu cho nên ra vào tự tại gọi là tâm hết sức sáng tỏ, nghĩa là rất thanh tịnh. Tam-ma-bạt-đề, Trung Hoa nói là Đẳng Chí, tức là tên gọi về Nhập Định. Sau là thành tựu về Dụng, cho nên thọ sinh tự tại, tuy sinh vào

Địa dưới, mà không mất đi Dụng của Định, do sự thuần hậu này gọi là không có đủ. Hai loại tâm này đến cuối cùng thành tựu đầy đủ trong Địa sau, vẫn sau nói đối với Thiền có thể tiến vào-có thể vượt ra là tâm hết sức sáng tỏ. Thành tựu không tùy theo lực giải thoát của Thiền sinh ra tức là tâm thuần hậu này, sau luận nói tâm thuần hậu ấy hiện tại thành tựu nơi này.

Hai tâm cuối cùng là một cặp: Một tâm trước là lìa xa lỗi lầm, luận nói dựa vào nơi ấy sinh ra, là dựa vào cõi Dục sinh ra, dùng Đại trí mà không vấy bẩn phiền não, cho nên gọi là tâm thù thắng. Một tâm sau là lợi ích chúng sinh, dùng Đại Bi để nhiếp hóa mà không đoạn trừ các quả báo, cho nên gọi là tâm rộng lớn. Phần gia hạnh xong.

Trong phần hai là hạnh chán ngán, luận phân làm ba: Một, chán ngán lìa xa hữu vi gọi là bảo vệ phiền não; hai, rời bỏ tâm hẹp hòi yếu kém gọi là bảo vệ hạnh Tiểu thừa; ba, tiến lên mong cầu rộng lớn gọi hạnh thâm nhiếp phương tiện. Lại do khéo léo thâm nhiếp khởi lên hạnh như tám Thiền..., cho nên gọi là hạnh thâm nhiếp phương tiện.

Ngay trong phần một có hai mươi câu: Mười câu trước trình bày về quán Vô thường; mười câu sau trình bày về không có ai cứu giúp, dựa theo con người hiển bày về mất mát.

Ngay trong mười câu trước: Đầu là một câu tổng quát, nghĩa là như thật tướng, là pháp hữu vi lý thật Vô thường, cho nên gọi là thật tướng. Luận nói mạng đi qua không dừng lại, là các pháp hữu vi nối tiếp nhau gọi là Mạng, dời chuyển thay đổi gọi là Hành, ngay pháp này không dừng lại, gọi là Vô thường.

Trong riêng biệt phân hai: Một, Vì sao pháp này Vô thường, là hỏi về pháp hữu vi ấy là pháp Vô thường. Hai, Thế nào là Vô thường, là hỏi về nghĩa Vô thường ở trên pháp ấy.

Trong phần một, kinh có sáu câu, trong đó bốn câu đầu dựa theo Chánh báo bên trong, hai câu sau dựa theo Y báo bên ngoài.

Trong bốn câu đầu: Một là dựa theo Khổ-Vô thường thì luận giải thích, dựa vào lúc thân chuyển lực sinh ba khổ, báo bên trong dời chuyển thay đổi gọi là lúc thân chuyển; chuyển có thể sinh ra khổ, nói chuyển là lực; khổ do chuyển sinh ra cho nên gọi là dựa vào, lại bởi vì khổ cho nên tánh là Vô thường. Hai là Vô ngã-Vô thường, luận về kinh không có câu này, nghĩa là gặp phải duyên trái ngược mà liền tổn thọ, không tự tại bởi vì Vô ngã, Vô ngã bởi vì Vô thường. Ba là Bất tịnh-Vô thường, dựa vào lực tốt xấu của ăn uống, khiến cho hình hài sắc chất bất tịnh, có thêm-có bớt, thêm bớt không nhất định là Vô thường. Bốn

là Vô thường không lâu dài, luận về kinh gọi là Vô thường, đây chính là dùng Vô thường thô thiển để hiển bày về Vô thường vi tế. Luận dựa vào không bảo vệ lực của các pháp ác, dẫn bước nguy hiểm-ăn uống độc hại gọi là không bảo vệ, dựa vào lực này mà làm cho thân có chết non và sống thọ.

Trong hai câu sau là dựa theo Y báo: Câu đầu là dựa theo thế giới, câu sau là dựa theo tài sản sinh hoạt.

Trong câu đầu, dựa vào lực tạo thành của thế giới, bởi vì dựa vào lực tạo thành vốn có hoại diệt này, cho nên gọi là bại hoại Vô thường.

Một câu sau là bởi vì tài sản không có lực xác định riêng biệt, không dừng lại ở một nơi cho nên gọi là tướng không đáng tin.

Trong phần hai, thế nào là Vô thường, là trình bày về nghĩa của Vô thường. Hoặc là lấy sinh diệt lưu chuyển làm nghĩa của Vô thường, bao gồm Đại-Tiểu thừa, nói như nơi khác. Hoặc là lấy không sinh-không diệt làm nghĩa của Vô thường, nghĩa này chỉ riêng Đại thừa, nói như kinh Duy Ma. Hoặc là nói hai loại, như trong văn này. Hoặc là nói ba loại: 1) Vô thường không có vật là dựa theo tánh Biến kế; 2) Vô thường sinh diệt là dựa theo tánh Y tha; 3) Vô thường lìa xa-không lìa xa là dựa theo tánh Viên thành, bởi vì lúc còn ràng buộc thì gọi là không lìa xa cấu nhiễm, lúc ra khỏi chướng lìa xa thì gọi là lìa xa cấu nhiễm, dựa theo không nhất định này gọi là Vô thường, nói đầy đủ như luận Trung Biên và luận Phật Tánh... Hai loại trên đều nói theo Chung giáo thuộc Đại thừa. Nói Vô thường trong thời gian ngắn, bởi vì sinh diệt trong từng niệm không dừng lại trong chốc lát. Trong này nói không sinh-không diệt, nghĩa là không chắc chắn sinh ra cho nên mau chóng diệt đi, không chắc chắn diệt đi cho nên trở lại sinh ra, vì vậy dựa theo cả hai không chắc chắn cũng gọi là không sinh diệt. Hai tự tánh Vô thường không thành thật, nghĩa là bởi vì pháp trong ba đời không có tự tánh, không từ trong đời trước mà đến gọi là không sinh, không đi đến đời sau gọi là không chuyển, hiện tại không dừng lại. Trong này, ba đời là dựa theo môn nối tiếp nhau(Tương tục) mà nói; nếu dựa theo môn sinh diệt thì nên nói vị lai gọi là đến, quá khứ nói là đi. Bởi vì có hai môn này cho nên không trái ngược lẫn nhau cùng với những nơi khác.

Trong mười câu sau là không có ai cứu giúp: Một, Nhắc lại Vô thường trước đây là thật; Hai, Từ “Tri chư pháp...” trở xuống là chính thức hiển bày về không có ai cứu giúp.

Câu đầu nhận biết không có tạo tác-không có dấy khởi, ở trong pháp Vô thường không có gì có thể vì điều ấy mà dấy khởi tạo tác cứu

giúp che chở. Luận về kinh nói không có ai cứu giúp, đây là câu tổng quát.

Nói từ “Vô lai...” trở xuống là riêng biệt phân rõ, trong đó: Bốn câu đầu dựa vào lúc chết trình bày về không có ai cứu giúp: 1) Ở lúc trẻ trung Vô thường chưa đến, hướng về cái chết sau này, không có nơi nương tựa để khiến cho tránh được cái chết, cho nên gọi là không có nơi nương tựa. Trong này nói không có đến-không có đi, là không có nơi nào đến nương tựa để có thể làm cho Vô thường ra đi. 2) Đối với tuổi già suy yếu sắp chết, lúc Vô thường đến, không có ai có thể cứu giúp, bởi vì Vô thường sắp chết, cùng nhiều lo buồn cho nên gọi là Ưu, nghĩa là ý niệm lo buồn nối tiếp nhau gọi là nhiều, cùng với tâm đầy khởi nói là cùng. 3) Vào lúc Sinh uẩn hủy hoại, tướng chết hiện rõ trước mắt, trong thời gian ấy ý niệm lo buồn càng thêm mạnh mẽ gọi là Bi. 4) Vào lúc bốn Đại phân tán, sinh ra những khổ não. Trên đây là bốn câu hiển bày lẫn nhau vào lúc chết không có ai cứu giúp, cho nên phân rõ ở trước.

Hai câu tiếp, sai lầm tai họa không có ai cứu giúp ở trong sự mong cầu yêu thích bên ngoài: 1) Yêu ghét trói buộc, nghĩa là lúc theo đuổi, tham điều mình mong muốn, ghét điều mình không mong muốn, đối với cảnh thuận nghịch vọng tưởng yêu ghét thường xuyên chuyển đổi không bỏ, đối trị không tiến vào cho nên gọi là không có ai cứu giúp. 2) Luận về kinh nói ưu não chuyển sang nhiều lên, là đối với thọ dụng thì vui ít mà khổ nhiều, nghĩa là đối với tài sản tiền bạc canh giữ dẫn đến tâm oán giận cho đến mất mạng, khổ não nhiều hơn so với nghèo túng khổ khổ. Kinh này tóm lược không có câu này.

Bốn câu sau cuối, dựa theo thân khổ không có ai cứu giúp, trong đó: 1) Không ngừng lại, là trình bày về lúc thân già yếu thì trẻ trung không thể nào tiếp tục tích tập, cho nên gọi là không có ai cứu giúp. 2) Không có nơi sinh chắc chắn, là trình bày về lúc mạng chung không có thể biết chắc chắn sinh vào nẻo nào. Luận về kinh tóm lược không có câu này. 3) Chỉ vì tham... là trình bày về lúc trẻ trung dựa vào ba Thọ khởi lên ba Độc, tự đốt cháy thiện căn cũng là tổn hại chính mình, cho nên gọi là không có ai cứu giúp. 4) Tăng trưởng đời sau, là vào lúc tuổi già suy yếu thì vô lượng bệnh khổ tăng trưởng, bởi vì bệnh nối thông từ trước đến sau, cho nên lúc tuổi già thì nhiều lên. Lại giải thích: Bởi vì bệnh tạo nghiệp làm tăng thêm khổ của đời sau, không có thật như huyền ảo là trình bày về hư vọng. Trong luận Lại giải thích: Ba câu sau và bốn câu đầu đều là sự việc về tai họa của thân, sao không cùng nói ở

một phần đầu để nêu ra sự việc sai lầm tai họa của thân rất nhiều, là bởi vì hiển bày về nhiều tai họa của thân. Hạnh bảo vệ phiền não, xong.

Trong phần hai là hạnh bảo vệ Tiểu thừa: Đầu là mười câu bảo vệ tâm nhỏ bé; sau là hai mươi câu bảo vệ tâm hẹp hòi.

Trong mười câu đầu: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong tổng quát: Đầu là nhắc lại phần trước, nghĩa là bắt đầu quán về Vô thường đã sinh tâm chán ngán, lại quán về không có ai cứu giúp lại càng sinh tâm chán ngán, cho nên nói là càng thêm chán ngán lia xa. Sau là hướng về sau, nghĩa là chính thức bảo vệ tâm nhỏ bé của Tiểu thừa, cầu Đại quả của Phật, cho nên nói là hướng về trí tuệ của Phật.

Trong phần sau là riêng biệt phân rõ, có hai: Năm câu đầu là câu Bồ-đề của Phật, luận gọi là thân nhiếp công đức Đại; bốn câu sau là câu Đại Niết-bàn, luận gọi là thanh tịnh Đại.

Trong năm câu đầu: 1) Thông lực Đại, nhận biết thần thông của Phật khó lường, cho nên nói là Trí không thể nghĩ bàn, Trí tức là Thể của thần thông. 2) Vô tử Đại, nhờ vào so sánh để hiển bày về thù thắng, không có gì sánh bằng cho nên nói là không thể nói ra, luận về kinh gọi là Vô đẳng. Hai câu trên trình bày về Diệu Dụng tự tại. 3) Đại nghĩa Đại, nghĩa là có ý nghĩa làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, cho nên nói là có thể lực to lớn, đây là đức Lợi tha. 4) Vô cơ hiểm Đại, hiểm có và khó có được, cho nên nói là không có gì có thể hơn được, luận gọi là Nan đắc, đây là đức Tự lợi. 5) Bất đồng Đại, cũng nhờ vào so sánh để hiển bày, lý thật thì khác với ngoại đạo, vượt qua Tiểu thừa, vượt lên trên nhân để hiển bày về thù thắng. Nay Luận chủ từ đầu mà nói, cho nên nói là không xen tạp ngoại đạo. Ba câu trên là hiển bày về hạnh và đức đầy đủ trọn vẹn.

Trong bốn câu sau là cầu quả thanh tịnh của Niết-bàn, Luận chủ đưa ra: 1) Tổng quát giải thích thân nhiếp làm ba nghĩa: Một là lia xa Hoặc, hai là lia xa Khổ, ba là đạt được Niết-bàn. 2) Trong riêng biệt: Một là lia xa hai chướng và tập khí, cho nên gọi là không có suy yếu. Hai là khổ căn bản không còn, lo lắng đau buồn cũng mất đi, cho nên gọi là không có phiền muộn. Ba là trong đạt được Niết-bàn, kinh có hai câu: a) Đến Đại thành an ổn của Niết-bàn, gọi là đức Tự lợi; b) Đến nơi ấy không quay lại, có thể làm lợi ích rộng lớn, cho nên nói là cứu giúp chúng sinh đau khổ, đây vốn là Niết-bàn Vô trú.

Trong phần sau là hai mươi câu bảo vệ tâm hẹp hòi: Mười câu đầu là khởi Bi; mười câu sau là cứu độ. Cũng là trước Bi-sau Từ.

Trong mười câu đầu: Một là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, đưa ra số tổng quát nêu lên, nghĩa là thấy lợi ích thù thắng của trí Phật, thương cho chúng sinh không đạt được, quán xét khổ não hữu vi thương xót chúng sinh ưu sầu, vì vậy chuyển đổi phát sinh tâm Bi thù thắng. Hai từ “Hà đẳng...” trở xuống là chính thức hiển bày về hạnh Bi, trong đó: Câu đầu là tổng quát, vì các chúng sinh cách xa đáng Từ Phụ là Đức Phật gọi là Cô, không có con trai-con gái là Trí và Bi gọi là Độc, từ đó một mình đơn độc ở trong đau khổ không có ai cứu giúp, trở thành đáng thương hết sức. Còn lại chín câu trong riêng biệt: Đầu là hai câu dựa vào chúng sinh mong cầu: 1) Cầu tài sản không có gì chán đủ gọi là nghèo hèn không nơi nương tựa; 2) Đối với tài sản đồ vật của người khác không yên phận mà khởi lên mê hoặc, cầu mãi không dừng nghỉ, cho nên nói là ba độc... Tiếp là ba câu dựa theo chúng sinh có mong cầu, trong đó: 1) Chưa thoát khỏi quả của, ba cõi-sáu nẻo luân chuyển không dứt, cho nên nói là tắc nghẽn trong đó... 2) Không trừ bỏ nhân của khổ, nghĩa là do phiền não che phủ, là nhân của khổ ấy, cho nên nói là thường dừng lại... 3) Không có năng lực đối trị, là sinh vào nơi tai nạn, lia xa người hướng dẫn tốt lành, không có thiện căn đối trị, cho nên nói là không có năng lực Chánh quán. Sau cuối là bốn câu dựa theo chúng sinh mong cầu Phạm hạnh, ba câu trước là Tiểu thừa, một câu sau là ngoại đạo. Trong ba câu trước: 1) Không mong cầu nhân Đại, gọi là không khởi lên ý niệm thù thắng, cho nên nói là tâm mỏng cạn đối với pháp thiện, bởi vì chỉ vui thích pháp thiện Tiểu thừa chứ không vui thích pháp thiện Đại thừa, cho nên gọi là mỏng cạn. 2) Không mong cầu quả Đại Bồ-đề, cho nên nói là mất đi pháp vi diệu của Phật, nghĩa là tùy tiện chọn lấy quả Tiểu thừa cho là cứu cánh, gọi là lòng đầy tăng thượng mạn. 3) Không mong cầu quả Đại Niết-bàn, cho nên nói là nhưng thường tùy theo... nghĩa là cho dù đạt được Niết-bàn Vô dư của Tiểu thừa nhưng thường trôi theo dòng nước Biến dịch sinh tử. Một câu sau là lỗi lầm của ngoại đạo, vọng hành tà đạo mà mong mỏi Niết-bàn Chân thật.

Trong mười câu sau là chính thức cứu độ: Đầu là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, tổng quát phát khởi về tâm cứu độ, đây là câu tổng quát. Còn lại chín câu trong riêng biệt: Đầu là ba câu trừ bỏ ba chướng, hiển bày về nơi cứu độ; tiếp là năm câu trao cho ba Học, trình bày về hạnh cứu độ; sau cuối là một câu khiến cho diệt khổ, tức là quả của cứu độ.

Trong ba câu đầu là cần phải hiểu về nghiệp ấy, kết luận về

không còn hoặc nhiễm ấy, thoát khỏi báo ứng khổ đau ấy.

Trong năm câu tiếp là trao cho hạnh: Hai câu đầu trao cho ba Học, nghĩa là 1) Khuyến khích thiết lập duy trì Giới xứ, cho nên nói là đạt được thiện xứ; 2) Khuyến khích trú vào Định xứ-Tuệ xứ, vì vậy nói là khiến cho an trú. Vì sao Định-Tuệ hợp lại làm một câu? Bởi vì Địa trước thành tựu về Giới cho nên phần Giới riêng biệt phân rõ, Địa sau trình bày về phần vị Tuệ chưa đến, Tuệ từ Định mà nói cho nên hợp lại làm một câu, luận nói Tam-muội Địa cho nên Định-Tuệ hợp lại mà nói. Ba câu sau trình bày về lợi ích trao cho pháp: Hai câu đầu dựa theo Giới, đó là: 1) Muốn thọ giới thì làm cho trừ bỏ mối nghi về Giới, tin sâu nặng đối với Giới, có công đức to lớn khiến cho vui mừng tiếp nhận, cho nên gọi là hoan hỷ; 2) Đã thọ giới thì nêu rõ theo Trì-Phạm và hiển bày về đức của giới, khiến cho tâm vui mừng an trú kiên cố bất động, cho nên nói là khiến cho nhận biết thích hợp. Một câu sau cuối dựa theo Định-Tuệ, nghĩa là xao động chìm xuống làm chướng ngại cho Định, phiền não làm chướng ngại cho Tuệ, trừ diệt hai loại này thì Định-Tuệ thành tựu, cho nên nói là khiến cho có thể vượt qua. Lại giải thích: Xao động là Trạo cử làm chướng ngại cho Định, chìm xuống là Hôn trầm làm chướng ngại cho Tuệ, phiền não làm chướng ngại cả hai, đây là Hoặc vi tế theo đuổi người thực hành, cho nên gọi là tùy, không phải là tùy phiền não, bởi vì vốn là Sử.

Sau cuối là một câu về thành tựu cứu độ, là khiến cho đạt được hai loại Niết-bàn Hữu dư và Vô dư, vì vậy nói là khiến cho diệt khổ.

Trong phần ba là tu hạnh thâm nhiếp phương tiện: Trước là thuật rõ ý; sau là giải thích văn. Trong phần trước, Bồ-tát nhờ vào trước đây quán về hữu vi nhiều lỗi lầm mà chúng sinh chưa ra khỏi, Phật trí làm lợi ích to lớn mà chúng sinh không có được, lại nghĩ chúng sinh rơi vào khổ của Hoặc nghiệp, dùng phương tiện gì cứu giúp khiến cho có được niềm vui? Liền biết rõ không lìa xa Trí vô ngại của Phật. Trí từ đâu sinh ra? Liền biết rõ không lìa xa Trí như thật từ Địa thứ tám trở lên. Thật trí từ đâu sinh ra? Liền biết rõ không lìa xa Tuệ vô hành từ Địa thứ tư trở lên. Tuệ từ đâu sinh ra? Liền biết rõ không lìa xa Thiên định của Địa thứ ba. Định từ đâu đạt được? Liền biết rõ không lìa xa nghe pháp. Vì vậy Bồ-tát trước là mong cầu Chánh pháp, đã nghe pháp rồi ở nơi yên lặng tư duy. Tư duy rồi tu tập tiến vào Thiên của Vô sắc, dựa vào Định quán về pháp khởi lên Tuệ vô sinh. Dựa vào đây dần dần tăng lên phát sinh Trí như thật không còn dụng công. Dựa vào đây dần dần tăng lên phát sinh Trí vô ngại của Phật. Đạt được Trí rồi có năng lực loại trừ đau

khổ mang lại niềm vui cho tất cả chúng sinh giới, thường xuyên giáo hóa không dừng nghỉ. Ý vẫn như vậy, vì thế cho nên gọi là hạnh thâm nhiếp phương tiện.

Trong phần sau là giải thích văn, văn này phương tiện có năm lớp:

1) Phương tiện dấy khởi quán sát, nghĩa là nhắc lại ba tâm ở phần trước phát khởi quán sát mong cầu ở phần sau. 2) Từ “Tức thời dục cụ...” trở xuống là nêu ra phương tiện hướng về, nghĩa là nêu ra Tuệ của Phật làm sáng tỏ nơi hướng về của hành. 3) Từ “Tác thị tư duy...” trở xuống là phương tiện quán sát mong cầu, nghĩa là quán sát suy xét tìm tòi phương pháp cứu độ chúng sinh. 4) Từ “Tức thời tri trú...” trở xuống là nhận biết chính xác phương tiện, nghĩa là nhận biết trí Phật có năng lực cứu giúp chúng sinh, cho đến nhận biết nhờ vào nghe pháp. 5) Từ “Bồ-tát như thị tri dĩ...” trở xuống là thâm nhiếp phương tiện tu tập, nghĩa là tu hạnh nghe pháp thâm nhiếp giữ lấy Chánh pháp.

Trong phần một có ba: Một, Nhắc lại hạnh bảo vệ phiền não trước đây, cho nên nói là như vậy chán ngán... Hai, Nhắc lại hạnh bảo vệ tâm hẹp hòi trước đây, cho nên nói là suy nghĩ sâu xa về chúng sinh. Ba, Nhắc lại hạnh bảo vệ tâm nhỏ bé trước đây, cho nên nói là thấy Nhất thiết trí... Luận chủ dựa vào ba tâm này có thể khởi lên hạnh sau, cho nên nói ba tâm này làm nhân của ba loại: Một loại đầu có thể biết. Trong hai loại sau: Phát ra nhân của Tinh tiến, là thấy trí Phật có lợi ích có thể cứu giúp chúng sinh, vì thế cho nên nhờ vào đây phát khởi Đại Tinh tiến, tu tập thực hành về nhân ấy. Luận nói: Bởi vì có thể tu tập thực hành đạo ấy, suy nghĩ sâu xa làm nhân, cho nên có năng lực khéo léo giáo hóa chúng sinh.

Trong phần hai là nêu ra phương tiện hướng về, luận nói dựa vào trí tuệ của Như Lai cứu độ chúng sinh, đây là nói thị hiện phát khởi phương tiện để thâm nhiếp hạnh mà gọi tên.

Trong phần ba là phương tiện quán sát mong cầu, chúng sinh rơi vào khổ... luận về kinh cũng có nghiệp.

Hỏi: Trong mười tâm cứu độ trước đây, đối với Khổ xứ của Hoặc nghiệp thì dùng ba Học để cứu độ, vì sao nay nói dùng phương tiện gì mà cứu giúp? Đáp: Trước đây biết về pháp cứu độ như Giới... mà chưa biết dùng trí tuệ nào để có thể trao cho pháp này.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong hạnh bảo vệ tâm nhỏ bé trước đây, đã biết trí tuệ của Như Lai có thể lực to lớn có thể cứu giúp chúng sinh, vì sao nay nói dùng cách gì để cứu giúp? Đáp: Trước đây tuy thấy trí của Phật có thể cứu giúp, mà quả Phật ở tương lai chưa có thể sử dụng trong

hiện tại, nghĩa là ở ngoài trí của Phật lại có pháp khác có thể cứu giúp hay không? Vì vậy nói là dùng phương tiện gì. Lựa chọn Niết-bàn của Tiểu thừa giống như Hóa thành ấy, không phải là cứu cánh cho nên nói là niềm vui cuối cùng.

Trong phần bốn là nhận biết chính xác phương tiện, dường như vốn có năm pháp-bốn cặp, luận thấu nhiếp làm ba.

Nói là năm pháp: 1) Tuệ giải thoát vô ngại; 2) Trí như thật; 3) Tuệ vô hành; 4) Thiền định; 5) Văn tuệ.

Bốn cặp: 1) Dựa vào nghe đạt được Thiền; 2) Dựa vào Thiền phát sinh Tuệ; 3) Dựa vào Tuệ đạt được Thật trí; 4) Dựa vào Thật trí đạt được Tuệ vô ngại.

Thấu nhiếp làm ba: Một pháp đầu là cùng tận quả Phật gọi là Chứng tất cánh tận, pháp cuối cùng là Văn Tuệ gọi là khởi hạnh nương tựa thuộc loại thứ ba ấy, ba pháp ở giữa gọi là Chứng tất cánh tận phát khởi Thượng Thượng, bởi vì ba loại này đều có dưới từ pháp khác khởi lên, trên có thể khởi lên pháp khác, dần dần tăng lên đến Phật, cho nên thấu nhiếp làm một gọi là Thượng Thượng Đẳng. Nhưng trong năm pháp này, pháp trước chỉ là thụ động khởi lên, pháp sau chỉ là chủ động khởi lên, ba pháp ở giữa bao gồm hai loại cho nên hợp lại làm một. Trong kinh này, trong Trí như thật tóm lược không có nói đến không lìa xa, trong Tuệ vô hành tóm lược không có phương tiện không lìa xa Thiền; còn lại như luận giải thích, nên biết.

Tự tướng là cảnh của Hiện lượng, Đồng tướng là cảnh của Tỷ lượng, đều có duyên tạo ra gọi là Hành, Chứng Không rời bỏ Hành này gọi là Tuệ vô hành. Đây là pháp của Địa thứ tư, Địa này chỉ đạt được ánh sáng của Tuệ ấy, cho nên gọi là Minh Địa, ví dụ như Địa tiền trình bày về đạt được Định..

Nói về Thiền thắng tiến, Thiền thanh tịnh trong Tiểu thừa có bốn: 1) Phần lui sụt; 2) Phần an trú; 3) Phần thắng tiến; 4) Phần quyết định. Nay chính là phần Thắng tiến thứ ba này, bởi vì so với Thiền trong phương tiện hướng về Địa trước đây nói pháp này là thù thắng. Nói quyết định là phần quyết định, nghĩa là quyết định hướng về ở Địa thứ tư ấy. Nói Tự trí quán là lựa chọn khác với Tuệ minh đã sinh khởi, vốn là quán sát nhận biết của Bồ-tát ở Địa này. Còn lại như luận biết rõ.

Trong phần năm là thấu nhiếp phương tiện tu tập: Một: Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, nghĩa là trước đây vì cứu độ đã phát khởi Đại tinh tiến, nay ở đây nhận biết chính xác về pháp quan trọng đã nghe, dũng mãnh theo đuổi cho nên gọi là cầu pháp càng trở nên tinh

tiến hơn; đây là câu tổng quát. Hai: Từ “Nhật dạ...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, trong đó có hai: a) Trình bày về hạnh mong cầu; b) Từ “Bồ-tát như thị phương tiện...” trở xuống là hiển bày thành tựu về tâm trọng pháp. Cũng chính là trước hiển bày về Văn tuệ, sau trình bày về nhân của Văn tuệ.

Trong phần a, trong mười một pháp này: Hoặc là tổng quát dựa theo pháp đã tiếp nhận, chỉ có Giáo và Nghĩa, đó là năm loại đầu mong cầu pháp về Giáo, còn lại đều là Nghĩa. Hoặc là dựa theo pháp đã thành tựu, thành tựu đầy đủ ba Tuệ, đó là năm loại đầu là pháp thuộc Văn tuệ, một loại tiếp là pháp thuộc Tư tuệ, năm loại còn lại là pháp thuộc Tu tuệ. Dựa vào nghĩa này, cho nên Luận chủ giải thích tên gọi rằng: Tùy theo Văn-Tư-Tu chiếu rọi pháp biểu hiện rõ ràng cho nên gọi là Minh Địa. Hoặc là dựa theo Thể của pháp đã mong cầu, có bốn: Năm loại đầu là mong cầu pháp về Giáo, ba loại tiếp là mong cầu pháp về Lý, ba loại sau là mong cầu pháp về Hành, tóm lược không có pháp về Quả, bởi vì Quả không phải là những pháp hành chủ yếu.

Trong luận như trước nói, là văn luận tiếp theo đoạn trước chưa nói về nghĩa của Giáo: 1) Ngày đêm lắng nghe... bởi vì không có tâm hời hợt lưỡi nhác. 2) Nghe pháp vui mừng, bởi vì không có tâm ganh ghét. 3) Trọng pháp hỏi nghĩa, bởi vì không có tâm chèn ép người khác. 4) Dựa vào pháp, là tự mình thấy được dựa vào giáo Đại thừa, cho nên đích thực giữ lấy không quên mất, nghĩa là tự mình tỏ ngộ không nhờ vào người khác. 5) Thuận theo pháp, là mở ra đọc tụng luyện tập thông thạo, cho nên thuận theo Thánh ngôn. 6) Đầy đủ pháp, là ở nơi vắng lặng tư duy, cho nên đầy đủ trọn vẹn nghĩa lý. 7) Phân rõ về pháp, là thuận theo giáo trình bày rõ ràng, cho nên giảng giải cho người khác. 8) Cứu cánh về pháp, là dựa vào Định mà tu hành, nghĩa là Địa thứ ba này lấy Định thành tựu làm cứu cánh. 9) Quy về pháp, nghĩa là bởi vì cầu pháp thuộc Trí vô lậu xuất thế gian của Địa thứ tư trở lên. 10) Mong cầu pháp, là bởi vì cầu pháp Đại Bi thâm nhiếp chúng sinh của các Địa sau, luận về kinh không có câu này. 11) Tùy thuận với pháp, là cầu pháp hành không còn dụng công của Địa thứ tám trở lên, bởi vì tùy thuận có thể khởi lên Trí vô ngại giải thoát của quả Phật.

Trong mười một pháp này, hai pháp đầu nêu ra rõ ràng về hạnh luôn luôn chịu khó, là hạnh có thể mong cầu pháp của Địa này; những pháp còn lại đều là hạnh đích thực tu tập, là hạnh đã mong cầu pháp của Địa này.

Trong phần b là trọng pháp, có hai: Một là trình bày về nhân có

thể mong cầu pháp; hai từ “Hựu như sở văn...” trở xuống là hiển bày về nhân của hạnh đã mong cầu. Lại cũng trước là mong cầu về pháp, sau là tư duy về nghĩa.

Trong phần một, luận nói người ấy luôn luôn chịu khó thực hành lấy gì làm nhân, là hỏi về nhân của hạnh có thể mong cầu pháp; nói kính trọng pháp... là sơ lược đáp vì kính trọng pháp làm nhân khởi hạnh mong cầu pháp, kính trọng vô cùng cho nên gọi là Tất cánh tận, vì vậy không luyến tiếc thân mạng-tài sản...

Trong văn so sánh về kính trọng pháp tóm lược đưa ra mười sự việc:

1) Xem nhẹ vật báu coi trọng giáo pháp, trong đó: Một là vì pháp xả bỏ tài sản, thậm chí không sinh ý tưởng khó làm; hai là chỉ đối với thuyết giảng..., là coi trọng về người mà xem nhẹ vật báu.

2) Từ “Vị cầu...” trở xuống là có thể xả bỏ cả trong lẫn ngoài, trong đó: Một là tổng quát; hai từ “Quốc độ...” trở xuống là riêng biệt. Trong riêng biệt: a) Bên ngoài, trước là tài sản không cố định dễ xả bỏ, đất nước-nhà cửa vì khó xả bỏ cho nên phân rõ sau, trong luận nói do tài sản mà có được nơi chốn. b) Từ “Thê thiếp...” trở xuống là bên trong, luận nói tài sản đã làm ra là vợ con... Đất nước là tài sản bên ngoài dễ xả bỏ, vợ con... vì khó xả bỏ cho nên phân rõ sau.

3) Từ “Hựu vi...” trở xuống là dốc lòng cung kính hầu hạ, kinh nói: Cho đến dùng thân mình mà làm giường ghế... Luận nói cho đến những việc làm ấy, là những việc làm trước đây, đó là thân mình. Đồ vật khác dễ xả bỏ, thân mình vì khó xả bỏ cho nên trình bày sau.

4) Từ “Phá trừ...” trở xuống là phá trừ kiêu mạn nhận chịu khổ đau, trước là phá trừ kiêu mạn, đối với người trên không cung kính gọi là Kiêu mạn, chấp Ngã lẫn át người dưới gọi là Ngã mạn, đối với người ngang hàng thì tự đại gọi là Đại mạn, đều có thể phá trừ vì pháp. Trước là thân cung kính thì dễ làm, tâm kiêu mạn vì khó loại trừ cho nên trình bày sau. Luận nói ý cao lớn ấy ở đây cũng có thể xả bỏ.

5) Từ “Chư ác...” trở xuống là nhận chịu đau khổ để cầu pháp, tình ý kiêu mạn dễ xả bỏ, thân nhận chịu đau khổ là khó, cho nên phân rõ sau.

6) Từ “Nhược đắc...” trở xuống là hơn hẳn có được vật báu cao quý, bởi vì vật báu cao quý trong ba ngàn thế giới khó tách rời.

7) Hơn hẳn đạt được địa vị Luân Vương, bởi vì cao nhất trong loài người.

8) Hơn hẳn đạt được địa vị Đế Thích, bởi vì cao nhất các trời cõi

Dục.

9) Hơn hẳn đạt được địa vị Phạm Vương, bởi vì hơn hẳn các trời cõi Sắc.

10) Xả thân lao vào ngọn lửa, nói đầy đủ như trong Hồi Hưởng thứ sáu.

Đây là dùng sự việc tự mình yêu cầu, hiển bày về tâm mong cầu trình trọng không có gì khó mà không thể làm được. Biết rõ có thể Chánh quán, là giữ niệm tư duy đạt được ý nghĩa ấy, trong luận giải thích về nhân của hạnh đích thực tu tập. Còn lại như luận phân rõ. Giải thích về phần hạnh chán ngán, xong.

Trong phần ba là chán ngán, tức là Tu tuệ. Lại trước đây trình bày về lắng nghe Chánh pháp và giữ niệm tư duy, nay trình bày về như thuyết tu hành.

Trong văn có ba: 1) Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; 2) Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là chính thức hiển bày về Thể của chán ngán; 3) Từ “Thuận chư pháp...” trở xuống là trình bày về ý tiến vào các Thiên.

Trong phần một: Trước là trình bày về bốn Thiên; sau là hiển bày về bốn Không.

Ngay trong bốn Thiên tóm lược đưa ra bảy môn: Một: Trình bày về ý tiến vào; Hai: Hiển bày về Thể tánh; Ba: Thiết lập về chi số; Bốn: Trình bày về giả thật; Năm: Hiển bày về phế lập; Sáu: Giải thích tên gọi; Bảy: Phân rõ về tướng.

Trong phần trước là luận chung: Vì sao Bồ-tát tiến vào Thiên-Vô sắc-Vô lượng-Thần thông? Luận giải thích: Vì năm loại chúng sinh: 1) Vì chúng sinh kiêu mạn với niềm vui của Thiên, cho nên tiến vào các Thiên. Giải thích rằng: Có người đạt được niềm vui của bốn Thiên thế gian, dựa vào đó khởi lên kiêu mạn khó dùng đạo để cảm hóa, Bồ-tát hiện rõ tiến vào vượt qua pháp của họ đạt được, chặn đứng tâm kiêu mạn của họ, dùng đạo để giảng dạy, mà tự mình không đắm vào cho nên trở lại xả bỏ. 2) Vì chúng sinh kiêu mạn với Giải thoát của Vô sắc, cho nên tiến vào Định Vô sắc. Giải thích rằng: Có người đạt được Định Vô sắc nói là Niết-bàn, thị hiện tiến vào mà cảm hóa họ. 3) Vì chúng sinh khổ não, cho nên tiến vào Vô lượng Tử-Bi. 4) Vì chúng sinh đạt được giải thoát, cho nên tiến vào Vô lượng Hỷ-Xả. 5) Vì chúng sinh quy y tà vạy, cho nên tiến vào Thần thông lực thù thắng khiến cho Chánh Tín.

Hai: Thể tánh, có tám môn:

1) **Tùy sự môn:** dựa vào tông Tát-bà-đa thì Chi tuy có mười tám mà Sự chỉ có mười một, đó là Định thứ nhất có năm pháp, một Tâm, hai Tứ, ba Hỷ, bốn Khinh an, năm Nhất tâm; trong Định thứ hai thêm Nội Tín, thành tựu đầy đủ là sáu pháp; trong Định thứ ba lại thêm Xả-Niệm-Chánh tri-Lạc, cộng thành mười pháp; trong Định thứ tư Bất khổ bất lạc, cho nên thành mười một, bởi vì Hỷ-Lạc và Bất khổ bất lạc, ba pháp này nói riêng biệt.

2) **Loại nhiếp môn:** bởi vì ba pháp như Hỷ... không nói riêng biệt, ba pháp cùng là tên gọi về số của Thọ. Chỉ có chín pháp, một Tâm, hai Tứ, ba Định, bốn Tuệ, năm Thọ, sáu Niệm, bảy Khinh an, tám Hành xả, chín Tín. Tụng nói: “An-Xả-Niệm đều hai, Thọ-Định đều phân bốn, Tâm-Tứ và Tín-Tuệ, giữ vị không phân Chi.” Giải thích rằng: Khinh an phân hai, đó là Thiền thứ nhất-Thiền thứ hai đều có Lạc; Xả-Niệm cũng phân hai, đó là Thiền thứ ba-Thiền thứ tư đều có Hành xả và Niệm; Thọ phân bốn, đó là Hỷ ở Thiền thứ nhất-Thiền thứ hai, Lạc ở Thiền thứ ba, Bất khổ bất lạc ở Thiền thứ tư; Định phân bốn, đó là bốn Thiền đều có Tâm nhất cảnh tánh; Tín là Nội tịnh, Tuệ là Chánh tri.

3) **Hội giả môn:** dựa vào tông Đại Thừa thì Thể chỉ có bảy pháp, đó là Lạc của Định thứ nhất-thứ hai cũng vốn là số của Thọ, trừ ra Khinh an; Nội tịnh của Thiền thứ hai dựa vào trong Xả-Niệm-Chánh tri mà giả lập, trừ ra Tín, vì vậy chỉ có bảy. Tụng nói: “Xả-Niệm đều phân hai, Định bốn-Thọ có sáu, Tâm-Tứ cùng với Tuệ, giữ vị không phân Chi.” Giải thích: Xả-Niệm đều phân hai, đó là Thiền thứ ba-Thiền thứ tư; Định bốn đó là bốn Thiền, Thọ sáu đó là Định thứ nhất-thứ hai đều có Hỷ-Lạc, Định thứ ba là Lạc, Định thứ tư là Bất khổ bất lạc. Lại hai trong bốn Bất Định, đó là Tâm-Tứ; ba trong năm Biệt Cảnh, đó là Niệm-Định-Tuệ; một trong năm Biến Hành, đó là Thọ; một trong mười một Thiện, đó là Hành xả.

4) **Trùng nhiếp môn:** chỉ lấy năm pháp làm tánh, bởi vì hai pháp Tâm-Tứ dùng Tuệ làm tánh. Trên đây là dựa theo Sơ giáo.

5) **Hội tướng môn:** môn Thượng Thiền và chi Thượng Thiền này ngay tướng ấy tức Không đều không vốn có, Thể của Thiền chi so sánh như Trí Luận.

6) **Sự tận môn:** tức là trong môn Thiền này thâm nhiếp công đức Chân Như của Như Lai Tạng, so sánh như kinh Thắng Man..., đây là dựa theo Chung giáo.

7) **Mãn tuyệt môn:** như nói Vô định-Vô bất định, so sánh như kinh Văn Thù Tuần Hành... đây là dựa theo Đốn giáo.

8) Dung nhiếp môn: nghĩa là môn Định này đã thâm nhiếp pháp giới tự tại vô biên ngay trong nhau-hòa vào nhau... so sánh như phẩm Ly Thế Gian sau này, đây là dựa theo Viên giáo.

Ba Phế lập, có tám môn: 1) Dựa theo Vô vi. Hỏi: Vô vi là pháp thanh tịnh, sao không thiết lập Thiền chi? Đáp: Bởi vì Thiền chi là Hữu vi.

2) Dựa theo Sắc-Hành. Hỏi: Sắc và Hành bất tương ứng là Hữu vi, sao không thiết lập Thiền chi? Đáp: Thiền chi là pháp có Hành-có Duyên tương ứng, pháp kia không phải Hành-không phải Duyên-không phải tương ứng, cho nên không thiết lập về Chi.

3) Dựa theo Tâm vương. Hỏi: Tâm vương là chỗ dựa của tâm pháp, là pháp tương ứng, sao không thiết lập Thiền chi? Đáp: Nghĩa về tùy thuận Thiền là nghĩa của Thiền chi, Tâm vương chỉ làm chỗ dựa chứ không có tác dụng của tâm thâm nhiếp riêng biệt, cho nên không thiết lập về Chi.

4) Dựa theo Tâm pháp. Hỏi: Đều là Tâm pháp, vì sao trong năm Biến Hành chỉ riêng Thọ thiết lập về Chi, còn lại thì không thiết lập? Đáp: Nói chung về Thiền chi cần phải có đủ ba nghĩa: Một là Chi thuộc đối trị, hai là Chi thuộc lợi ích, ba là hai loại ấy nương tựa vào tự tánh. Trong đó hễ tiến vào một số có nghĩa về tùy thuận là nghĩa của Chi, bởi vì Thọ là Chi lợi ích nối thông với bốn Thiền, cho nên thiết lập làm Chi. Tác ý là cảnh giác tâm, Xúc là do ba pháp hòa hợp mà sinh, Tưởng là phạm vi giới hạn của cảnh, Tư có thể sai khiến tâm, đều thuận theo tâm dấy khởi, chứ không thuận theo Tĩnh lực, cho nên không thiết lập về Chi.

Hỏi: Trong năm Biệt Cảnh vì sao ba pháp Niệm-Định-Tuệ thiết lập về Chi, hai loại còn lại thì không thiết lập?

Đáp: Định là Tâm nhất cảnh tánh nối thông làm tự tánh của bốn Thiền nương tựa vào hai loại ấy; Niệm vốn là Chi đối trị Thiền thứ ba-thứ tư, ghi nhớ rõ ràng về tướng lỗi lầm tai họa đã đối trị; Tuệ là Chi đối trị Thiền thứ ba, phân biệt lỗi lầm đã đối trị rất rõ ràng; đều có tùy thuận cho nên cần phải thiết lập về Chi. Dục và Thắng giải mong mỏi đối với cảnh, giữ chắc sở duyên, đều không thuận theo Định, vì vậy không thiết lập về Chi.

Hỏi: Trong mười một Thiện vì sao chỉ riêng Hành xả thiết lập về Chi, những pháp còn lại thì không thiết lập?

Đáp: Xả là Chi đối trị của Thiền thứ ba-Thiền thứ tư, bởi vì có thể xả bỏ chướng ngại đã đối trị ấy, cho nên thiết lập về Chi. Tín là hết

sức nhẫn nại lạc dục, tâm thanh tịnh làm tánh. Tầm là sùng kính tôn trọng Hiền thiện. Quý là cự tuyệt coi khinh bạo ác. Vô tham là không đắm trước làm tánh. Vô sân là không nóng giận làm tánh. Vô si là hiểu biết rõ ràng về Lý-Sự. Tinh tiến là khuyến khích thúc đẩy phát khởi. Bất phóng dật là ngăn chặn điều ác tu tập điều thiện. Bất hại là không làm tổn hại hữu tình. Điều đối với Tịch lự không có nghĩa về tùy thuận, không tiến vào ba phần vị cho nên không thiết lập về Chi. Khinh an thuộc về Định điều hòa thông suốt thân tâm, bị Hỷ-Xả che phủ, cũng không thiết lập về Chi.

Hỏi: Trong bốn Bất Định vì sao Tầm-Tứ thiết lập về Chi, hai loại còn lại không thiết lập về Chi?

Đáp: Tầm-Tứ là Chi đối trị của Thiền thứ nhất; Ác tác-Truy hối-Thụy miên, mê muội hời hợt đều không thuận với Định, cho nên không thiết lập về Chi.

Hỏi: Đại-Tiểu phiền não sao không thiết lập về Chi?

Đáp: Bởi vì Thiền không trước nhiệm, cho nên không thiết lập phiền não làm Chi.

5) Dựa theo Chi phân. Hỏi: Điều là nghĩa tùy thuận là nghĩa của Chi, vì sao Định thứ nhất lấy Tầm-Tứ làm đối trị, mà không thiết lập Nội tịnh...? Đáp: Bởi vì ban đầu Định này, Tầm mong cầu-Tứ quán sát lỗi lầm tai họa của cõi Dục, mà có thể đối trị Tầm-Tứ như cõi Dục... ấy, cho nên thiết lập Chi này; Nội tịnh bị tướng thô của Tầm-Tứ này che khuất, cho nên Thể không hiển bày rõ ràng, vì thế không thiết lập về Chi.

Hỏi: Xả-Niệm-Chánh tri vì sao Thiền thứ hai hợp lại làm Nội tịnh, Thiền thứ ba-Thiền thứ tư thì mới phân ra?

Đáp: Bởi vì Xả... ở Thiền thứ hai bị tướng thô của Hỷ che khuất, cho nên không phân ra, chỉ dựa theo lìa xa Tầm-Tứ bên ngoài, gọi là Nội tịnh.

Hỏi: Ba pháp đều phân ra, vì sao Thiền thứ tư không thiết lập Chánh tri?

Đáp: Chánh tri hiển bày rõ ràng, Hành xả ở Định thứ tư thì tướng ấy ẩn kín sâu xa, trái ngược nhau vì vậy không thiết lập. Lại bị Thắng Xả làm cho che khuất, bởi vì Thắng Xả-Thọ là Vô minh phần, Chánh tri là Minh, vốn trái ngược lẫn nhau cho nên không thiết lập về Chi.

Hỏi: Khinh an thuộc về Định có ở tất cả các Địa, vì sao không thiết lập chi Khinh an?

Đáp: Khinh an thì trôi nổi, Tịch lự thứ nhất-thứ hai thì Hỷ thọ trôi

nổi thuận với nhau mà che khuất, Tĩnh lự thứ ba-thứ tư thì Hành xả lắng xuống trái với nhau mà che khuất, tất cả không thiết lập về Chi.

Hỏi: Nếu như vậy thì Tiểu thừa vì sao ở Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai thiết lập về chi Khinh an?

Đáp: Tiểu thừa dựa vào loại trừ năm Thức thân của cõi Dục và ba Thức thân của Định thứ nhất, đều do loại trừ mà khiến cho thân thô nặng, vì vậy thiết lập về chi Khinh an; sau bởi vì trong Định thứ hai-thứ ba không có Thức thân thô nặng và đã khiến cho thân thô nặng có thể đối trị, cho nên Định thứ ba-thứ tư không thiết lập về chi Khinh an. Nay dựa vào Đại thừa, là Lạc thọ thân nhiếp cho nên không thiết lập riêng biệt.

6) Dựa theo Kiến lập. Hỏi: Thiên đã có bốn, số Chi phải giống nhau, vì sao Thiên thứ nhất-thứ ba đều có năm, Thiên thứ hai-thứ tư đều chỉ có bốn? Đáp: Bởi vì Dục ác của cõi Dục khó loại trừ, Hỷ sâu xa của Định thứ hai khó lìa xa, Dục là đối trị vững mạnh, cho nên Thiên thứ nhất và thứ ba đều thiết lập năm Chi; bởi vì Định thứ nhất và thứ ba không có pháp khó loại trừ này, cho nên Định thứ hai-thứ tư chỉ thiết lập bốn Chi.

7) Dựa theo Quyết trạch. Hỏi: Nếu là chi Định thứ nhất thì cũng Thiên thứ hai chẳng? Đáp: Nên đưa ra bốn câu phân biệt: 1) Có lúc là Chi thứ nhất chứ không phải thứ hai, đó là Tâm-Tứ; 2) Có lúc là thứ hai chứ không phải Thiên thứ nhất, đó là Nội đẳng tịnh; 3) Có lúc bao gồm thứ nhất và thứ hai, đó là Định thuộc Hỷ-Lạc; 4) Có lúc không phải thứ nhất và thứ hai, đó là trừ ra những điều nói trên.

Lại hỏi: Nếu là Chi thứ nhất thì cũng là thứ ba chẳng?

Đáp: Cũng đưa ra bốn câu phân biệt: 1) Có lúc là Thiên thứ nhất chứ không phải thứ ba, đó là Tâm-Tứ-Hỷ; 2) Có lúc là thứ ba chứ không phải Thiên thứ nhất, đó là Xả-Niệm-Tuệ; 3) Có lúc vừa là Thiên thứ nhất vừa là thứ ba, đó là Lạc và Tâm nhất cảnh tánh; 4) Có lúc là đều không phải, đó là trừ ra những điều nói trên.

Lại Tâm-Tứ-Hỷ-Lạc là thứ nhất chứ không phải thứ tư; Xả Thọ-Xả Niệm là thứ tư chứ không phải thứ nhất; Tâm nhất cảnh tánh vừa là thứ nhất vừa là thứ tư, cùng với trên trái ngược nhau; không phải thứ nhất không phải thứ tư, bởi vì thứ hai... hưởng về nơi khác, đều có bốn câu phân biệt, dựa theo đó có thể thấy.

8) Dựa theo Đạo phẩm. Hỏi: Nếu là chi Thiên thì cũng là chi Đạo chẳng? Đáp: Nên đưa ra bốn câu phân biệt: 1) Hoặc là chi Thiên chứ không phải chi Đạo, đó là Tâm-Tứ-Lạc và Bất khổ bất lạc; 2) Hoặc là

chi Đạo chứ không phải chi Thiên, đó là Tinh tiến-Tín-Khinh an-Chánh tư-ngữ-nghiệp-mạng; 3) Hoặc là cả hai, đó là Hỷ-Hành xả-Niệm-Định-Tuệ; 4) Hoặc là cả hai không phải, đó là trừ ra những điều nói trên.

Bốn-Nghiệp dụng, có bốn: 1) Dựa theo phát Trí đoạn Hoặc; 2) Dựa theo phát Thông khởi Dụng; 3) Dựa theo các Định vượt qua khoảng giữa; 4) Dựa theo Dụng tự tại của Định.

Trong phần một, nếu các ngoại đạo tu tập đạt được Thiên thứ tư khởi lên Trí hữu lậu, thì điều phục Hoặc của cõi Dục được sinh lên cõi trên, hoặc là đạt được Vô tướng lấy làm Niết-bàn. Nếu các Tiểu thừa dựa vào đây có thể phát khởi Thánh trí vô lậu, thì đoạn Hoặc nhân ngã đạt được A-la-hán. Nếu hàng Bồ-tát thì hoặc vì chúng sinh thị hiện tiến vào Định mà không tùy theo sinh khởi, hoặc là dựa vào đây thành tựu về quán Vô tướng-Vô sinh... phát khởi Thánh trí chân thật, đoạn trừ hai chướng có thể thành tựu quả Phật. Nếu như Phổ Hiền... và các Như Lai thì dựa vào đây thị hiện tiến vào trăm ngàn Tam-muội.

Phần hai là phát Thông: Ngoại đạo dựa vào đây phát khởi năm Thông thấy quá khứ-vị lai... khởi lên các tà kiến; Nhị thừa dựa vào đây mà khởi lên sáu Thông, nhưng có phạm vi giới hạn; Bồ-tát dựa vào đây phát khởi năm Thông hay là sáu Thông, phạm vi giới hạn vượt qua Tiểu thừa, tùy theo phần vị nên biết; Phổ Hiền và Phật dựa vào đây mà phát khởi sáu Thông hoặc là mười Thông, đều không có phạm vi giới hạn.

Phần ba là các Định vượt qua khoảng giữa: Ngoại đạo đối với Định không được tự tại; Nhị thừa hoặc là có thứ tự xuất nhập, hoặc là đối với chín Định theo thứ tự vượt lên tiến vào, hoặc là song song vượt lên, hoặc là từ đầu đến cuối vượt lên; Bồ-tát có thể dựa vào một Định vượt ra trăm ngàn Định...; Phổ Hiền và Phật có thể tiến vào trần số Định, mỗi một Định lại đều sinh ra trần số Định... như vậy tự tại không có gì hạn lượng.

Phần bốn là Dụng của Định: Ngoại đạo hoàn toàn không có; Nhị thừa chỉ có dựa vào Định phát ra Dụng, không đạt được ngay nơi Định là Dụng. Nếu Bồ-tát Sơ giáo đang ở trong Định, tuy không có nghiệp dụng của năm Thức, mà nhờ vào nguyện lực trước đây kích phát Thức khác, nêu rõ có tác dụng, thì nói là Câu khởi. Nếu Bồ-tát Chung giáo thì có thể ngay nơi Định tức là Dụng, cả hai hiện hành tự tại, bởi vì lý-sự vô ngại. Nếu Bồ-tát Đốn giáo thì Định-Dụng là một, bởi vì cùng bắt dứt hai tên gọi. Nếu Viên giáo thì Phổ Hiền ngay trong Định là khởi Dụng, mà tướng Định không thay đổi, bởi vì hai sự việc ngay trong nhau.

Bảy, Phân rõ về tướng: Bốn Thiên tức là bốn, trong mỗi một Thiên

đều có bốn nghĩa: 1) Lìa xa chướng; 2) Tu hạnh đối trị; 3) Tu hạnh lợi ích; 4) Tam-muội nương vào hai loại ấy.

Trong Thiên thứ nhất: 1) Ly Dục... là trình bày về lìa xa chướng, các thuyết không giống nhau. Dựa vào luận Tỳ-đàm thì lìa xa năm Dục cho nên gọi là lìa xa Dục, đoạn trừ mười Ác cho nên gọi là lìa xa Ác, trừ bỏ năm Cái cho nên gọi là lìa xa pháp Bất thiện. Dựa vào luận Thành Thật thì đoạn trừ tâm Tham dục gọi là lìa xa Dục, bởi vì lìa xa Dục cho nên cũng rời bỏ sát sinh... gọi là lìa xa pháp ác bất thiện. Dựa vào Trí Luận thì lìa xa năm Dục gọi là lìa xa Dục, trừ bỏ năm Cái gọi là lìa xa pháp ác bất thiện. Lại các Dục phát ra hành ác rơi vào nẻo ác thấp nhất gọi là Dục ác, trái với phẩm thiện sinh ra gọi là bất thiện; hoặc là toàn bộ các pháp ác bất thiện đi cùng cõi Dục đều rời bỏ lìa xa. Dựa vào luận Tạp Tập quyển thứ tám nói: “Có thể đoạn trừ Dục-Nhuế-Hại... của cõi Dục.”

2) Có giác có quán, là tu hành đối trị. Trí Luận nói ví như lặc linh, tiếng lớn dụ cho Giác, tiếng nhỏ dụ cho Quán. Các luận như Tạp Tập... gọi là Tâm-Tứ, nghĩa là duyên với thô gọi là Tâm, duyên với tế gọi là Tứ, như luận Duy Thức quyển thứ bảy nói: “Bởi vì Tâm theo đuổi-Tứ quán sát cho nên lỗi lầm tai họa của cõi Dục có thể trừ diệt.” Luận Du Già quyển thứ mười một nói: “Dùng Bất tịnh đối trị Dục, Từ đối trị Nhuế, Bi đối trị Hại, tu ba hạnh đối trị ba tai họa, tiến vào Định của Thiên thứ nhất.”

3) Ly sinh hỷ lạc, là tu hạnh lợi ích. Pháp sư Viễn nói: “Vui mừng rời bỏ Dục ác cho nên sinh ra Hỷ, lìa xa lỗi lầm dừng lại cho nên gọi là Lạc, lại vui mừng gọi là Hỷ.” Dựa vào luận Tát-bà-đa thì thân tâm điều hòa thông suốt cho nên gọi là Lạc, Thể là Khinh an. Dựa vào Đại thừa thì vui thích là Lạc, Thể là Thọ số. Lại luận Tạp Tập quyển thứ tám nói: “Do chi Tâm-Tứ đối trị, đã đối trị rồi cho nên đạt được Ly sinh hỷ lạc.” Giải thích rằng: Được lìa xa pháp đã đối trị, sinh ra Hỷ lạc này mà làm lợi ích.

4) Tiến vào Thiên thứ nhất, là Tam-muội nương vào hai loại ấy, là Định đã nương vào đối trị và Chi lợi ích kia. Vì sao không nói đến chướng đã lìa xa, mà chỉ nói về hai loại trước? Giải thích: Bởi vì chướng đã đoạn cho nên không phải là Chi. Luận Tạp Tập quyển thứ tám nói: “Tâm nhất cảnh tánh là Chi thuộc tự tánh làm chỗ dựa của hai loại ấy, nương vào Định lực mà chuyển Tâm-Tứ...” Giải thích rằng: Chuyên chú vào một cảnh khiến cho tâm không tán loạn, gọi là tâm nhất cảnh.

Trong Thiên thứ hai: 1) Diệt hết giác quán là lìa xa chướng,

nghĩa là giác quán thô động phát sinh ba Thức, làm rối loạn Thiền thứ hai; như nước trong mà sóng xao động, gọi là không nhìn thấy gì.

2) Nội đẳng tịnh, trình bày về hạnh đối trị... Tiểu thừa là tướng của Tín có thể làm cho tâm thanh tịnh, nghĩa là bên trong đều thanh tịnh lìa xa ồn ào náo động bên ngoài, Định cùng lưu chuyển bên trong, gọi là Nội đẳng tịnh. Nội tịnh của Đại thừa thì thu nhận ba pháp Xả-Niệm-Chánh tri của Thiền thứ ba làm tánh. Luận Hiển Dương quyển thứ mười chín nói: “Nội đẳng tịnh lấy Xả-Niệm-Chánh tri làm Thể.” Luận Du Già quyển thứ 63 cũng giống như ở đây nói. Tâm nhất xứ không có giác quán, trong luận Xả-lợi-phát A-tỳ-đàm nói: “Trong địa của cõi Dục, tâm hiện hành ở sáu Xứ, dùng sáu Thức thân mà giữ lấy sáu Trần. Trong địa của Thiền thứ nhất, tâm hiện hành ở bốn Xứ, dùng bốn Thức thân mà giữ lấy bốn Cảnh, bởi vì Thiền thứ nhất trở lên không có Tỷ thức và Thiết thức. Thiền thứ hai trở lên, tâm hiện hành ở một Xứ, bởi vì chỉ có Ý thức thân duyên với Pháp trần.” Vả lại, nối tiếp nhau không gián đoạn cũng gọi là nhất xứ, luận nói tu vô lậu không gián đoạn Tam-muội mà hiện hành ở một cảnh. Giải thích rằng: Vô lậu dựa theo thật tu đối trị, không gián đoạn... là giải thích về một Xứ...

3) Định sinh hỷ lạc, là tu hạnh thuộc Chi lợi ích. Trong Thiền thứ nhất trước đây bắt đầu rời bỏ Dục ác, vui mừng lìa xa sinh ra Hỷ; trong Thiền thứ hai này, pháp từ bên trong sinh ra, vui mừng đạt được sinh ra Hỷ. Hỷ lạc giống như trước giải thích.

4) Tiến vào Thiền thứ hai, là Tam-muội nương vào hai loại ấy.

Trong Thiền thứ ba:

1) Ly hỷ là lìa xa chướng, nghĩa là tâm Hỷ của Thiền thứ hai phân biệt về Tướng sinh ra loạn động nhiều lỗi lầm; Thiền thứ ba chuyển sang vắng lặng vì vậy cần phải loại trừ, giống như người nghèo khổ có được vật báu sinh lòng vui mừng, mất đi thì hết sức buồn rầu, không giống như buồn rầu-vui mừng đều bật dứt mới là vui sướng.

2) Hành xả thành tựu Niệm-Tuệ, là tu thuộc Chi đối trị, nghĩa là Xả là chi Xả, tâm hiện hành điều hòa dừng lại rời bỏ lỗi lầm của Hỷ ấy, cho nên gọi là Xả, đây là Xả số, lựa chọn Xả thọ riêng biệt, cho nên gọi Hành xả thành tựu. Niệm là chi Niệm, nghĩa là nghĩ đến lỗi lầm của Hỷ trước đây mà giữ tâm vào một cảnh. Tuệ thì luận khác gọi là chi Chánh tri, nghĩa là phân biệt lỗi lầm của Hỷ, thấy rõ ràng lỗi lầm ấy cho nên thành tựu đối trị. Lại ba pháp này chìm sâu vắng lặng, Hỷ của địa dưới ồn ào trôi nổi, động và tĩnh trái ngược nhau cho nên trở thành đối trị. Luận Hiển Dương nói: “Trú xả, là đối với Hỷ đã sinh bởi vì không nén

chịu được, cho nên an trú trong bình đẳng đích thực không hề xao động. Niệm là ở trong Hỷ không hiện hành, không quên mà ghi nhớ rõ ràng. Chánh tri là hoặc có lúc lạc mất ý niệm mà Hỷ hiện hành, đối với điều này phân biệt nhận biết chính xác mà an trú.

3) Thân thọ lạc, là Chi thuộc lợi ích, nghĩa là Hỷ thuộc về Ý địa, Lạc thuộc về năm Thức, cho nên nói là Thân thọ. Lại giải thích: Lạc thọ có hai: a) Phẩm Hạ thì vui thích thuộc về tâm; b) Phẩm Thượng thì vui thích có khắp thân tâm. Dựa vào có khắp mọi nơi thuận theo cuối cùng làm tên gọi cho nên nói là Thân thọ. Nói các Hiền Thánh có thể nói ra-có thể rời bỏ, là hiển bày về Lạc sâu xa thù thắng, chỉ có Hiền Thánh, có thể nói ra vì lỗi lầm, có thể có năng lực rời bỏ lìa xa, không phải phạm phu mà có thể, cho nên sâu xa.

4) Thường nghĩ đến Lạc thọ tiến vào Thiên thứ ba, là Tam-muội nương vào hai loại ấy, nghĩa là thường nghĩ đến lợi ích của Lạc thọ thuộc Tự địa mà tiến vào Thiên này.

Trong Thiên thứ tư:

1) Đoạn bỏ Khổ... là lìa xa chương ấy. Thiên thứ ba đạt được Lạc tuy là lợi ích, mà hưởng về Thiên thứ tư thì rất là tai hại, như người bệnh nặng xem âm nhạc tuyệt diệu, bởi vì chương ngại đến Thiên thứ tư vì vậy cần phải loại trừ. Nếu như vậy thì lẽ ra chỉ loại trừ Lạc, vì sao đoạn Khổ? Giải thích rằng: Lý thật thì Khổ căn ở phần vị trước đã lìa xa, đến đây nói là đoạn, bởi vì muốn so sánh với Lạc để phân rõ cả hai. Buồn rầu và vui mừng đã diệt, là cuối cùng bắt dứt bốn Thọ, do đó trình bày về Thiên bất động.

Trong luận Du Già quyển thứ mười một nói: “Tĩnh lực thứ nhất rời bỏ Ưu căn, Tĩnh lực thứ hai rời bỏ Khổ căn, Tĩnh lực thứ ba rời bỏ Hỷ căn, Tĩnh lực thứ tư rời bỏ Lạc căn.” Lại luận ấy nói: “Hỏi: Vì sao Khổ căn trong Tĩnh lực thứ nhất nói là chưa đoạn? Đáp: Bởi vì phẩm ấy thô nặng giống như chưa đoạn. Hỏi: Vì sao sinh vào Tĩnh lực thứ nhất, Khổ căn chưa đoạn mà không hiện hành? Đáp: Nhờ vào bạn bè hỗ trợ, do Ưu căn trái ngược nhau mà thâm nhiếp các Khổ, cho nên Khổ ấy đã đoạn. Nếu Tĩnh lực thứ nhất đã đoạn Khổ căn, thì ngay lúc hành giả tiến vào Tĩnh lực thứ nhất và thứ hai, do Thọ mà dấy lên an trú sai biệt cho nên không có, bởi vì cả hai đều có Hỷ và Lạc.” Giải thích rằng: Bởi vì Định thứ nhất-thứ hai đều có Hỷ-Lạc, nếu như nhau lìa xa Khổ, thì hai Thọ không khác nhau. Định thứ nhất không đoạn thô nặng của Khổ, nhưng không có hiện hành mà có chi Lạc. Lại Tiểu thừa thì Lạc thọ này chỉ là Khinh an mà không phải là Lạc thọ. Lại Thiên thứ nhất thì Hỷ yếu kém, hãy

còn vì Khổ căn, thô nặng đi theo cho nên không gọi là diệt Khổ; Thiền thứ hai thì Hỷ thù thắng, diệt Khổ thô nặng, gọi là diệt Khổ căn.

Hỏi: Ưu-Hỷ loại trừ trước, văn nói là đã diệt; Khổ cũng loại trừ đã lâu, sao không nói là diệt trước?

Đáp: Bởi vì Khổ so sánh với Lạc mà Lạc chưa mất đi, cùng nói không thích hợp cho nên không nói, Ưu-Hỷ trước thì không như vậy cho nên không theo thể lệ. Nếu như vậy thì Ưu-Hỷ đã không so sánh với Lạc, đâu cần phải nêu ra? Giải thích rằng: Nơi tận cùng của Lạc, là tổng quát kết luận về bốn loại mất đi, hiển bày về Thiền bất động vì vậy cần phải nêu ra mà thôi.

2) Bất khổ bất lạc, là Chi thuộc lợi ích, trong Thiền khác đều trước là trình bày về đối trị, nay ở đây thì trước là trình bày về lợi ích, nương theo đoạn Khổ trước đây mà đoạn Lạc, so sánh điều ấy tức là trình bày về Bất khổ bất lạc để làm sáng tỏ về lợi ích, nghĩa thích hợp cho nên tiếp đến luận về điều ấy, lý thật thì ở sau.

Hỏi: Ở đây chính thức loại trừ Lạc, sao không những nói Bất lạc mà còn nói đến Bất khổ bất lạc? Đáp: Bởi vì trình bày về Xả thọ không giống với Khổ-Lạc.

Hỏi: Lìa xa chướng trước đây nói Ưu-Hỷ đã diệt, sao không nói là cũng Bất ưu bất hỷ? Đáp: Có hai nghĩa: a) Không phải chính thức diệt ở đây, cũng không trái ngược nhau với Lạc bởi vì không giống như Khổ; a) Nếu lúc thâm nhiếp năm Thọ làm ba Thọ, thì Ưu-Bi thâm nhiếp đưa vào trong Khổ-Lạc, bởi vì Khổ-Lạc vốn rộng, cho nên Xả thọ đối với Khổ-Lạc chỉ gọi là Bất khổ bất lạc.

3) Hành xả-Niệm tịnh là Chi thuộc đối trị, trong Thiền thứ ba trước đây bị Lạc che phủ cho nên Xả-Niệm không thanh tịnh, nay ở đây lìa xa Lạc tham của địa dưới kia cho nên nói là thanh tịnh. Xả-Niệm thanh tịnh và Lạc tham trái ngược nhau cho nên trở thành đối trị.

4) Tiến vào Thiền thứ tư là Tam-muội nương vào hai loại ấy.

Trong phần sau là giải thích về bốn Không, cũng đều có bốn, nhưng trong kinh này tóm lược không có hạnh thuộc đối trị, Luận chủ dựa theo nghĩa gác lại.

1) Trong chương đã lìa xa, là vượt qua Sắc tướng. Dựa vào luận Thành Thật: “Xa lìa Sắc tướng, là xa lìa Hương-Vị-Xúc tướng. Diệt trừ Hữu đối, là trở lại diệt trừ Sắc tướng về Hương-Vị-Xúc, bởi vì những Sắc ấy đều đối đãi chướng ngại. Không nghĩ đến Tướng sai khác, là diệt trừ duyên với Thanh tướng, bởi vì Thanh nhờ vào nhiều duyên kích phát mà sinh cho nên gọi là sai khác.” Cũng dựa vào Đại thừa không giống

như trước nói, nghĩa là Sắc tuy nhiều loại mà thâm nhiếp tất cả làm sáu, đó là năm Trần và Pháp xứ, tóm tắt chủ yếu chỉ có ba: 1) Hữu đối có thể thấy được, là do Nhãn thức mà hiện hành; 2) Hữu đối không thể thấy được, là do bốn Thức còn lại mà hiện hành; 3) Vô đối không có thể thấy được, nghĩa là do Ý thức mà hiện hành, Biểu sắc-Vô biểu sắc...

Trong này, vượt qua Sắc tướng, bởi vì lìa xa hiện hành của Nhãn thức mà có thể thấy Sắc tướng. Vì sao không nói vượt qua Sắc, mà chỉ nói vượt qua Sắc tướng? Giải thích: Bởi vì ở địa Sắc tu tập khởi lên Định này chưa xả bỏ Sắc chất của hình hài. Vì sao chỉ nói diệt Tướng mà không nói những tâm pháp khác? Giải thích: Lý thật thì có tất cả, mà bởi vì Tướng giữ lấy tướng mạnh hơn. Diệt trừ Hữu đối, là lìa xa hiện hành của bốn Thức còn lại, Hữu đối không thể thấy Sắc của bốn cảnh, bởi vì Tướng và Tâm cùng gọi là hòa hợp, cũng vốn là Tâm hợp với cảnh. Không nghĩ đến Tướng sai khác, là lìa xa Sắc tướng do Ý thức đã duyên với Pháp xứ, luận nói bởi vì Ý thức phân biệt tất cả các pháp. Nói Tướng sai khác, là bởi vì trở lại giải thích về ẩn kín lẫn nhau, nghĩa là Ý thức duyên bao gồm tất cả các pháp, ở trong Pháp xứ chọn lấy diệt Tướng của Ý thức bên nghĩa về duyên với Sắc, duyên với Ý thức khác thì trong này không loại trừ, nêu ra pháp đã diệt chọn lấy những pháp không diệt, cho nên nói là sai khác.

Hỏi: Tướng về Hương-Vị thì Thiền thứ nhất đã lìa xa, Tướng về Sắc-Thanh-Xúc thì Thiền thứ hai đã loại trừ, nay vì sao nói do Không Định mà diệt? Đáp: Xa thì Giải thích rằng: Đối trị có bốn loại: 1) Đối trị về Hoại, nghĩa là đạo phương tiện quán về Hữu lậu-Vô thường... về sau. 2) Đối trị về Đoạn, nghĩa là đạo vô ngại đích thực đoạn trừ lỗi lầm về sau. 3) Đối trị về Trì, nghĩa là đạo giải thoát làm đầu và tất cả đạo vô gián-giải thoát về sau, duy trì Vô vi ấy không để cho thay đổi hư hoại. 4) Đối trị về phần xa, nghĩa là đạo giải thoát làm đầu, và tất cả đạo vô gián-giải thoát về sau, xa thì khiến cho chướng trước đây hoàn toàn không dấy khởi. Nay Không Định này dựa vào đối trị thứ tư, vì vậy nói là lìa xa Tướng này.

Nay lại giải thích ở trong Thiền thứ hai tuy không có Sắc-Thanh-Xúc tướng, mà cần phải nhờ vào tâm thuộc ba Thức của Thiền thứ nhất để thấy nghe nhận biết xúc chạm, vì vậy cho đến trong Thiền thứ tư hãy còn có Tướng này. Nay đạt được Không Định, cho nên nói là diệt trừ Tướng ấy. Nếu như vậy thì hai Tướng về Hương-Vị vì sao cũng nói đến? Giải thích có hai nghĩa: a) Bởi vì cũng có dựa vào; b) Bởi vì cùng với Thanh-Xúc đều là Sắc hữu đối không có thể thấy được, cho nên cùng

phân rõ. Như Thiền thứ tư diệt trừ Ưu-Khổ đều dựa theo điều này, đó gọi là lìa xa chướng.

2) Đối trị, luận có ba câu, vượt qua Tướng thuộc cảnh giới như Sắc... là Không Định lìa xa Tướng về cảnh như Sắc... ấy, cho nên gọi là vượt qua. Vì sao vượt qua? Bởi vì không phân biệt. Vì sao không phân biệt? Bởi vì thấy Vô ngã. Đây là phân rõ về đích thực đối trị.

Hỏi: Trong này đã có tu hạnh đối trị, là chi Hữu phải không? Đáp: Dựa vào kinh Anh Lạc Bốn Nghiệp, bốn Định Vô sắc đều có năm Chi, đó là Tướng-Hộ-Chỉ-Quán và Nhất tâm. Nay dựa vào các luận như Tạp Tập... thì các Định Vô sắc, bởi vì Xa-ma-tha cùng một vị với Tướng, cho nên không có kiến lập về Chi phần. Luận chủ chỉ dựa theo thay đổi chướng đã lìa xa, hiển bày về hành có thể đối trị, theo nghĩa mà nói chứ không phải dựa theo Chi phần.

Biết Hư không vô biên là tu hạnh lợi ích, nghĩa là ba Sắc tướng không còn, rộng rãi vô biên; liền tiến vào Hư không Vô sắc Định, là Tam-muội nương vào hai loại ấy.

Trong hai, vượt qua tướng Hư không, đó gọi là lìa xa chướng; thấy niệm thô bên ngoài phân biệt lỗi lầm tai họa, đó gọi là tu hạnh đối trị. Nghĩa là bởi vì tâm niệm thô thiếu tai họa bên ngoài duyên với Hư không, có thể thấy được sai lầm này nhận biết lỗi lầm mà loại trừ Tướng ấy, cho nên nói là đối trị.

Biết Thức vô biên là tu hạnh lợi ích, nghĩa là rời bỏ bên ngoài trú vào bên trong. Thể của Định, có thể biết.

Trong ba, vượt qua Thức là lìa xa chướng, thấy sự việc thô thiếu nghĩ đến phân biệt lỗi lầm tai họa, là tu hạnh đối trị, nghĩa là hãy còn thấy trú vào Thức bởi vì thô thiếu tai họa.

Biết Vô sở hữu là tu hạnh lợi ích, nghĩa là rời bỏ bên ngoài trú vào bên trong trước đây, hãy còn là niệm thô thiếu, không giống như bên trong-bên ngoài cả hai đều lìa xa, cả hai không vốn có, mới là lợi ích. Thể của Định, có thể biết.

Trong bốn, lìa xa chướng có thể biết. Thấy Thức ấy trú vào Vô sở hữu, bởi vì Tướng thô thiếu-Niệm lỗi lầm, có thể đối trị Tướng ấy, gọi là tu đối trị.

Biết Phi hữu tướng phi vô tướng an ổn, là Tướng thô thiếu đã không còn, gọi là Phi hữu; Tướng vi tế chưa mất đi, gọi là Phi vô. Trong này, Phi vô dựa theo Thánh trí mà nói, chứ không nói là Định thế gian hiểu rõ về Phi vô này. Thể của Định, có thể biết.

Phần sau là trình bày về ý tiến vào, nghĩa là chỉ tùy thuận với

pháp giáo hóa chúng sinh mà tiến vào tám Định này, không phải là vui với Tự hành mà nói.

Trong phần bốn là quả của chán ngán, có hai: Trước là quả của hành; sau là Điều nhu... trình bày về quả của phần vị.

Trong phần trước có ba: 1) Bốn Vô lượng gọi là quả của hành thuộc phương tiện; 2) Năm Thân thông là quả của hành thuộc công dụng; 3) Tổng quát kết luận về tự tại.

Trong phần một, nghĩa về bốn Vô lượng tóm lược đưa ra bốn môn: Một: Giải thích tên gọi; Hai: Thể tánh; Ba: Kiến lập; Bốn: Chứng loại.

Một: Giải thích tên gọi: Duyên với cảnh Vô lượng khởi lên hạnh Vô lượng, gọi là bốn Vô lượng, tức là Đối số thích.

Hai: Thể tánh: Luận Tập Tập quyển thứ 14 dùng Định-Tuệ làm Thể. Vả lại, Từ có thể mang đến niềm vui, không có sân làm Thể; Bi có thể bạt trừ đau khổ, tức là không tổn hại làm Tánh; Hỷ là mừng với niềm vui của người, không ganh ghét làm Tánh, Xả là khiến cho người khác rời bỏ Hoặc, tức là khéo léo xả bỏ làm Thể.

Ba: Kiến lập: Dựa vào luận Trang Nghiêm và luận Du Già quyển thứ mười hai có bốn loại tác ý, thiết lập bốn Vô lượng, nghĩa là duyên với chúng sinh cầu niềm vui, khởi lên tác ý mang lại niềm vui, thiết lập Từ vô lượng; duyên với chúng sinh có đau khổ, khởi lên tác ý bạt trừ đau khổ, thiết lập Bi vô lượng; duyên với chúng sinh có vui thích, khởi lên tác ý tùy theo vui thích, thiết lập Hỷ vô lượng; duyên với chúng sinh có phiền não, khởi lên tác ý không nhiễm ô, thiết lập Xả vô lượng. Đây là dựa theo Sơ giáo. Lại dựa vào kinh Đại Tập quyển thứ chín nói: “Biết tâm tánh của các chúng sinh vốn thanh tịnh, cho nên gọi là Từ; quán sát đối với tất cả đều như hư không, cho nên gọi là Bi; đoạn hết tất cả niềm vui, cho nên gọi là Hỷ; tâm lìa xa tất cả các hành, cho nên gọi là Xả. Đây là dựa theo Chung giáo, Đốn giáo và Viên giáo dựa theo đây.

Bốn: Chứng loại: Trong các kinh luận phần nhiều nói đến ba loại: 1) Duyên với chúng sinh; 2) Duyên với pháp; 3) Vô duyên.

Trong Trí Luận có hai cách giải thích: Một là dựa theo chủ động khởi lên, đầu là Từ... của phàm phu, tiếp là Pháp chấp của Nhị thừa, sau là thật sự hợp với Bồ-tát. Hai là dựa theo những lợi ích, đầu là khiến cho đạt được lợi ích của trời-người, tiếp là khiến cho đạt được lợi ích của Nhị thừa, sau là khiến cho đạt được Bồ-đề.

Trong luận Phật Địa, chư Phật Bồ-tát duyên với chúng sinh không thật, là bởi vì cũng duyên với pháp tạm thời của năm Uẩn ấy, và duyên với Chân lý về hai Không mà giáo hóa. Nay trong luận Thập Địa, chúng

sinh niêm... thì niêm tức là duyên với niêm. Nếu dựa vào Viên giáo thì như phẩm Ly Thế Gian sau này, đều có mười loại, nói đầy đủ như phẩm ấy, nghĩa còn lại giải thích như Chương riêng biệt.

Trong phần giải thích văn, có hai: Trước là giải thích về Từ, sau là hiển bày về ba pháp tương tự.

Trong phần trước có ba:

Một: Trong niêm về chúng sinh có bốn: 1) Mang đến niềm vui, Quảng là mang đến niềm vui của cõi Dục; Đại là mang đến niềm vui của Thiên thứ nhất-thứ hai, bởi vì cùng Hỷ cho nên tên gọi giống nhau; Vô lượng là mang đến niềm vui của Thiên thứ ba, không đi cùng với Hỷ cho nên tên gọi không giống nhau. Lúc dùng ba niềm vui này mang đến cho chúng sinh, không lựa chọn bên này-bên kia, cho nên nói là không hai, cũng chính là bình đẳng. 2) Nói không có sân hận, là đối trị hai chướng, xa thì nói đối với oán thù làm cho tổn hại gọi là mang đến điều không ưa thích, đối với thân thiết làm cho vui vẻ gọi là mang đến điều ưa thích; hai loại này là chướng, như kinh nói không có nóng giận đối trị loại đầu, không có oán hận đối trị loại sau. Lại giải thích: Đối với không ưa thích thì trao cho điều ưa thích, ngược lại với sự nóng giận ghét bỏ của mình thì gọi là đối trị. 3) Thanh tịnh, nghĩa là lìa xa năm Cái làm cho Định Từ thanh tịnh, kinh này tóm lược không có. 4) Không có não hại, là thâm nhiếp quả, nghĩa là Định Từ khởi lên tiếp nhận quả thuộc Chánh báo ở trong cõi Sắc, thế lực còn lại của hạnh Từ về sau tiếp nhận quả thuộc Tập khí ở cõi Dục, cho nên nói là tiếp nhận quả thuộc Tập khí-Chánh báo ở cõi Dục-Sắc, vì vậy không có sự việc khổ não.

Hai: Năng lực Tín-Giải có khắp nơi, là trình bày về pháp niêm, trong Niết-bàn duyên với pháp lợi ích chúng sinh. Trong luận Du Già thì Bồ-tát địa duyên với pháp như năm Uẩn... của các chúng sinh. Địa Luận đầy đủ hai loại: a) Biết về pháp của phàm-Thánh và chúng sinh; b) Từ “Cập chúng sinh...” trở xuống là biết tâm của chúng sinh mà khởi lên các pháp phân biệt, dùng để giáo hóa chúng sinh.

Ba: Đây khắp mười phương, là trình bày về Vô niêm, trong luận cũng có hai: a) Ngay nơi Thế vô niêm; b) Phạm vi giới hạn vô tận. Như luận nên biết. Còn lại ba pháp tương tự với Từ, cho nên nói là cũng lại như vậy.

Trong phần hai trình bày về quả của năm Thông đưa ra bốn môn:

Một: Giải thích tên gọi; Hai: Đưa ra Thế; Ba: Các môn; Bốn: Giải thích văn.

Trong phần một, trước là giải thích về tên gọi chung, chuyển biến

không có tắc nghẽn, gọi là Thần thông. Năm là số lượng, Thông là ý nghĩa, tên gọi làm sáng tỏ về số lượng và ý nghĩa, tức là Đối số thích.

Trong tên gọi riêng biệt: 1) Gọi là Thần túc thông, khó lường gọi là Thần, dần bước trái qua gọi là Túc, từ Dụng dựa vào dụ làm tên gọi. Lại giải thích: Thần là Dụng của Thông, Túc là chỗ dựa của Định, bởi vì Định và Thông làm Túc, Định-Dụng từ dụ làm tên gọi. Cũng gọi là Như ý thông, bởi vì ẩn hiện tùy tâm. Cũng gọi là Thân thông, bởi vì Thông-Tuệ dựa vào thân. Cũng gọi là Thần cảnh thông, bởi vì là cảnh do Thông-Tuệ mà biến đổi. 2) Thiên nhĩ thông. 3) Thiên nhãn thông, nghĩa về ánh sáng rực rỡ là nghĩa của Thiên, nghe tiếng là nghĩa của tai, soi chiếu dẫn dắt là nghĩa của mắt, đều từ căn và nẻo để thiết lập tên gọi. 4) Tha tâm thông, có thể hiểu rõ tâm của người khác, từ cảnh làm tên gọi. 5) Túc mạng thông, cũng gọi Túc trú thông, lụi tàn trôi qua gọi là Túc, thời gian vốn có sắc-tâm nối tiếp nhau gọi là Mạng, cũng gọi là Trú, Thông-Tuệ chiếu rọi vào đó, cũng từ cảnh làm tên gọi. Năm loại này đều là dựa vào chủ thiết lập tên gọi. Nói là Thông của Túc trú... dựa theo điều này.

Phần hai là đưa ra Thể: Dựa vào Tát-bà-đa Bộ, năm Thông của phàm phu nếu tổng quát đưa ra Thể, thì dùng tất cả Tuệ số trong Đại địa làm Thể; nếu riêng biệt thì dùng Đẳng Trí làm Tánh. Nếu như Kinh Bộ tông, năm Thông của phàm phu thì tổng quát lấy Tưởng Trí-Tưởng Định làm Thể, nếu riêng biệt thì dùng trí Danh tự trong mười Trí làm Tánh; nếu Thánh nhân đạt được như nhau thì lấy làm tên gọi, dùng trí Vô lậu làm Tánh. Nếu như Đại thừa tông, tổng quát thì lấy Tuệ số trong Biệt cảnh làm Tánh, nếu riêng biệt thì năm Thông của phàm phu lấy trí Thế tục làm Tánh, năm Thông của Thánh nhân lấy trí Hậu đắc làm Tánh. Nếu luận Tạp Tập thì lấy Định-Tuệ làm Tánh.

Phần ba là các môn phân biệt, tóm lược có năm môn:

1) Phân rõ về chỗ dựa của Định: Dựa vào Tiểu thừa chỉ dựa vào bốn Định Căn bản, bởi vì dựa vào Địa thù thắng phát khởi Thông thù thắng; Vị chí và Trung gian thì Tuệ ít mà Định nhiều, các Định Vô sắc thì Định nhiều mà Tuệ ít, lại không có Chi giúp đỡ nhau, không có thể phát khởi Thông. Kinh Bộ cũng giống như vậy. Luận Đại Thừa-Du Già-Hiến Dương, cũng giống như trước. Nếu luận Tạp Tập thì Thông dựa vào bốn Định, phần nhiều dựa vào Định thứ tư, bởi vì công đức thù thắng.

2) Dựa theo ba nghiệp: Dựa vào Địa Luận, một Thông đầu thuộc về thân nghiệp thanh tịnh, Thiên nhĩ-Tha tâm là hai Thông thuộc về

khẩu nghiệp thanh tịnh, Túc mạng-Trí sinh tử là hai Thông thuộc về ý nghiệp thanh tịnh. Giải thích rằng: Loại đầu tức là chuyển biến sắc chất-hình hài gọi là thân nghiệp thanh tịnh, Thiên nhĩ-Tha tâm có thể phát khởi ngôn thuyết gọi là khẩu nghiệp thanh tịnh, hai loại sau bởi vì đời quá khứ-vị lai ngăn cách khó biết, chỉ riêng ý có thể hiểu rõ gọi là ý nghiệp thanh tịnh. Năm Thông là Trí, lý thật đều là ý, nhưng tùy theo tướng của Dụng, cho nên đưa ra phần này.

3) Dựa theo nghiệp dụng: Địa Luận dựa theo nghiệp dụng của Bồ-tát: Đầu là Thân thông có thể đến nơi của chúng sinh. Hai loại tiếp là thuyết pháp cho chúng sinh, đó là Thiên nhĩ nghe tiếng nói nơi khác không giống nhau, tùy theo nơi chốn để thuyết giảng, Tha tâm nhận biết về những ưa thích trong tâm khí người khác; cần phải dựa vào hai loại này mới có thể thuyết pháp, đó là tiếng nói và ý nghĩa. Hai loại sau là biết tất cả chúng sanh thuận theo tiếp nhận giáo hóa ở quá khứ-vị lai. Giải thích rằng: Túc mạng nhận biết về những Tập nhân ở quá khứ mà trao cho pháp, Thiên nhãn nhìn thấy Căn thuần thực ở vị lai mới có thể tiếp nhận giáo hóa.

4) Dựa theo trí kiến: Trong Địa Luận bốn Thông trước là Trí sáng suốt, Thông thứ năm là Kiến sáng suốt. Giải thích rằng: Lý thật thì Thể của năm Thông đều là Trí, nhưng vì Thiên nhãn soi chiếu nhìn thấy rõ ràng, mà bỏ Thể thuận theo Căn nói tên gọi là Kiến. Nếu như vậy thì Thiên nhĩ sao không thuận theo Căn gọi là Văn? Giải thích: Lý thật thì thích hợp như nhau, nhưng vì Trí là tánh thuộc về thấy, Nhãn cũng là thấy, nghĩa của thấy thuận với Trí cho nên chỉ dựa vào Nhãn mà nói.

5) Dựa theo phạm vi giới hạn đã nhận biết: Nếu năm Thông của phàm phu thì chỉ nhận biết một thế giới hệ (Tứ thiên hạ). Nếu hàng Tiểu thừa thì dựa vào Trí Luận quyển thứ 6 nói: “Nếu A-la-hán Tiểu thừa dụng tâm nhỏ bé, thì Thiên nhãn nhìn thấy một ngàn thế giới, dụng tâm to lớn thì nhìn thấy hai ngàn thế giới; nếu Đại A-la-hán dụng tâm nhỏ bé, thì nhìn thấy hai ngàn thế giới, dụng tâm to lớn thì nhìn thấy ba ngàn thế giới. Nghĩa dựa theo Bồ-tát, tùy theo phần vị dần dần tăng lên. Nếu như Phật thì toàn bộ không có hạn lượng.” Những Thông còn lại dựa theo điều này.

Phần bốn là giải thích văn: Năm Thông tức là năm đoạn.

1) Trong Thần túc thông, luận về đạt được ba loại thù thắng tự tại: Một: Câu đầu là chuyển động thế giới tự tại, dựa theo Y báo. Hai: Một câu về tự thân tự tại: a) Phân ra; b) Hợp lại; c) Ẩn hiển, nghĩa là ngay lúc ấy ẩn đi rồi lại xuất hiện. Ba: Dựa theo thân tác nghiệp tự tại,

có tám loại, tám lược không có tuôn nước, còn lại như luận phân rõ. Nếu dựa vào Trí Luận quyển thứ sáu: “Như ý thông có ba loại: Một là có thể đến, hai là chuyển biến, ba là Thánh như ý. Có thể đến có bốn: 1) Thân có thể bay đi... 2) Chuyển từ xa khiến cho đến gần, không đi mà đến; 3) Ẩn đi nơi này hiện ra nơi kia; 4) Một niệm có thể đến. Chuyển biến là lớn có thể làm thành nhỏ, một làm thành nhiều... năng lực của ngoại đạo chuyển biến sự việc rất lâu không vượt quá bảy ngày, Phật và đệ tử thì lâu hay mau như ý muốn. Thánh như ý là ở trong sáu Trần không ưa thích-không thanh tịnh, quán sát làm cho ưa thích-thanh tịnh... dựa theo điều ấy. Pháp tự tại này, chỉ có Phật đạt được, cho đến nói rộng ra.”

2) Trong Thiên nhĩ thông: Bởi vì Thiên nhĩ vượt quá trời-người, hoặc là tiếng khỏ, tiếng vui, tiếng thô, tiếng tế, tiếng xa, tiếng gần... không có tiếng gì không nghe biết, còn lại như luận phân rõ.

3) Trong Tha tâm thông: trước là tổng quát, sau là riêng biệt. Trong riêng biệt có mười câu phân ba: Bốn câu đầu biết về tâm thuộc phiền não, hai câu tiếp biết về tâm thuộc báo, bốn câu còn lại biết về tâm thuộc tác nghiệp. Luận phân làm tám, như luận nên biết. Trong bốn câu đầu, ba câu trước biết về ba Độc có-không, luận gọi là tùy phiền não, đây là bởi vì tùy duyên hiện khởi vốn không phải là Hoặc nhỏ bé gọi là Tùy; một câu sau biết về Cấu... là tánh của Hoặc vi tế ấy, vì vậy làm thành tên gọi là Sử. Hai câu tiếp biết về tâm thuộc báo, là tâm Vô ký, loài người là nhỏ, trời cõi Dục là rộng, trời cõi Sắc là lớn, Vô sắc bao gồm cả hai, Giải thoát gọi là Vô lượng. Trong này gọi là hẹp hòi, bởi vì nhiều Định lực. Bốn câu còn lại biết về tâm thuộc tác nghiệp, ba câu trước là thanh tịnh, một câu sau là nhiễm ô. Trong ba câu trước, câu một là tán loạn... dựa theo Học, bởi vì chưa đạt được tâm Định, cho nên hoặc là tán loạn, hoặc là không phải tán loạn; câu hai là Định... dựa theo đạt được Định, sau khi đạt được Định, hoặc là tiến vào Định, hoặc là rời khỏi Định, hoặc là ở trong Định; câu ba là ràng buộc-giải thoát... dựa theo Tuệ, bởi vì ở nơi ràng buộc mà được giải thoát. Sau là một câu biết về tâm nhiễm ô, trong này tóm lược không có tâm mong cầu-không mong cầu, có bậc cao... dựa theo Mạn, nghĩa là có nơi chốn trên cao khởi lên ý tưởng đạt được là thô thiển, đối với nơi chốn không có gì cao hơn khởi lên ý tưởng đạt được là vi tế, vì vậy luận nói hành thuộc tập khí thô thiển và vi tế.

4) Trong Túc mạng thông: trước là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận. Trong luận phân ba: Đầu là điều gì có thể nghĩ đến, đó

là Trí. Đây là giải thích về câu tổng quát. Trong riêng biệt: Một: Nghĩ đến sự việc như thế nào, đó là nghĩ đến một thế giới... Hai: Từ “Ngã sinh...” trở xuống là nghĩ đến như thế nào, đó là nghĩ đến nhờ vào tên gọi... Trong này, chủng tộc là gia đình sai biệt, nghĩa là sinh vào gia đình... tánh là dòng họ sang hèn... Ba-Biết về tên gọi của mình. Bốn-Biết về những thức ăn. Năm-Biết về khổ vui. Sáu-Biết về thọ mạng, như kinh nói tồn tại lâu dài như vậy. Bảy-Biết về chết nơi này sinh đến nơi kia. Còn lại như luận phân rõ.

5) Trong Thiên nhân thông: trước là tổng quát, sau là riêng biệt. Trong luận: Trước là giải thích về có thể nhìn thấy làm tổng quát. Sau là riêng biệt: Một: Thấy chúng sinh chết nơi này sinh đến nơi kia, cho nên gọi là Sinh tử trí thông, thấy biết tướng tận cho nên nói là thanh tịnh, thấy xa đến phương khác cho nên nói là hơn người. Hai: Từ “Kiến hà đẳng sự...” trở xuống là tổng quát giải thích về điều đã thấy. Ba: Từ “Vân hà kiến...” trở xuống là trình bày về tướng thấy, tức là riêng biệt giải thích về điều đã thấy; tức là các chúng sinh... trình bày về nhân quả thiện ác, chỉ ra giống như nói ở Địa thứ hai, có thể biết.

Trong phần ba từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày tổng quát kết luận về tự tại. Trong luận có bốn: Một, Thiên kết luận về bốn Thiên. Hai, Giải thoát kết luận về bốn Vô sắc, bởi vì trong tám Giải thoát thì bốn Vô sắc vốn là bốn Giải thoát sau. Ba, Tam-muội là Định thuộc bốn Vô lượng. Bốn, Tam-ma-bạt-đề là năm Thông. Ở đây nói là Đẳng Dẫn, nghĩa là dẫn dắt phát khởi nghiệp dụng của năm Thông. Có thể tiến vào-có thể vượt ra, nghĩa là khởi tâm muốn tiến vào, khởi tâm muốn vượt ra, gọi là lúc tâm sinh khởi; lập tức có thể tiến vào-vượt ra, gọi là Dụng hiện rõ trước mắt; không tùy theo sinh khởi, là bởi vì không bị Định... làm cho ràng buộc. Trong mười loại về niệmsâu xa trước đây, tâm thuần hậu vốn thành tựu ở nơi này, tuy tiến vào Thiên..., mà dùng nguyện lực sinh đến nơi ấy, tăng trưởng ở phần Bồ-đề, tức là cùng nơi sinh với Phật và Bồ-tát. Ở đây giải thích dựa theo Tự lợi, phẩm Trú trong luận Du Già giải thích dựa theo Lợi tha, có thể biết. Phần quả của công hạnh, xong.

Kế từ “Thị Bồ-tát trú ư Minh địa...” trở xuống là trình bày về quả của phần vị. Trong đó, ba quả tức là ba đoạn: Một: Trong quả của hạnh Điều nhu có bốn: 1) Thể của hạnh Điều nhu; 2) Đức của hạnh Nhân; 3) Hạnh của Địa riêng biệt; 4) Kết luận về tướng thuyết giảng.

Trong phần một có ba: Trước là Pháp, tiếp là Dự, sau là Hợp.

Trong Pháp nói: Quán sát tất cả các pháp không sinh diệt do các

duyên mà có, là trong này luận nói: Ở trong pháp thanh tịnh không thấy tăng thêm, trong phiền não vọng tưởng không thấy giảm bớt. Bởi vì nhân duyên tích tập mà sinh, là chữ Bởi Vì (Cố) này có hai nghĩa: a) Do duyên tích tập cho nên không có tăng thêm, không có giảm bớt, vì vậy nói là không sinh diệt; b) Do duyên tích tập cho nên có tăng thêm, có giảm bớt, vì vậy nói là có sinh diệt. Đây là một nhân của duyên tích tập làm thành hai nghĩa này, vì vậy thường khởi nhân duyên đối trị, lìa xa cấu nhiễm thành tựu công hạnh mà luôn luôn không thấy có tướng sinh diệt. Dục hữu-Vô minh ràng buộc đều nhỏ bé mỏng manh, là đoạn tất cả phiền não vốn có của cõi Dục-Sắc-Vô sắc lúc tu đạo và nhân của phiền não ấy cùng tập khí Vô minh, thấy đều xa rời bởi vì nhỏ bé mỏng manh. Giải thích rằng: Đây là Phiền não chướng như tham... hiện hành cùng với chủng tử, cho nên nói và nhân của phiền não ấy; cùng với chủng tử của Sở tri chướng đã đoạn ở Địa ấy giống như diệt hết ở phần vị này, cho nên nói là cùng tập khí Vô minh thấy đều nhỏ bé mỏng manh, bởi vì chưa hết cho nên chỉ nói là mỏng manh. Trong Địa Kinh nói các Kiến ràng buộc, trước ở Địa thứ nhất đã đoạn, cho nên không còn tích tập. Đoạn trừ ba Độc, là bởi vì đoạn trừ vi tế chứ không đoạn trừ thô thiển.

Trong phần hai từ “Thị Bồ-tát nhãn...” trở xuống là trình bày về đức của hạnh Nhẫn, có mười tâm. Người khác làm cho xấu xa gọi là Nhục, tâm có thể chịu đựng gọi là Nhẫn; khéo léo bảo vệ tâm của người khác là giải thích về tâm an lạc. Dùng hai tâm này để phân biệt về các tâm sau, cho nên nói là thị hiện phân biệt. Nói gây ra điều ác trong lòng nghi ngờ, nghĩa là có chúng sinh đã từng làm hại đến Bồ-tát, tự nghĩ điều ác đã làm mà nghi ngờ Bồ-tát oán giận, nhưng Bồ-tát đem thân bảo vệ cùng với họ chuyện trò thân thiện để khuyên nhủ dạy dỗ, cho nên nói là hiện rõ giống như bạn bè chuyện trò thân thiện... Đây là giải thích về tâm hòa đồng-tâm mềm mỏng. Trong này, tâm tuyệt vời có đủ hai tâm ấy. Tâm không hủy hoại, là thân bị làm hại mà không oán giận. Tâm không lay động, là bị mắng nhiếc tạt hại mà không đáp lại. Tâm không hỗn loạn, là lúc nhẫn nhịn thì tâm vốn không buồn lo phiền muộn. Tâm không cao thấp, là quá khứ thực hành đã lâu cho nên không kiêu mạn, vì vậy nay có thể hạ mình đến chuyện trò thân thiện với họ, nghĩa là đối với mình không cao, đối với người không thấp. Địa Kinh có hai câu: a) Dùng đạo để cảm hóa người khác mà không cầu người khác cung kính; b) Bố thí ban ân cho người mà không mong người khác đền đáp. Nếu có mong cầu cung kính-hy vọng đền đáp, thì hơi trái ý

liền sinh oán giận, nay bởi vì không có tâm này cho nên thành tựu nhân của hạnh Nhẫn. Trong này, đầu là bố thí ban ân không nghĩ đến, sau là ân nhỏ bé mà báo to lớn. Tâm không nịnh hót quanh co, là không phải không thật thì giải thích về không nịnh hót, và không có tâm thiên vị là giải thích về không quanh co. Bởi vì Bồ-tát khiêm tốn hạ mình thuận theo chúng sinh nịnh hót quanh co như nhau, cho nên nay trình bày về thật sự bình đẳng. Tâm không cấu nhiễm, là tâm cấu nhiễm ẩn kín vi tế, thấy đều lìa xa cho nên hiển bày thanh tịnh. Văn còn lại có thể biết.

Trong phần ba là kệ tụng, có ba mươi lăm kệ phân năm: Một: Đầu là hai kệ tụng về phần khởi lên hạnh chán ngán. Hai: Có hai mươi bốn kệ tụng về hạnh chán ngán, phân ba: Đầu là bốn kệ tụng về hạnh bảo vệ phiền não, tiếp là sáu kệ tụng về hạnh bảo vệ Tiểu thừa, tiếp là mười kệ tụng về hạnh thâm nhiếp phương tiện. Ba: Có hai kệ tụng về phần chán ngán và quả của công hạnh. Bốn: Có sáu kệ tụng về quả của phần vị. Năm: Một kệ sau cuối tụng kết luận về thuyết giảng.

Trong Địa thứ tư là Diệm Tuệ Địa, cũng có bảy môn giống như Địa trước.

Thứ nhất: Giải thích tên gọi: Trong luận Duy Thức quyển thứ chín nói: “An trú trong pháp phần Bồ-đề tối thắng, đốt cháy củi phiền não, ngọn lửa Tuệ tăng lên, cho nên gọi là Diệm Tuệ Địa.”

Nhiếp Luận nói: “Bởi vì các pháp phần Bồ-đề đốt cháy tất cả các chướng.”

Vô Tánh Giải thích rằng: “Bởi vì trong Địa này có ngọn lửa Tuệ, cho nên gọi là Diệm Tuệ Địa.”

Thế Thân Giải thích rằng: “Có thể đốt cháy tất cả phiền não căn bản và tùy phiền não đều trở thành tro bụi, gọi là Diệm Tuệ Địa.”

Luận Trang Nghiêm nói: “Dùng Tuệ thuộc phần Bồ-đề làm ngọn lửa của tự tánh, dùng hai chướng Hoặc-Trí làm củi của tự tánh, Bồ-tát ở Địa này có thể phát khởi ngọn lửa Tuệ đốt cháy củi của hai chướng, gọi là Diệm Tuệ Địa.”

Kinh Kim Quang Minh nói: “Có thể đốt cháy phiền não, dùng ngọn lửa trí tuệ tăng thêm ánh sáng rạng ngời, tu hành Đạo phẩm dựa vào xứ sở, cho nên gọi là Diệm Địa.”

Kinh Thâm Mật quyển thứ tư và luận Du Già quyển thứ 78 cùng luận Hiển Dương phần lớn giống như cách nói này.

Trí Luận gọi là Tăng Diệm Địa, như luận Thập Trú nói: “Bố thí-Trì giới-Đa văn uy đức sáng ngời, cho nên gọi là Diệm Địa.”

Thứ hai: Trình bày về ý đưa ra, cũng có ba nghĩa: 1) Địa trước

trình bày về Định, từ đây trở xuống các Địa trình bày về Tuệ đã phát khởi, dựa vào Định phát khởi Tuệ vốn là nghĩa theo thứ tự. Đây là dựa vào kinh Giải Thâm Mật. 2) Ba Địa trước dựa vào thế gian, nay Địa này là xuất thế, nghĩa theo thứ tự cho nên tiếp tục đưa ra. Đây là dựa vào luận Thập Địa phân rõ. 3) Ba Địa trước tuy đạt được Định tổng trì của thế gian, mà chưa có thể đạt được pháp phần Bồ-đề, bởi vì xả bỏ Ái về Định và Ái về Pháp, cho nên Địa này tu chứng hạnh ấy, vì vậy tiếp tục đưa ra. Đây cũng dựa vào kinh Giải Thâm Mật.

Thứ ba: Những chương đã lìa xa: Dựa vào luận Thập Địa nói lìa xa chương kiêu mạn về hiểu rõ pháp, bởi vì Địa thứ ba nghe về giáo pháp lưu chuyển thù thắng phát sinh hiểu biết khởi lên kiêu mạn, Địa thứ tư trái với điều này cho nên lấy làm chương ngại.

Dựa vào Lương Bốn Nhiếp Luận gọi là phiền não vi tế cùng phát sinh Vô minh như Thân kiến... Luận ấy dùng chủng tử phân biệt về chấp Pháp làm Thế; như Lương Luận quyển thứ mười giải thích đầy đủ.

Lại luận Thành Duy Thức quyển thứ chín gọi là chương hiện hành của phiền não vi tế, nghĩa là một phần Câu sinh trong Sở tri chương, Thức thứ sáu cùng thâm nhiếp như Thân kiến... bởi vì phẩm thấp nhất cho nên không tác ý duyên vào, xa thì tùy theo hiện hành cho nên gọi là vi tế.

Luận sau giải thích trong Nhiếp Luận của Thế Thân nói: Phân biệt về Ngã kiến có ba: 1) Đầu tiên đoạn trừ vi tế cho nên gọi là Thượng phẩm; 2) Phân biệt mà khởi lên; 3) Không có thể đến xa cho nên gọi là thô. Nay ở đây do Câu sinh cuối cùng mà đoạn cho nên gọi là Hạ phẩm, vốn tùy ý vận dụng khởi lên, xa đến Địa thứ tư mới có thể đoạn trừ, vì vậy chương này khác với phiền não thô ấy, cho nên gọi là vi tế.

Luận trước nói phiền não ấy chương ngại đến pháp phần Bồ-đề của Địa thứ tư, mà lúc tiến vào Địa thứ tư thì có thể vĩnh viễn đoạn trừ, phiền não ấy xưa kia phần nhiều qua lại trong Thức thứ sáu tùy ý vận dụng mà sinh ra chấp về Ngã kiến... cùng Thế khởi lên cho nên nói đến tên gọi của phiền não. Nay trong Địa thứ tư đã đạt được pháp phần Bồ-đề vô lậu, phiền não ấy liền vĩnh viễn diệt mất, Ngã kiến này... cũng vĩnh viễn không hiện hành. Địa thứ nhất-thứ hai-thứ ba thực hành Bồ thí-Trì giới, tu tập giống như thế gian; Địa thứ tư tu tập đạt được pháp phần Bồ-đề mới gọi là xuất thế, cho nên có thể vĩnh viễn làm hại đến hai Thân kiến...

Luận sau Giải thích rằng: Bởi vì ba Địa trước giống với ba hạnh của phàm phu, vì vậy chưa đoạn Ngã kiến mê mờ về lý; Địa thứ tư xuất

thể mới có thể vĩnh viễn đoạn trừ, ngọn lửa đốt cháy củi dựa vào đây thiết lập tên gọi. Nói đến hai Ngã kiến, hoặc là hai chương cùng Thể với Ngã kiến, bởi vì đang lúc đoạn thì Sở tri chương và Phiền não chương không khởi lên, cùng gọi là vĩnh viễn đoạn trừ, lý thật thì chỉ loại trừ Ngã kiến về Pháp chấp. Hoặc là trong Pháp chấp thì Ngã-Ngã sở kiến là hai Thân kiến, hoặc là Câu sinh phân biệt gọi là hai Thân kiến. Bởi vì mọi nơi đều nói cho nên nói là Địa thứ tư đoạn trừ hai Thân kiến.

Trong ba cách giải thích này, thì cách giải thích thứ nhất là hơn hẳn. Luận trước lẽ nào biết phiền não này đi cùng với Thức thứ sáu? Thức thứ bảy cùng chấp Ngã kiến... bởi vì tánh trái ngược nhau với đạo Vô lậu, Địa thứ tám trở đi mới vĩnh viễn không hiện hành, Địa thứ bảy trở lại hãy còn có thể hiện khởi.

Luận sau giải thích có ba nguyên nhân không phải là Thức thứ bảy: Đây tức là Địa thứ nhất, bởi vì cũng làm chỗ dựa cho những phiền não khác; nơi này thô thiển-nơi kia vi tế, cho nên điều phục có trước sau; phiền não này chỉ tương ứng với Thức thứ sáu.

Nói đến Thân kiến... thì cũng thâm nhiếp Sở tri chương từ vô thỉ, thâm nhiếp Ái về Định và Ái về Pháp. Ái thuộc Định-Pháp kia thì Địa thứ ba hãy còn tăng lên, lúc tiến vào Địa thứ tư thì mới có thể vĩnh viễn đoạn trừ. Pháp phần Bồ-đề vốn rất trái ngược với pháp ấy, vì vậy Địa thứ tư nói đoạn hai ngu và thô nặng của nó: 1) Ngu về Ái thuộc Đẳng chí, tức là Ái về Định đi cùng trong này; 2) Ngu về Ái thuộc Pháp, tức là Ái về Pháp đi cùng trong này, thuộc về Sở tri chương. Hai ngu đoạn trừ cho nên phiền não về hai Ái cũng vĩnh viễn không hiện hành.

Kinh Kim Quang Minh nói: “Vui với ý vị của Thiền định sinh ra Ái bởi vì Vô minh, Ái về pháp thanh tịnh vi diệu bởi vì Vô minh.”

Kinh Giải Thâm Mật và luận Du Già đều giống như trên phân rõ.

Thứ tư: Trình bày về pháp đã chứng: Dựa vào Lương Luận gọi là Vô nhiếp pháp giới. Luận ấy Giải thích rằng: Đối với Chân Như tối thắng và giáo pháp đã lưu chuyển từ Chân Như, trong đó thấy nghĩa về Vô nhiếp, nghĩa là pháp này do Vô ngã-Vô nhân mà thâm nhiếp. Nguyên có thể nào? Bởi vì ba nghĩa về Tự-Tha và Pháp không thể nào đạt được, ví như người Bắc-cửu-lâu-việt, đối với ngoại trần không sinh ra ý tưởng thuộc về Tự-Tha. Dựa vào các bản của Vô Tánh-Thế Thân phần nhiều giống nhau.

Luận Duy Thức quyển thứ mười nói: “Bốn là Vô nhiếp thọ Chân Như, nghĩa là Chân Như này không có gì hệ thuộc, bởi vì không phải

chọn lấy chỗ dựa như Ngã chấp...” Giải thích rằng: Đẳng là chọn lấy cùng loại như Ngã ái-Ngã mạn... không phải là nơi nương tựa và cảnh đã chấp thủ của pháp ấy.

Luận Trung Biên nói: “Giống như thông đạt pháp này cho đến Ái về Pháp cũng có thể chuyển đổi diệt mất.” Giải thích rằng: Bởi vì đồng bạn với Ngã chấp...

Thứ năm: Hạnh đã thành tựu, có ba loại: 1) Thành tựu Tinh tiến Ba-la-mật thứ tư trong mười Độ; 2) Thành tựu Tuệ hành tăng thượng thuộc phần Bồ-đề; 3) Cũng thành tựu hành thuộc Bi-Trí.

Luận Trang Nghiêm nói: “Trú thứ tư có thể tiến vào sinh tử mà không rời bỏ Giác phần.” Lại như văn dưới nói hạnh không trú vào đạo...

Thứ sáu: Trình bày về quả đã đạt được, quả riêng biệt tóm lược có ba loại: 1) Dựa vào Lương Luận thì Địa thứ tư thông đạt Vô nhiễm pháp giới đạt được quả lợi ích cho chúng sinh; 2) Kinh Kim Quang Minh nói: “Địa thứ tư phát tâm đạt được quả Tam-muội bất thối.” Cổ nhân giải thích: Địa thứ tư giống như xuất thế, bởi vì lần đầu chứng được cho nên nêu ra Bất thối; 3) Hạnh như Điều nhu... Nhiếp báo của mười vị vua, đều dựa theo có thể biết.

Thứ bảy: Giải thích văn, ba phần giống như trước: 1) Phần ca ngợi thừa thỉnh; 2) Phần hiển bày về Địa; 3) Phần trùng tụng.

Trong phần một có tám kệ phân bốn: Đầu là hai kệ trình bày về Bồ-tát nghe pháp hoan hỷ cúng dường; tiếp là một kệ của Thiên nữ Diệu Âm ca tụng về pháp của Địa; tiếp là bốn kệ của Thiên Vương vui mừng nghe pháp cúng dường thừa thỉnh, trong đó ba kệ đầu là vui mừng nghe pháp cúng dường ca ngợi, một kệ sau là thừa thỉnh thuyết giảng về Địa sau; sau cuối là một kệ của Giải Thoát Nguyệt cùng thừa thỉnh.

Trong phần hai là chính thức thuyết giảng về tướng của Địa. Trong luận, trước là trình bày dựa vào Tổng trì thuộc Định thanh tịnh của Địa trước, khiến cho Trí như thật của Địa này thanh tịnh, cho nên nói là Diệm Địa.

Trong bốn phần: Một là phương tiện tiến vào Địa cho nên nói là nhân; hai là hành ra khỏi chướng bắt đầu tiến vào Địa cho nên nói là thanh tịnh; ba là hành đích thực trú vào Đạo phẩm... của Địa, có thể có những pháp loại trừ, đối trị tiến tu hơn nữa, cho nên nói là tu hành tăng thêm; bốn là Địa đầy đủ, tức đó là quả của thanh tịnh đối trị tu hành tăng thêm. Lại một phần đầu là nhân của Địa, một phần sau là quả của Địa, hai phần giữa là tướng của Địa. Lại một phần đầu là đạo Gia

hạnh, một phần tiếp là đạo Vô gián, một phần tiếp là đạo Giải thoát, một phần sau cuối là đạo Thắng tiến. Vì sao Giải thoát gọi là đối trị? Bởi vì vượt qua chướng hiển bày về Địa.

Ngay trong phần một có ba: 1) Kết thúc phần trước nêu ra phần sau; 2) Chính thức hiển bày về mười môn; 3) Kết luận về công năng của pháp.

Trong phần một là mười pháp Minh Môn. Minh nghĩa là chứng trí của Địa thứ tư, bởi vì Địa trước chưa đạt được tướng của Minh, giống như Minh Đắc Định trong bốn Định của Địa tiền. Pháp tương tự là những pháp đã thuyết, tức là các pháp như Chúng sinh giới... Môn thì Địa Kinh gọi là tiến vào (Nhập), dựa vào trí của Minh ấy tiến vào trong pháp này. Nếu có thể tiến vào thì gọi là Nhập, đã tiến vào thì gọi là Môn. Lại dựa vào đây có thể đến được Địa thứ tư thì gọi là Môn. Hai xứ thuận theo hành, thì Chánh quán suy nghĩ là Phương tiện, nhận biết như thật là Chánh chứng; bởi vì hai loại này cùng dựa vào pháp đã thuyết, cho nên nói là thuận theo hành.

Trong mười câu: Năm câu đầu mở rộng có thể tiến vào (năng nhập) cho đến đã tiến vào (sở nhập), nghĩa là một quán về Giả danh của Chánh báo, hai là quán về Tâm thức dựa vào của Chánh báo, tức Bốn thức là nơi mà pháp nhiệm-tịnh đã dựa vào. Năm câu sau dựa vào đã nương tựa (sở y) để thiết lập có thể nương tựa (năng y), nghĩa là ba câu đầu trình bày về pháp nhiệm đã duy trì trong Bốn thức, dựa theo Xứ phân rõ, ba cõi chỉ do tâm; hai câu sau trình bày về pháp tịnh đã duy trì, Tín Giải thù thắng thì giống như là Thắng giải, nghĩa là duy trì phừ hợp với pháp đã hiểu biết, tâm quyết định không để cho phiền não làm ô nhiễm, tiếp là Đại tâm che phủ tất cả chúng sinh, bởi vì không giống như Tiểu tâm của Nhị thừa. Lại giải thích: Trong năm câu sau, ba câu đầu phát khởi Y báo, hai câu sau thiết lập Chánh báo.

Trong phần hai là thanh tịnh có ba: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận.

Trong tổng quát cũng có ba: Một: Chuyển sang có thể lực đối với nhà Phật; Hai: Đạt được Nội pháp; Ba: Thành tựu mười trí giáo hóa. Ba mục này đều lấy sau để giải thích trước, có thể biết.

Lại Địa thứ nhất tức là sinh vào nhà Phật, nhưng ba Địa trước là thế gian, Địa này xuất thế cho nên nói là chuyển sang có thể lực đối với nhà Như Lai. Lại luận Giải thích rằng: Nương vào Trí đa văn cứu cánh, đây là giải thích về nghĩa chuyển sang có, nghĩa là dựa vào sự hiểu biết đa văn của ba Địa trước, đạt được Tuệ xuất thế gian của Địa thứ tư này,

gọi là Trí cứu cánh. Lý thật thì cũng dựa vào Thiên định của Địa trước, bởi vì Trí giáo hóa dựa vào pháp đã nghe trước đây, cho nên chỉ nêu ra điều ấy. Luận nói trừ diệt Trí chướng mà thâm nhiếp thù thắng, đây là giải thích về nghĩa của thế lực, nghĩa là loại trừ tâm hiểu biết phân biệt của Địa trước gọi là trừ Trí chướng, cũng là diệt Sở tri chướng đã đoạn của Địa này. Đạt được Tuệ thù thắng của Địa thứ tư này, cho nên nói là thâm nhiếp thù thắng.

Hai là trong phần giải thích về Nội pháp. Luận nói pháp này thanh tịnh thù thắng... như vậy, là nhắc lại phần trước để giải thích, nghĩa là thanh tịnh nhắc lại trừ chướng, thù thắng nhắc lại thâm nhiếp thù thắng, bởi vì đều đạt được ở tại nhà Phật. Như Lai tự thân... là ngay nơi tướng để giải thích, có ba câu: 1) Dựa vào con người để hiển bày về pháp, gọi là Nội pháp, tức là hiển bày về pháp mà tự thân Như Lai có đủ. 2) Bởi vì phân rõ pháp thành tự con người, nói pháp này là pháp của Như Lai, cho nên nói là dùng các pháp này hiển bày rõ ràng về Như Lai. 3) Từ “Vị thập chủng...” trở xuống là giải thích về mười Trí giáo hóa, nghĩa là Trí này cùng với Chứng Trí-Pháp Minh của Địa thứ tư một Thể không có gì khác, đạt được không có trước sau, cho nên nói là cùng lúc đạt được, đây là cùng lúc với Pháp Minh đã quán sát, chứ không phải là cùng lúc với quán sát.

Trong mười, luận thâm nhiếp làm bốn:

1) Tâm bất thối, luận giải thích về trí cuối cùng là trú xứ của mình, nghĩa là pháp Đại thừa là trú xứ của Bồ-tát, tâm trú vào Đại thừa không thối chuyển, gọi là trí cuối cùng.

2) Đối với Tam Bảo... là cùng tôn kính Tam Bảo đến cuối cùng, nghĩa là đối với Tam Bảo cùng tin tưởng không thay đổi, cho nên nói là cuối cùng.

3) Từ “Tu tập...” trở xuống là hai câu trình bày về trí Chân Như, tức là đích thực Chứng trí về hai Vô ngã, một là quán sát về Uẩn... sinh diệt lưu chuyển vốn không có Nhân-Ngã, hai là quán sát về pháp như Uẩn... cũng xưa nay không sinh, là pháp Vô ngã.

4) Từ “Thường tu tập...” trở xuống có sáu câu là trí phân biệt về pháp đã nói, tức là trí Hậu đắc thuộc Thế tục.

Thâm nhiếp làm hai, đó là nhiễm-tịnh.

Hoặc làm ba: Một là nhiễm, hai là nhiễm-tịnh, ba là tịnh.

Hoặc làm bốn: Hai câu đầu về Y báo-Chánh báo là Khổ đế, bởi vì tùy thuận phiền não sinh ra; trong câu tiếp, nửa câu về sinh tử, luận gọi là thế gian, tức là Tập đế, cho nên nói là bởi vì phiền não gì, nửa câu

tiếp về Niết-bàn, tức là Diệt đế, cho nên nói là tất cả thanh tịnh; ba câu sau là Đạo đế, cho nên nói là tùy theo pháp đã thanh tịnh.

Lại trong hai câu đầu, bởi vì phiền não... cho nên thuận theo cảm đến Khí thế gian, Chúng sinh thế gian đều từ nhân như nghiệp... sinh ra, cho nên nói là nhân giống nhau. Câu tiếp phân biệt sinh tử và Niết-bàn là Tập đế-Diệt đế, cũng là hai quán về nhiễm-tịnh, tuy toàn Thể không hai mà hai pháp không xen tạp, cho nên nói là phân biệt. Ba câu sau là Đạo đế, cũng tùy thuận pháp thanh tịnh Niết-bàn, cho nên nói là tùy theo pháp đã thanh tịnh: Một, ở trong thế giới Phật giáo hoá chúng sinh, thành tựu tự nghiệp sai biệt của Bồ-tát, cho nên nói là tu tập về nghiệp sai biệt của chúng sinh, nghĩa là đối với chúng sinh mà thành tựu về nghiệp sai biệt của mình. Hai, thời gian trước là pháp nhiễm sanh tử, thời gian sau là pháp thanh tịnh Niết-bàn, cho nên nói là phiền não nhiễm và tịnh. Ba, ở trong nhiễm của thời gian trước không thấy một pháp nào có thể sụt giảm, bởi vì tức là Không; trong tịnh của thời gian sau không thấy một pháp nào có thể tăng lên, bởi vì tánh đầy đủ.

Lại giải thích: Trước đây quán sát thời gian trước sau bình đẳng, nay quán sát đời hiện tại thường diệt không vốn có gì. Hành là mười Trí giáo hóa chúng sinh, tức là nhận biết chuyển sang có thể lực đối với nhà Như Lai.

Trong phần ba là phần đối trị tu hành tăng thêm, có hai: 1) Bảo vệ phiền não, là khác với hạnh của phàm phu, cũng là hạnh Tự lợi; 2) Bảo vệ Tiểu thừa, là khác với hạnh của Nhị thừa, cũng là hạnh Lợi tha.

Trong phần một trình bày về pháp phần Bồ-đề tóm lược đưa ra bốn môn(tách riêng biệt).

Trong phần bốn là giải thích văn, ba mươi bảy chủng loại này phân làm bảy, đó là ba phần nói về bốn chủng loại, hai phần nói về năm chủng loại, một phần nói về bảy chủng loại, một phần nói về tám chủng loại.

Thứ nhất giải thích về Tứ Niệm Xứ, đó là Thân-Thọ-Tâm-Pháp, là bởi vì nói đến trú xứ của Niệm; tân dịch là Niệm Trú. Thể của bốn loại này thật là Tuệ, vì sao gọi là Niệm? Bởi vì Tuệ quán giữ lấy cảnh, cùng với Niệm gần nhau, tức là Lân Cận thích trong sáu loại giải thích. Thân nghĩa là Tương tục, Thọ nghĩa là Lãnh nạp, Tâm nghĩa là Tập khởi, Pháp nghĩa là Quỹ trì. Bốn loại này đều là cảnh của thụ động quán (Sở quán). Nếu trong Tiểu thừa thì quán về Thân bất tịnh, quán về Thọ là khổ, quán về Tâm vô thường, quán về Pháp vô ngã, vì thế cho nên bốn loại này trừ bỏ bốn điên đảo. Nếu trong Đại thừa thì như kinh Chư Pháp

Vô Hành nói: “Quán về Thân hoàn toàn là Không, quán về Thọ trong ngoài đều Không, quán về Tâm không vốn có gì, quán về Pháp chỉ có tên gọi.” Giải thích rằng: Đây là quán về nhân-pháp Vô ngã. Dựa theo kinh Thắng Man thì có thể trừ bỏ tám điên đảo: Ngay trong Thân niệm xứ, trước hết quán sát bên trong nghĩa là thân của mình, tiếp đến quán sát bên ngoài nghĩa là thân người khác, sau kết hợp quán sát thân mình và người khác. Vì sao trước là quán sát riêng biệt, sau thì quán sát tổng quát? Giải thích có hai nghĩa: 1) Dựa theo phá bỏ về bệnh không giống nhau, người có ba loại: a) Có người đắm theo tình bên trong thì nhiều, đắm theo tình bên ngoài thì ít, như người vì bản thân mà rời bỏ vợ con và tài sản đồ vật... vì vậy cần phải quán sát bên trong; b) Có người đắm theo tình bên ngoài thì nhiều, đắm theo tình bên trong thì ít, như người vì tài sản mà mất thân, vì ham muốn mà bỏ mạng, vì vậy cần phải quán sát bên ngoài; c) Có người bên trong-bên ngoài đều đắm theo, vì vậy cần phải kết hợp quán sát. 2) Dựa theo quán hành trước-sau, quán sát cùng chung một người, nghĩa là có người thực hành lúc đầu đối với thân của mình cho là tướng thanh tịnh, vì vậy trước hết quán sát bên trong, bên trong cầu không được, liền nói là có ở bên ngoài; tiếp đến quán sát bên ngoài, trước đây quán sát bên trong không thể nào đạt tới bên ngoài, lúc quán sát bên ngoài lại không thể nào quán sát bên trong; vì thế cho nên thứ ba là kết hợp quán sát bên trong và bên ngoài.

Đầu trong quán sát về thân bên trong, là nêu ra riêng biệt về pháp quán sát. Tuân thân quán là chính thức hiển bày về tướng quán sát, Tuân nghĩa là lần lượt trải qua, theo thứ tự quán sát đối với từng phần của thân. Tinh cần nhất tâm là hiển bày về nghi thức của quán sát, nghĩa là hành giả muốn phá bỏ tự thân, không chịu khó thì không thể được, vì vậy cần phải rất chịu khó. Long Thọ nói: “Ly biệt người bình thường thì dễ mà ly biệt người quen biết thì khó, ly biệt người quen biết thì dễ mà ly biệt người thân thích thì khó, ly biệt người thân thích thì dễ mà ly biệt tự thân thì khó.” Hành giả nay muốn ly biệt chính mình thì nhất định phải rất chịu khó, chịu khó do tập trung tâm ý, cho nên nói là nhất tâm.

Trừ bỏ Tham-Uỷ của thế gian, là trình bày về đã lìa xa do quán sát. Vì sao trong này chỉ nói đến lìa xa Tham-Uỷ? Như Long Thọ nói: “Hành giả trong này phần nhiều sinh ra Tham-Uỷ, cho nên chỉ trừ bỏ loại ấy. Điều này thế nào? Nghĩa là bắt đầu rời bỏ năm dục, nghĩ đến những điều yêu thích vốn có, cho nên sinh ra Tham, chưa đạt được đạo pháp cho nên sinh ra Uỷ. Vì vậy chỉ nói đến trừ bỏ Tham-Uỷ của thế

gian.” Lại giải thích: Tham là phạm phu phần nhiều khởi lên đấm theo cảnh khó rời bỏ, là nguồn gốc của thọ sinh, đầu tiên của ba Độc, vì vậy trong phiên nào chỉ nói đến trừ bỏ tâm Tham-Uu. Luôn luôn tham dục là khởi lên chướng ngại nặng nề nhất đối với Định, vì vậy trong Thiền lìa xa trước hết, cho nên trong năm Thọ chỉ nói đến trừ bỏ Ưu. Vì vậy nếu nói trừ bỏ Tham thì pháp còn lại loại bỏ theo, nếu nói trừ bỏ Ưu thì các Thọ tùy theo mất hết, giống như chẻ tre, lóng đầu tiên là khó, nếu chẻ toạc lóng đầu tiên thì các long còn lại đều toạc theo; Tham-Uu cũng như vậy, cho nên chỉ nói đến chúng.

Tiếp đến là quán sát về thân bên ngoài, sau cuối là quán sát về thân bên trong-bên ngoài, tương tự cũng giống như vậy.

Hai là ngay trong Thọ niệm xứ cũng đầy đủ bên trong-bên ngoài. Ở trong mười hai Xứ, Thọ chỉ là Pháp xứ bên ngoài thân nhiếp, vì sao trong này có bên trong...? Giải thích có nhiều nghĩa: 1) Chính mình Thọ là bên trong, người khác Thọ là bên ngoài. 2) Ý tương ứng với Thọ là bên trong, năm Thức tương ứng với Thọ là bên ngoài. 3) Thọ ổn định là bên trong, Thọ phân tán là bên ngoài. Vì vậy quán sát ba Thọ này không tách rời ba Khổ. Lại trong Trí Luận nói: “Bồ-tát quán sát ba Thọ như Khổ-Lạc và Bất khổ bất lạc... trước đây không hề có, diệt rồi không có nơi đến, chỉ từ vọng tưởng điên đảo sinh ra...”

Ba là ngay trong Tâm niệm xứ, tự tâm là bên trong, tâm khác là bên ngoài. Lại năm Thức là bên ngoài, Ý thức duyên với ngoại cảnh là bên ngoài, duyên với nội tâm là bên trong; Mạt-na luôn luôn duyên với bên trong gọi là Nội tâm. Lại ổn định và phân tán đều phân biệt bên trong-bên ngoài, đều quán sát về Tâm này Vô thường từng sát-na; lại quán sát như huyễn không có Thể, có thể biết.

Bốn là ngay trong Pháp niệm xứ, bởi vì Tâm pháp là bên trong, Bất tương ứng hành và pháp Vô vi cùng với Pháp xứ-Sắc... toàn bộ là pháp bên ngoài. Bên trong-bên ngoài kết hợp quán sát, có thể biết.

Thứ hai: Tứ Chánh Cần, là Tinh tiến trong mười một Thiện làm Thể, nhưng dựa vào Chỉ-Tác đều phân ra đã khởi và chưa khởi cho nên trở thành bốn loại, nghĩa là hai loại đầu thường xuyên đoạn bỏ hai ác, là hạnh Chỉ ác; hai loại sau thường xuyên tu tập hai thiện, là hạnh Tác thiện. Trong hai loại đầu, điều ác chưa sinh thì ngăn chặn không để cho sinh ra, điều ác đã sinh thì đoạn bỏ không để cho nối tiếp. Lại đã sinh thì điều phục hiện hành, chưa sinh thì trừ bỏ chủng tử. Trong hai loại sau là thiện, pháp thiện chưa sinh thì luyện tập để cho khởi lên, đã từng tu tập khởi lên thì làm cho càng nhiều thêm; đây tức là chưa có thì làm

cho có, đã có thì làm cho tăng lên. Bốn loại này đều do thường xuyên thúc đẩy mới hoàn thành, cho nên gọi là Chánh Cần, tân dịch gọi là Tứ Chánh Đoạn. Đối với hai ác thì có thể như vậy, hai thiện thì thế nào? Nghĩa là bởi vì đoạn bỏ điều ác không làm, tức là thường xuyên tu tập.

Thứ ba: Tứ Như Ý Túc, những việc làm như chí nguyện, cho nên nói là Như ý, đây tức là Thần; Túc là chỗ dựa, tức là Định. Một là Dục Định, nhờ vào gia hạnh của Dục có thể khởi lên Định này, quả từ nhân mà gọi tên, cho nên nói là Dục Định, đây là Thể của hành. Đoạn hành thành tựu, là phân rõ về công năng của hành, nghĩa là thực hành Định này có thể đoạn bỏ các Kiết, gọi là đoạn hành thành tựu. Lại giải thích: Niết-bàn gọi là đoạn, đoạn nơi chốn của hành thành tựu, gọi là đoạn hành thành tựu. Tu tập Như ý túc, là dựa vào Dục Định trước đây để trình bày về pháp đã tu tập. Từ “Y chỉ yếm...” trở xuống là trình bày về đoạn hành thành tựu trước đây. Đối với các phiền não, đạo Gia hạnh thì chán ngán, đạo Vô gián thì lìa xa, trong đạo Giải thoát chứng trạch diệt ấy, trong đạo Thắng tiến thì hướng về cầu mong quả ấy, gọi là hướng về Niết-bàn. Lại giải thích: Trong đạo Tư lương tùy theo phần sinh ra chán ngán, trong đạo Gia hạnh vĩnh viễn điều phục gọi là lìa xa, trong đạo Vô gián chính thức đoạn bỏ gọi là diệt trừ, trong đạo Giải thoát chứng Vô vi ấy gọi là hướng về Niết-bàn. Lại giải thích: Nếu dựa vào phần vị mà nói thì ở phần vị Gia hạnh trước đây sinh ra chán ngán, ở phần vị Kiến đạo đoạn bỏ Kiến Hoặc thì gọi là lìa xa, ở phần vị Tu đạo đoạn bỏ Tu Hoặc thì gọi là diệt trừ, ở phần vị Cứu cánh đạt được quả cao nhất ấy thì gọi là hướng đến Niết-bàn. Như vậy đều là tướng của các hành đối trị Hoặc theo thứ tự, không cần phải phân biệt về Giác phần trước sau. Vì sao không trình bày về Niệm Cần? Bởi vì phần vị này chưa đạt được Định, đạt được Định thì mới có công năng này. Hai là Tinh Tiến Định, cũng từ Gia hạnh mà thiết lập tên gọi về Định. Ba là Tâm Định, nơi khác cũng gọi là Niệm Định, nghĩa là giữ ý trú vào duyên gọi là Niệm Định, chuyên tâm giữ lấy cảnh gọi là Tâm Định, đều từ phương tiện mà thiết lập tên gọi ấy. Bốn là Tuệ Định, Địa Luận gọi là Tư duy, luận Du Già gọi là Quán. Trong luận ấy nói bốn loại này gọi là Dục-Cần-Tâm-Quán, nghĩa là Minh Tuệ soi chiếu xem xét gọi là Quán, hoặc là nhân của Định, hoặc là quả của Định. Còn lại Đoạn hành... giống như trước, có thể biết.

Thứ tư: Ngũ Căn, bởi vì dựa vào năm hạnh này có thể phát sinh Kiến đạo, cho nên gọi là Căn. Văn sau ở phẩm Ly Thế Gian phẩm nói: 1) Tín căn không có thể làm cho trở ngại hủy hoại; 2) Phát Đại tinh tiến

đến cuối cùng tất cả các sự việc sự mà không thối chuyển; 3) An trú trong Chánh niệm trừ diệt loạn tưởng; 4) Phương tiện Tam-muội quyết định biết rõ ràng; 5) Trí tuệ khéo léo phân biệt cảnh giới. Giải thích rằng: Đây là ngay trong kinh tự dựa theo đạo của Bồ-tát để giải thích. Nướng vào chán ngán... cho đến phần thứ năm là Ngũ Lực, đều dựa theo trước, có thể biết.

Thứ sáu: Thất Giác Phần cũng như trong phẩm Nhập Pháp Giới sau này.

Thứ bảy: Bát Thánh Đạo cũng như phẩm Ly Thế Gian nói: Bát Chánh Đạo là đạo của Bồ-tát đạo: 1) Chánh kiến là xa rời tà kiến; 2) Chánh tư duy là chánh niệm về Nhất-thiết-trí, xa rời hư vọng; 3) Chánh ngữ là tùy thuận Thánh giáo, lìa xa bốn lỗi lầm của miệng; 4) Chánh nghiệp là giáo hóa làm lợi ích tất cả chúng sinh, chưa từng lỡ mất thời cơ; 5) Chánh mạng là an trú trong bốn Thánh chủng, thành tựu công đức Đầu-đà, đầy đủ oai nghi thanh tịnh, xa rời tất cả điều ác; 6) Chánh tinh tiến là thường xuyên tu tất cả khổ hạnh, tu mười Lực của Phật, không có gì vướng mắc trở ngại; 7) Chánh niệm là đều có thể ghi nhớ giữ gìn tất cả âm thanh, trừ diệt tất cả loạn tưởng của thế gian; 8) Chánh định là phương tiện khéo léo, đối với một Tam-muội sinh ra tất cả Tam-muội và pháp môn không thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Giải thích rằng: Như vậy đều là dựa theo đạo của Bồ-tát, giải thích có thể biết.

Trong phần hai là hạnh bảo vệ Tiểu thừa, câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trong tổng quát, Bồ-tát thực hành ba mươi bảy phẩm này, chỉ vì lợi ích mà không rời bỏ chúng sinh cho nên tu hành, không phải như Nhị thừa vì thành tựu Tự lợi mà thực hành Đạo phẩm này. Trong riêng biệt, tâm không rời bỏ chúng sinh này, luận thâm nhiếp làm bốn, trong đó: Đầu là ba tâm bảo vệ Tiểu thừa, sau là một hạnh bảo vệ Tiểu thừa. Đầu là ba tâm: 1) Bởi vì chỗ dựa để khởi hạnh, cho nên dùng Bốn nguyện làm đầu; 2) Lấy Từ Bi lợi ích chúng sinh, thương xót làm tâm. Hai câu trên là bảo vệ tâm hẹp hòi. 3) Bởi vì chúng sinh mà mong cầu quả Phật, cho nên nói là vì thâm nhiếp Nhất-thiết-trí, đây là tâm bảo vệ Tiểu thừa. Năm câu sau gọi là thực hành về tu năm loại hạnh: 1) Khởi hạnh Tịnh độ mong cầu về quả thuộc Y báo của Phật; 2) Khởi hạnh tu tập về pháp của Phật mong cầu Chánh báo của Phật. Hai câu sau là mong cầu thực hành về nhân ấy. 3) Tu phương tiện của Địa ấy, thực hành không hề thỏa mãn, nghĩa là mong cầu Địa thứ năm đến Địa thứ bảy, tu tập phương tiện khéo léo không hề thỏa mãn, trong kinh thiếu câu này. 4) Tu không lui sụt, nghĩa là mong cầu Địa thứ tám

trở lên thuận với giải thoát sâu xa của Phật. Trên đây là hành Tự lợi.
5) Thực hành giáo hóa chúng sinh là hành Lợi tha, bởi vì trí tuệ phương tiện khéo léo thâm nhiếp chúng sinh.

Trong đoạn lớn thứ tư về phần của quả ấy, có hai: Đầu là quả của công hạnh, sau là quả của phần vị.

Trong phần đầu, trong luận giải thích đạt được sáu loại quả: 1) Quả xa rời về phiền não nhiễm phát sinh; 2) Quả xa rời về nghiệp nhiễm phát sinh; 3) Quả từ trong công đức thù thắng phát sinh tâm mong muốn tăng thượng; 4) Quả trong thuyết pháp tôn trọng ấy khởi lên tâm báo ân; 5) Quả trong hành phương tiện ấy phát khởi thường xuyên tinh tiến; 6) Quả đầy đủ cảnh giới của tâm vốn có mong muốn tăng thượng ấy.

Hai loại đầu là quả thuộc chương lìa xa, bốn loại sau là quả thuộc đức thành tựu.

Trong hai loại đầu: Thứ nhất là trong lìa xa Hoặc chướng, luận thâm nhiếp làm năm: 1) Thân kiến vốn có, là nguồn gốc khởi lên kiêu mạn, cũng vốn là nguồn gốc của sáu mươi hai Kiến. Minh nhận biết là có năng lực nhận biết, nhận biết về Đại tức là Đại pháp đã nhận biết, tức là kiêu mạn về hiểu rõ pháp trong Địa thứ ba. Minh tu tập là có năng lực tu tập, lại chấp vào Thiền định là pháp mà mình đã tu tập, đây là kiêu mạn về Chánh thọ của Địa thứ ba. Trong đó: Đắm vào Ngã... là chấp Nhân, Âm-Nhập... là chấp Pháp, Xuất hiện nghĩa là Tam-muội khởi lên thì chấp là có Xuất Định, tang ẩn nghĩa là Tam-muội diệt đi thì chấp là có Nhập Định. Lại giải thích: Xuất hiện nghĩa là tu tập khởi lên các Thiền, tang ẩn nghĩa là lui sụt mất đi Thiền định. Lại Viễn Công nói: “Xuất hiện là tu tập khởi lên các Định, tang ẩn là do Định mà trừ diệt. 2) Dấy khởi là khởi lên tư duy không đúng, khởi lên kiêu mạn về Định. Tâm suy xét tìm tòi là suy xét tìm tòi tà vạy, cũng là vọng giữ lấy tướng của Định, giống như luận tư duy. 3) Thực hành là quán sát tâm hành ở trong duyên đối với pháp như tám Định... mà mình đã đạt được, tìm cầu tướng thù thắng muốn khiến cho người khác biết, vì vậy nói là đã thực hành, giống như luận gọi là quán sát nhiều. 4) Lỗi lầm là chấp chắc vào Định... mà tự mình đã đạt được, tâm gắn vào các sự việc, cho nên nói là yêu thích đắm theo, tức là Ái về Định. 5) Bảo vệ là thường xuyên quán sát về tướng thù thắng chọn lấy thù thắng thuộc về mình, ghi nhớ giữ gìn trong tâm, phòng hộ điều mình đã đạt được, cho nên nói là quý trọng Sở kiến...

Thấy đều đoạn diệt là đoạn trừ năm Kiết. Vì sao trong này nói

đến đoạn bỏ Hoặc này? Dựa theo luận Thành Duy Thức, đây là Thân kiến... Câu sinh trong Thức thứ sáu và lỗi lầm đã dấy khởi, đạt được Đạo phẩm xuất thế của Địa thứ tư, có thể đoạn bỏ trừ diệt, cho nên ở đây nói đến. Lại giải thích: Nếu dựa theo phần vị nương vào, thì Địa trước nương vào thế gian, Địa này là xuất thế, bởi vì phân biệt Thế gian-xuất thế gian, cho nên ở đây đoạn trừ. Nếu dựa vào nghĩa này thì cũng có thể là do phân biệt mà khởi lên, bởi vì kinh Nhân Vương nói Địa thứ tư gọi là phần vị Tu-đà-hoàn, cho nên có thể biết được.

Thứ hai là quả xa rời về nghiệp nhiễm phát sinh, như luận nên biết. Trong kinh tóm lược không có. Trên đây là quả thuộc về hạnh bảo vệ phiền não trước đây.

Thứ ba từ “Thị Bồ-tát chuyển bội...” trở xuống, trình bày về quả từ trong công đức thù thắng phát sinh tâm mong muốn tăng thượng, trong đó có mười câu: Một-Trong tổng quát nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, nghĩa là nhắc lại trí tuệ phương tiện thuộc về tâm bảo vệ Tiểu thừa trước đây, cho nên thực hành Đạo phẩm này... Hai-Từ “Tùy sở tu hành...” trở xuống là riêng biệt hiển bày dựa vào tâm đã khởi lên trước đây, chính thức trình bày về tâm mong muốn vui thích, nghĩa là nhờ vào lực đã tu tập thúc đẩy thường xuyên trước đây, đối với công đức bậc Thượng thấy được lợi ích chân thật, vì thế chuyển sang khởi lên ý thích thù thắng, khiến cho tâm điều hòa mềm mại cầu pháp bậc Thượng ấy. Trong đó, thành tựu tâm làm lợi ích thêm, là bởi vì thấy rõ đức thù thắng có thể làm lợi ích thêm, cho nên khởi tâm mong muốn sâu xa, vì vậy nói là ái kính mong muốn sâu xa.

Sau là trong giải thích riêng biệt: 1) Nhu là mềm mại, nghĩa là chứng pháp hợp với tinh thần gọi là vui với hạnh thù thắng. 2) Hòa là điều hòa, nghĩa là Tam-muội điều hòa tâm, trong duyên vô ngại gọi là tự tại thù thắng. Hai loại này là Thể của hành. Bảy loại sau làm một gọi là đối trị thù thắng, là công năng của hành. Một) Tổng quát trình bày về lìa xa lỗi lầm. Hai) Từ “Vị kham nhậm hữu dụng...” trở xuống là riêng biệt lìa xa sáu loại lỗi lầm: 1) Đối trị lỗi lầm không có thể lìa xa điều ác, nghĩa là đối trị cầu pháp không hề mệt mỏi, không vì lợi dưỡng ăn uống, không vì ganh ghét danh tiếng, lìa xa lỗi lầm này; tiếp đến hai loại đối trị lỗi lầm không có thể thâm nhiếp điều thiện. 2) Đối trị hành không có thể thâm nhiếp công đức. 3) Đối trị hành không thâm nhiếp trí tuệ. 4) Đối trị lỗi lầm không thâm nhiếp chúng sinh. Bốn loại trên là đối trị thuộc Tự phần. Hai loại dưới là đối trị thuộc Thắng tiến: a) Giải; b) Hạnh. 5) Tự thấy giữ lấy lỗi lầm là trái với sự hiểu biết ấy, tôn trọng giáo pháp

không thuận theo là hiển bày về tướng của lỗi lầm ấy, đối trị như kinh có thể biết. 6) Xả bỏ làm bậc nhất là như thuyết tu hành, hướng về với Văn-Tư làm thù thắng-làm bậc nhất, nay xả bỏ bậc nhất ấy vốn là lỗi lầm. Văn còn lại có thể biết.

Thứ tư từ “Thị Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống, trình bày về quả trong thuyết pháp tôn trọng ấy khởi lên tâm báo ân, nghĩa là trong Địa trước nghe pháp từ Thầy, thì gọi vị ấy là Thầy, vì tôn trọng thuyết pháp, từ Địa trước đến nay, dựa vào pháp tu hành, nay được thành tựu, hợp với ý giáo hóa của Thầy, cho nên gọi là báo ân. Trong đó, đầu là một câu về tâm biết ân phải báo, sau là chín câu về thực hành báo ân.

Trong câu đầu, luận giải thích: Lúc ấy thành tựu về tâm biết ân là hạnh tùy thuận, thực hành báo ân là giải thích về biết ân, vì báo ân do đó cần phải biết.

Sau là chín câu riêng biệt hiển bày về thực hành báo ân: 1) Trình bày về tâm báo ân. 2) Có thể đem bảo vệ cho người cùng pháp là thuận với tâm của người thuyết giảng gọi là báo ân, nghĩa là trong tâm hài hòa thân thiện cùng nhau cư trú an lạc. 3) Dựa vào pháp khởi hạnh, lấy đó để báo ân, nghĩa là tùy thuận tiếp nhận giáo pháp không làm trái lời Thầy, gọi là tâm thẳng thắn. 4) Phát khởi tu hành, gặp phải gian khổ có thể chịu đựng, gọi là tâm mềm mại. 5) Đối với tu hành lìa xa lỗi lầm, để báo ân Thầy, nghĩa là không nói đến đức của mình, gọi là không có quanh co sai trái. 6) Tự mình lỗi lầm không che giấu, gọi là thực hành về hạnh ngay thẳng. 7) Đức hạnh thành tựu thật sự cũng không tự cao, cho nên nói là không có kiêu mạn. Trên đây là dựa theo thực hành. Hai loại sau là dựa vào hiểu biết. 8) Dựa vào lời chỉ dạy đã tiếp nhận, sáng tỏ được lời Thầy nói. 9) Không tiếp nhận trái ngược, sáng tỏ được ý Thầy.

Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về thực hành thành tựu. Trong đó, đầy đủ tâm thân thiện-tâm mềm mại như vậy, luận giải thích là đối trị tu hành tăng thêm trước đây, nghĩa là trước kia đối trị-ở đây thành tựu, cho nên nói là đầy đủ. Đầy đủ tâm tịch diệt gọi là lực đối trị tu hành tăng thêm, đầy đủ hai loại trước. Quả xa rời vì tâm tịch diệt, là lực đối trị bảo vệ phiền não trước đây. Đầy đủ tâm nhẫn nhục..., luận gọi là quả ấy, tức là quả về thực hành báo ân này. Hai câu trước hiển bày về “Như thị...”, nghĩa là câu đầu thành tựu về tâm thiện, câu tiếp thành tựu về tâm tịch diệt, kết hợp hai câu này làm câu thứ ba gọi là thành tựu về tâm thiện tịch diệt, lấy làm quả ấy.

Thứ năm từ “Thị Bồ-tát nhĩ thời thành...” trở xuống là trình bày

về quả phát khởi thường xuyên tinh tiến. Không chuyển đổi là bởi vì không ngưng nghỉ, đây là câu tổng quát. Sau riêng biệt hiển bày về chín loại: 1) Thừa của mình không thay đổi, cho nên nói là không rời bỏ. 2) Trong luận nói: Cùng nhiễm, là nếu quá mức thì gọi là đắm theo tinh tiến; cùng lười nhác, là nếu không đạt tới. Là xa hai loại này, bình đẳng tiến lên thù thắng, cho nên nói là không nhiễm. 3) Tất cả các hành của ma phiền não không có thể phá hoại, cho nên nói là không hủy hoại. 4) Thường chí tâm thuận theo thực hành, cho nên nói là không hề chán nản mệt mỏi. 5) Nghĩ nhiều đến Lợi tha, cho nên nói là rộng lớn. Đây là tâm Lợi tha. 6) Làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, nguyện thâm nhiếp giáo hóa, cho nên nói là Vô biên. Đây là hạnh Lợi tha. 7) Dũng mãnh nhận chịu khó khăn, cho nên gọi là mạnh mẽ sắc bén; luận về kinh không có câu này. 8) Tu tập vượt qua những người khác, cho nên nói là Vô đẳng đẳng. 9) Thâm nhiếp giáo hóa chúng sinh, cho nên nói là cứu giúp chúng sinh...; trong luận còn có một câu, có thể biết.

Thứ sáu từ “Thị Bồ-tát tu tập...” trở xuống là trình bày về quả đầy đủ cảnh giới của tâm vốn có, là dựa vào tâm đầy đủ vui thích mong muốn về Bồ-đề phân, cho nên nói là tâm thẳng thắn thanh tịnh.

Sau là trong riêng biệt hiển bày: 1) Tâm ấy mong cầu Đạo phẩm, nhờ vào tinh tiến trước đây tu hành tăng thêm, cho nên nói là không mất đi tâm sâu xa. 2) Ở trong Chứng pháp bậc Thượng thù thắng, chuyển sang phát sinh tâm quyết định, cho nên nói là tin tưởng và hiểu biết rõ ràng sắc bén. 3) Nhờ vào Chứng pháp bậc Thượng ấy, đối trị lỗi lầm thực hành tăng lên, cho nên nói là thiện căn tăng trưởng. 4) Trừ diệt các chướng, cho nên nói là xa rời cấu nhiễm của thế gian. 5) Trừ bỏ điều nghi ngờ bí mật về Địa này, cho nên nói là không tin đều đã diệt hết. 6) Bởi vì trừ bỏ nghi ngờ, quyết định đối với nơi khác, cho nên nói là không nghi ngờ gì-không hối hận gì... 7) Dựa vào lực giáo hóa chúng sinh, nghĩa là Phật lực có thể giáo hóa chúng sinh, cho nên nói là đối với hết thảy chư Phật... 8) Dựa vào hạnh vui thích thù thắng, Nội chứng tương ứng, cho nên nói là vui với luyện tập tự nhiên. 9) Dựa vào tâm hiện rõ vô lượng Tam-muội, trí chướng thanh tịnh, cho nên nói là tâm vô lượng... Trên đây là quả của công hạnh, xong.

Phần sau từ “Bồ-tát trú thị đệ tứ...” trở xuống là trình bày về quả của phần vị. Ba quả tức là ba đoạn.

Ngay trong đoạn một là quả Điều nhu có bốn: 1) Hạnh Điều nhu; 2) Trí thanh tịnh thuộc về Giáo; 3) Hành của Địa riêng biệt; 4) Kết luận về thuyết giảng.

Trong phần một: Trước là Pháp, tiếp là Dụ, sau là Hợp.

Trong Pháp: Một, Thấy Phật làm duyên luyện tập thực hành; Hai, Cung kính... là chủ động luyện tập thực hành; Ba, Từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về đã luyện tập thanh tịnh. Trong chủ động luyện tập có xuất gia: Đầu là Phước hành cúng dường Phật; sau là Tuệ hành gần gũi Phật: a) Gần Phật; b) Nghe pháp; c) Tư duy tin tưởng vâng theo Nội giáo; d) Xuất gia tu hành.

Địa thứ nhất-thứ hai nhờ vào báo của Nhân Vương, cho nên có xuất gia; Địa thứ ba thì Thiên Vương xuất gia không thích hợp. Nay ở Địa thứ tư này nhờ vào pháp xuất thế ấy, vì vậy cần phải phân rõ về xuất gia, Nhiếp báo thì không thích hợp. Trong Điều nhu, Địa thứ năm cũng như vậy, có thể biết. Một là vàng làm vật dụng trang nghiêm, luận nói dụ cho A-hàm hiện tại tác chứng trang nghiêm cho trí, vì vậy thị hiện đạt được chứng trí; hai là ngọc Ma-ni dụ cho trí thanh tịnh thuộc về Giáo. Các Địa trước không có, bởi vì là thế gian; Địa này là xuất thế cho nên có tác dụng này. Lại trong kinh tóm lược không có tướng thuộc hành của Địa riêng biệt. Còn lại đều như luận, nên biết!

Trong phần thứ ba là trùng tụng, có hai mươi chín kệ phân làm sáu: 1) Hai kệ đầu tụng về phần nhân tăng trưởng đầu tiên trước đây. 2) Có ba kệ tụng về phần thanh tịnh trước đây. 3) Có bảy kệ tụng về phần đối trị tu hành tăng thêm trước đây, trong đó bốn kệ đầu tụng về hạnh bảo vệ phiền não, ba kệ sau tụng về hạnh bảo vệ Tiểu thừa. 4) Có chín kệ tụng về phần của quả ấy trước đây, trong đó phân biệt tướng tận, có thể biết. 5) Có bảy kệ tụng về ba loại như quả Điều nhu... trước đây. 6) Sau cuối là một kệ tụng để hiển bày tên gọi kết luận về thuyết giảng. Giải thích về Địa thứ tư, xong.

Trong Địa thứ năm là Nan Thắng Địa, có bảy môn giống như trước:

Thứ nhất: Giải thích tên gọi: Luận Duy Thức nói: “Hành tướng của hai trí Chân-Tục trái ngược lẫn nhau, kết hợp khiến cho tương ứng, vốn là Cực Nan Thắng.”

Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Bởi vì trí Chân để cùng với trí Thế gian, lại trái ngược lẫn nhau, kết hợp điều này khó mà kết hợp khiến cho tương ứng.”

Thế Thân Giải thích rằng: “Bởi vì trong Địa này trí nhận biết về Chân để là không có phân biệt, trí nhận biết về công xảo... của thế gian là có phân biệt. Hai loại này trái ngược nhau, vì vậy phải tu khiến cho kết hợp. Có thể kết hợp điều khó kết hợp khiến cho tương ứng, cho nên

gọi là Cực Nan Thắng.”

Vô Tánh giải thích và Lương Luận đều giống với điều này.

Luận Du Già nói: “Nay trong Địa này hiển bày rõ ràng về Diệu trí quyết định của Bồ-tát đối với các Thánh đế hết sức khó mà có thể hơn được, gọi là Nan Thắng Địa.”

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Bởi vì phương tiện tu tập ngay nơi pháp phần Bồ-đề ấy hết sức gian nan, gọi là Cực Nan Thắng Địa.”

Kinh Kim Quang Minh nói: “Phương tiện tu hành này vốn là trí tuệ tại thù thắng khó có được, Kiến-Tư phiền não không có thể làm cho khuất phục, vì vậy gọi là Nan Thắng Địa.”

Luận Trang Nghiêm nói: “Đối với Địa thứ năm có hai loại khó: 1) Khuyến khích giáo hóa chúng sinh mà tâm không có phiền muộn là khó; 2) Chúng sinh không thuận theo giáo hóa mà tâm không có phiền muộn là khó. Bồ-tát ở Địa này có thể đẩy lùi hai điều khó, đối với khó mà đạt được thù thắng, cho nên gọi là Nan Thắng.”

Luận Hiển Dương nói: “Chứng được thanh tịnh cao nhất duyên với Đế mà biết các pháp vi diệu thuộc về Tuệ uẩn, thành tựu điều rất khó thành tựu, không trú vào Thánh đạo lưu chuyển tịch tịnh, gọi là Cực Nan Thắng.”

Luận Thập Trụ nói: “Trong Địa thứ năm thành tựu lực của công đức, tất cả các ma không có thể phá hoại, cho nên gọi là Nan Thắng Địa.”

Kinh Nhân Vương gọi là Thắng Tuệ Địa, các kinh luận khác phần nhiều đều như vậy.

Hỏi: Kinh Nhân Vương nói Bồ-tát ở Địa thứ nhất là Tứ Thiên Vương, cùng soi chiếu hai Đế là đạo bình đẳng, vì sao các luận chỉ nói đến Địa thứ năm?

Đáp: Tam Tạng nói: “Dựa vào thật thì Địa thứ nhất cùng soi chiếu hai Đế, mà dựa theo tùy ý vận dụng cho nên nói đến Địa thứ năm.” Nay giải thích về Địa này là dựa vào pháp để hiển bày về phần vị, Địa trước là xuất thế, Địa này lại tiến vào Thật vốn là khó.

Thứ hai: Theo thứ tự, cũng có ba nghĩa: 1) Địa thứ tư-thứ năm-thứ sáu toàn bộ nương vào Nhị thừa, Địa thứ tư nương nhờ là quả thứ nhất, Địa thứ năm nương nhờ là La-hán, Địa thứ sáu là Độc giác, Địa trước là Dự Lưu, Địa này gọi là La-hán, vốn là nghĩa theo thứ tự, vì vậy cho nên tiếp tục đưa ra. Bởi vì Dự Lưu là bắt đầu, La-hán là cuối cùng, tác dụng nương vào Địa thứ tư-thứ năm sai biệt, hai quả ở giữa lược qua không dựa vào để hiển bày. Đây là dựa vào Địa Luận...

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao kinh Nhân Vương nói Địa thứ bảy đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Hai loại này lại khác nhau, Địa Luận dựa theo hành tướng đã quán sát để phối hợp với Nhị thừa, Đạo phẩm bốn Đế đều là hạnh Thanh văn, Địa thứ sáu dùng Duyên sinh là hạnh thuộc Duyên giác, Địa thứ bảy dùng mười Độ là hạnh của Bồ-tát, cho nên không phải Nhị thừa. Kinh Nhân Vương quyển Hạ, kinh Anh Lạc quyển Thượng dựa theo con người phối hợp với phần vị, bởi vì ba Địa trước giống như phàm phu, bốn Địa sau phối hợp với bốn quả để hiển bày riêng biệt về Địa. Bởi vì Địa thứ bảy chưa lìa xa Phần đoạn, cho nên nương vào giống như phần vị dưới.

2) Trong hạnh của Nhị thừa, Đạo phẩm ở trước, bốn Đế ở sau, vốn là nghĩa theo thứ tự.

3) Địa trước tuy đạt được pháp xuất thế, mà chưa có thể tùy thuận năm Minh của thế gian để nhiếp hóa, nay trong Địa này tu chứng pháp ấy, vì vậy cho nên tiếp tục đưa ra.

Thứ ba: Đoạn chướng: Dựa vào luận Thập Địa, lìa xa chướng thuộc Ngã mạn về thân thanh tịnh. Giải thích rằng: Bởi vì Địa trước là xuất thế, cho rằng thân thanh tịnh, giữ lấy mà khởi lên kiêu mạn, liền chướng ngại đến Địa thứ năm. Bởi vì không rời bỏ đạo thế gian, cho nên tiến vào Địa thứ năm đối trị chướng này. Như vậy đều là Địa dựa vào nhau mà xả, vốn hiển bày thêm sâu xa.

Luận Duy Thức nói: “Chướng ngại về Bát Niết-bàn đối với Thừa dưới, nghĩa là một phần Câu sinh trong Sở tri chướng, khiến cho chán ngán sinh tử vui thích hưởng về Niết-bàn, giống như Nhị thừa về sau chán ngán Khổ-vui với Diệt. Chướng ngại ấy ở Địa thứ năm không có đạo sai biệt, lúc tiến vào Địa thứ năm liền có thể vĩnh viễn đoạn trừ. Vì vậy Địa thứ năm nói đến đoạn trừ hai ngu: 1) Ngu về hoàn toàn tác ý rời bỏ sinh tử, tức là trong này chán ngán về sinh tử. 2) Ngu về hoàn toàn tác ý hưởng đến Niết-bàn, tức là trong này vui thích Niết-bàn.” Luận Du Già, kinh Giải Thâm Mật giống như ở đây, có thể biết.

Giải thích rằng: Bởi vì trước đây rời bỏ thế gian hưởng đến xuất thế gian, rời bỏ nhiễm ô hưởng đến thanh tịnh, cho nên có chướng ngại này. Địa này quán sát bốn Đế nhiễm-tịnh, nhân-quả bình đẳng, gọi là không có đạo sai biệt, không giống như nhiễm ô của thế gian thuộc Địa thứ ba, không giống như thanh tịnh của xuất thế gian thuộc Địa thứ tư, bởi vì đối với thế gian có thể vượt ra-có thể tiến vào, cả hai hiện rõ trước mắt, cho nên không có rời bỏ hay hưởng về đoạn trừ chướng ngại

này.

Kinh Kim Quang Minh nói: “Một ý tiến vào Niết-bàn, một ý tiến vào sinh tử, tư duy về Vô minh; tâm sinh tử và Niết-bàn không bình đẳng, tư duy về Vô minh.”

Lương Nhiếp Luận nói: “Một là sinh tử và Niết-bàn, luôn luôn rời bỏ và hướng đến, tư duy Vô minh; hai là do phương tiện mà thấu nhiếp tu tập Đạo phẩm Vô minh.” Giải thích rằng: Đây là kinh luận ấy kết hợp về ý, có thể biết.

Thứ tư: Pháp đã chứng: Dựa vào Nhiếp Luận: “Chứng được pháp giới vô sai biệt nối tiếp nhau.” Thế Thân Giải thích rằng: “Nghĩa là ở trong này Thể không có gì sai khác, không phải như mắt... tùy theo sự nối tiếp nhau sai biệt của các hữu tình, tất cả đều có sai khác. Nếu nhận biết như vậy thì có thể tiến vào Địa thứ năm.” Giống như ý của Vô Tánh.

Lương Luận có phần sai khác, nghĩa là trong luận ấy giải thích pháp giới này có thể làm cho thân của chư Phật ba đời nối tiếp nhau không sai khác.

Luận Duy Thức nói: “Năm là tương tự không khác gì Chân Như, nghĩa là Chân Như này tương tự không có sai biệt, bởi vì không phải như mắt... tương tự có sai khác.” Giải thích rằng: Nghĩa là trong Địa này tu đạt được đạo không có sai biệt về sinh tử và Niết-bàn, từ đó nhận biết rõ ràng không phải là mình và người, như ý đạt được bình đẳng.

Luận Trung Biên nói: “Do thông suốt về pháp này, tâm thanh tịnh đạt được mười ý thích bình đẳng.”

Thứ năm: Hành riêng biệt, cũng có bốn loại: 1) Trong mười Độ là hạnh Thiền định; 2) Ngay trong Địa này đạt được Tuệ hành tăng thượng về Đế quán; 3) Luận Trang Nghiêm nói: Trú thứ năm đã đạt được tâm giáo hóa luôn luôn không phiền muộn, bởi vì Vô ngã; 4) Văn sau cũng thành tựu hành đối với năm Minh.

Thứ sáu: Đạt được quả, có ba loại giống như trước: 1) Dựa vào Lương Luận: Địa thứ năm hiểu thông suốt nối tiếp nhau không khác pháp giới, đạt được quả về Pháp thân vô sai biệt. 2) Kinh Kim Quang Minh nói: Địa thứ năm phát tâm đạt được Tam-muội Bảo Hoa. 3-Điều như..., có thể biết.

Thứ bảy: Trong giải thích văn có ba phần giống như trước: Một: Phần ca ngợi thừa thỉnh; Hai: Phần hiển bày về Địa; Ba: Phần tụng tụng.

Một: Trong phần ca ngợi thừa thỉnh, có mười lăm tụng phân bốn:

1) Hai tụng trình bày về chúng Bồ-tát dùng ba nghiệp để cúng dường. 2) Có hai tụng trình bày về ba nghiệp cúng dường của quyến thuộc Thiên Vương. 3- Có mười tụng của Thiên Nữ ca ngợi Đức Phật, trong đó: Một tụng đầu là thuật lại sự việc. Tám tụng tiếp là ca ngợi Đức Phật: Đầu là hai tụng ca ngợi về Nhân sâu xa-Quả hiện rõ; tiếp theo hai tụng về Thể cao nhất-Dụng hiếm có, nghĩa là do một loại này mà giáo hóa căn khí từ lâu xa đến nay chưa thuần thực, nay Phật hải luôn luôn có thể như vậy chưa từng khởi Dụng đối với một loại ấy, nay căn đã thuần thực cảm Phật ứng cơ từ Thể mà khởi Dụng, cho nên nói là từ lâu xa đến nay tướng Đại hải mới bắt đầu chuyển động, không phải nói là Như Lai từ lâu xa đến nay chưa sử dụng ở tất cả mọi nơi, đến nay mới bắt đầu sử dụng; tiếp theo hai tụng về vui mừng gặp được điều hiếm có này; tiếp theo hai tụng ca ngợi về đức thù thắng của Phật; sau cuối là một tụng tổng quát kết luận, Thiên Nữ ca ngợi xong rồi đứng im lặng. 4) Một tụng cuối cùng là vị đứng đầu Đại chúng chính thức thưa thỉnh.

Hai: Trong phần chính thức thuyết giảng, luận phân làm ba: Một là đối trị Mạn về hơn hẳn; Hai là hạnh thù thắng không trú vào đạo; Ba là quả thù thắng ấy. Trong đó: Một là dùng đạo Gia hạnh và đạo Vô gián bắt đầu trú vào Địa, hợp lại làm phần thứ nhất; Hai là dùng đạo Giải thoát thuộc phần chính thức trú vào Địa, làm phần thứ hai; Ba là dùng đạo Thắng tiến đầy đủ Địa, làm phần thứ ba.

Ngay trong phần một là đối trị Mạn về hơn hẳn, Viễn Công nói: “Mạn có hai loại: 1) Mạn của Địa khác, nghĩa là trong Địa thứ tư trước đây đạt được trí xuất thế, giữ lấy tướng thù thắng ấy, gọi là Mạn về hơn hẳn, sau dùng mười tâm bình đẳng làm thay đổi Mạn ấy, gọi là sửa trị. 2) Mạn của Địa mình, nghĩa là mong cầu tướng thù thắng ở tại mười tâm này, lại lấy đó làm Mạn, sau dùng hành như đạo để đối trị.” Nay giải thích: Chương do Mạn hiểu rõ pháp của Địa trước, đối trị trong Chánh Địa. Chương về Ngã mạn thuộc thân thanh tịnh mà Địa này đã đối trị, là trong Địa trước đạt được pháp xuất thế thanh tịnh, giữ lấy làm Mạn, Gia hạnh của Địa này quán sát về mười bình đẳng, đích thực điều phục chương ấy. Lúc bắt đầu tiến vào Địa, trong đạo Vô gián chính thức đoạn trừ chủng tử ấy, vì vậy hai loại này đều gọi là đối trị về Mạn hơn hẳn, bởi vì hơn hẳn Địa trước. Bắt đầu nói về đối trị chương, đến lúc chính thức trú vào Địa, chỉ tu về hạnh thù thắng, đối với pháp thế gian-xuất thế gian không có trú trước lệch lạc, cho nên có thể tùy theo thế gian để thâm nhiếp chúng sinh.

Ở trong phần một có hai: 1) Gia hạnh của Địa; 2) Bắt đầu trú vào

Địa.

Trong phần một có ba: a) Kết thúc phần trước nêu ra phần sau; b) Chính thức hiển bày về mười tâm; c) Kết luận về có thể tiến vào Địa.

Ngay trong phần b là chính thức hiển bày, tâm đạt được thanh tịnh từ trong bình đẳng, cho nên nói là tâm bình đẳng. Mười bình đẳng trong Địa này cùng với bình đẳng trong Địa thứ sáu sau này khác nhau thế nào? Giải thích: Bởi vì trong Địa trước giữ lấy pháp thanh tịnh vốn là Mạn, trong Địa này chỉ quán sát về pháp thanh tịnh bình đẳng, Địa sau bao gồm quán sát về nhiễm ô-thanh tịnh bình đẳng, như vậy đều là pháp sai biệt của Địa rời bỏ và tu về xả.

Trong mười tâm, luận phân làm hai: Ba loại đầu gọi là pháp của chư Phật, tức là pháp thuộc quả, nghĩa là ba đời mười phương thấy đều bình đẳng. Lại giải thích: Nêu ra Lực... là chọn lấy pháp công đức khác. Bảy loại sau gọi là tùy theo pháp của Phật, tức là pháp thuộc nhân pháp. Trong đó sáu loại đầu là Tự lợi, một loại sau là Lợi tha.

Trong sáu loại đầu, một là dựa vào Hành hợp lại làm ba Học: Một loại đầu là Giới hành; một loại tiếp là Định hành; bốn loại còn lại là Tuệ hành. Tách ra làm bảy Tịnh: 1) Giới tịnh; 2) Định tịnh; 3) Kiến tịnh; 4) Độ nghi tịnh. Hai loại trên là cùng một câu. 5) Đạo phi đạo tịnh. Năm loại trước đây thì Đại thừa-Tiểu thừa gọi tên giống nhau. Hai loại sau gọi tên khác nhau, trong Tiểu thừa: 6) Gọi là Hành tịnh, 7) Gọi là Hành đoạn tịnh, bởi vì tông ấy hướng về tận diệt; trong Đại thừa: 6) Gọi là Hành đoạn, 7) Gọi là Tư lượng Bồ-đề phân pháp Thượng thượng tịnh, bởi vì tông này dựa vào Hành đoạn ấy khởi lên mong cầu thù thắng.

Hai là dựa vào phần vị phân rõ: Nếu là Tiểu thừa thì hai loại đầu thuộc về trước Kiến đạo, ba loại tiếp thuộc về Kiến đạo, Hành tịnh thuộc về Tu đạo, Hành đoạn tịnh thuộc về đạo Vô học. Nếu trong Đại thừa thì Hành đoạn và Tư lượng Bồ-đề phân đều thuộc về Tu đạo, còn lại đều giống như trước.

Vì sao hai loại đầu thuộc về trước Kiến đạo? Nghĩa là cần phải dựa vào Giới-Định mới có thể phát ra Thánh Tuệ vô lậu ấy. Vì sao ba loại tiếp thuộc về trong Kiến đạo? Bởi vì đoạn bỏ Thân kiến mà đạt được Kiến tịnh, bởi vì Đoạn nghi mà đạt được Độ nghi tịnh, bởi vì đoạn bỏ Giới thủ mà đạt được Đạo phi đạo tịnh. Lúc tiến vào Kiến đạo thì mười Sử đều đoạn bỏ, vì sao nói là ba? Kinh Niết-bàn nói: Bởi vì ba loại này nặng nề. Nghĩa là trong mười Sử thì năm Kiến và Nghi câu thúc làm chướng ngại cho Kiến đạo, bốn loại còn lại gồm chung Kiến-Tu. Ngay trong sáu loại thì ba loại là căn bản, ba loại là tùy theo, nghĩa là

Thân kiến làm căn bản, Biên kiến tùy theo; Giới thủ làm căn bản, Kiến thủ tùy theo; Nghi làm căn bản, Tà kiến tùy theo. Vì vậy ba Kiết có ba Tùy chuyển, đoạn trừ ba Kiết này thiết lập ba Tịnh. Hai loại sau thuộc về Tu đạo, bởi vì trong Tu đạo đoạn trừ chướng thành tựu đức, cho nên có hai. Văn còn lại như luận, có thể biết.

Phần hai từ “Bồ-tát trú Ngũ Địa...” trở xuống là trình bày về bắt đầu trú vào Địa, luận gọi là hành như đạo.

Một là trong phần tổng quát hiển bày, khéo léo tu Bồ-đề phần là nhắc lại Giác phần đã tu ở Địa thứ tư trước đây, dựa vào nhau khởi lên mười tám thanh tịnh sâu xa của Địa này; sau dựa vào tâm này mong cầu Địa này, hạnh thù thắng không trú vào đạo thì có thể đạt được Phật, tức là có thể chứng được Chân Như mà Phật đã chứng; luận về kinh gọi là tùy thuận như đạo hành. Lại luận nói: Như vậy hạnh thù thắng không trú vào đạo phá trừ Mạn ấy, nghĩa là Địa thứ tư trước đây giữ lấy đạo sinh ra Mạn, thì tâm thanh tịnh là đối trị Mạn ấy. Lại tâm thanh tịnh ấy mong cầu về đạo thù thắng này, cũng bởi vì Mạn, như đạo là đối trị Mạn ấy. Bởi vì hành như đạo ở trong như pháp không giữ lấy, cho nên cũng gọi là hạnh thù thắng không trú vào đạo.

Hai từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống trong phần riêng biệt phân rõ có tám câu, hai câu đầu là tâm khởi hạnh: 1) Đại Nguyện lực luyện tập về tâm Bồ-đề, là khởi tâm thuộc hành Tự lợi; 2) Tâm Từ không mệt mỏi, là khởi tâm thuộc hành Lợi tha. Sáu câu còn lại là hạnh đã khởi, ba câu trước thuộc về Tự phần, ba câu sau thuộc về Thắng tiến: 3) Đạt được lực thiện căn của phước-tuệ, cho nên nói là đạt được Niệm... Lại giải thích: Đạt được lực của ba Tuệ như Niệm...; 4) Tu phước-trí thường xuyên không ngưng nghỉ, cho nên nói là không rời bỏ; 5) Đích thực tu tập thực hành phương tiện khéo léo, cho nên gọi là phát sinh...; 6) Bắt đầu Thắng tiến, tiến tới mong cầu không hề thỏa mãn, cho nên nói là mong muốn đạt được chuyển sang thù thắng...; 7) Thực hành tu tập chuyển sang thù thắng, cho nên cảm được lực gia trì của Đức Phật khác; 8) Đức thành tựu thuộc về mình, gọi là tự thân đạt được lực thù thắng, cho nên nói là sinh ra Định không lui sụt. Trong luận có ba Tuệ, có thể biết. Lại bởi vì duyên với Chân Như bình đẳng khiến cho tâm không lui sụt.

Ba từ “Như thật tri...” trở xuống là trình bày về hạnh thù thắng không trú vào đạo, có hai: 1) Trí thanh tịnh thù thắng trong pháp đã nhận biết tức là Tự lợi, hạnh bảo vệ phiền não không trú vào thế gian; 2) Phương tiện thù thắng thường xuyên làm lợi ích cho chúng sinh tức là Lợi tha, hạnh bảo vệ Tiểu thừa không trú vào Niết-bàn. Hai loại này

nói có trước-sau, lý thật thì kết hợp thực hành, cho nên gọi là không trú vào. Nếu không như vậy thì trước phải trú vào Niết-bàn, sau phải đắm theo thế gian, vì thế cho nên biết cùng có cả hai.

Ngay trong phần một: Trước là trình bày phân biệt về Thật pháp thuộc bốn Đế; sau là trình bày về mười Đế giáo hóa chúng sinh sai biệt. Lại mười loại này tức là đối với bốn Đế trước đây đưa ra mười môn quán sát cũng giống nhau, tương tự mười môn quán sát về mười hai nhân duyên ở văn sau. Vì vậy trong Địa này ở phẩm Trú của luận Du Già nói: “Đối với bốn Thánh đế, do mười hành tướng tương tự mà biết rõ ràng như thật.”

Trong phần trước là bốn Đế, hai đế Khổ-Tập có Phật hay không có Phật, Thế là nhân quả tạp nhiễm thuộc thế gian; hai đế Diệt-Đạo, Tánh là nhân quả thanh tịnh thuộc xuất thế gian, cho nên gọi là Thật pháp.

Ngay trong phần sau là mười Đế, dựa vào Địa Luận và Viễn Công đưa ra bốn câu phân biệt:

1) Chế lập, đó là nghĩa trong môn bốn Đế hợp với pháp giới, Bồ-tát ở trong đó chiếu rọi tận cùng không sót lại gì, tùy theo trí mà luận khác nhau, mở rộng phân biệt khó mà cùng tận. Tạm thời dựa vào một số tròn vẹn để phân rõ về mười môn, nhưng đều là Bồ-tát tự nhận biết, tướng nhận biết khó trình bày, vì vậy dựa vào pháp đã giáo hóa để hiển bày về khác nhau. Đây chính là dựa theo giáo hóa để hiển bày về pháp mà tự mình đã nhận biết, cho nên luận gọi là trí thanh tịnh trong pháp đã nhận biết.

2) Khai hợp, hoặc là tổng quát làm một, đó là phân biệt về giáo hóa chúng sinh.

Hoặc là tùy theo Đại-Tiểu đã giáo hóa phân hai: Đầu là chín loại về giáo hóa Tiểu thừa, sau là một loại về giáo hóa Đại thừa.

Hoặc là tùy theo giáo hóa mà khởi lên phân ra làm ba: Trước là năm loại giáo hóa chúng sinh, khiến cho phát sinh hiểu biết về pháp ấy; tiếp là bốn loại giáo hóa khiến cho khởi hạnh; sau cuối là một loại giáo hóa khiến cho tiến vào Chứng.

Hoặc là dựa theo con người không giống nhau, tách ra làm bảy: Một: Giáo hóa về căn chưa thuần thực; Hai: Giáo hóa về căn đã thuần thực; Ba: Giáo hóa người nghi ngờ về pháp sâu xa; Bốn: Giáo hóa người hiểu sai lầm về pháp; Năm: Giáo hóa người lìa xa Chánh niệm; Sáu-bảy-tám-chín là giáo hóa người Chánh kiến; mười-Giáo hoá đối với pháp Đại thừa có thể chuyển hóa chúng sinh.

Hoặc là tùy theo pháp không giống nhau phân ra làm mười, như văn. Nếu mở rộng phân biệt thì số riêng biệt là vô lượng.

3) So sánh tướng của Thật pháp để phân rõ về gồm chung-riêng biệt, mười môn này đối với bốn Đế trước, mỗi một môn đều gồm chung: Một, Thế đế là quán gồm chung về pháp tướng sai biệt của bốn Đế; Hai, Quán về Thế Không của bốn Đế; Ba, Quán gồm chung về bốn Đế không phải có-không phải không có; Bốn, Quán gồm chung về bốn Đế có-không có đều khác nhau; Năm, Quán gồm chung về duyên khởi tập thành của bốn Đế; Sáu, Quán gồm chung bởi vì mê mờ về bốn Đế mà trở thành sự của Khổ; Bảy, Do mê mờ về bốn Đế mà khởi lên làm thành Tập; Tám, Thông suốt về bốn Đế mà được chứng Diệt; Chín, Thông hiểu về bốn Đế mà được thành tựu Đạo trí; Mười, Thông hiểu tận cùng về pháp giới thanh tịnh, Thật tánh duyên khởi của bốn Đế mà thành tựu nhân quả của Bồ-tát Đại thừa.

4) Trong giải thích văn, có hai: Trước là nêu ra mười tên gọi, sau là lần lượt giải thích. Trong luận, Tiểu thừa có thể giáo hóa chúng sinh, không phải là giáo hóa chúng sinh khiến cho tiến vào Tiểu thừa, nghĩa là giáo hóa chúng sinh Tiểu thừa khiến cho tiến vào Đại thừa, vì vậy mà nói.

Một, căn chưa thuần thực, không có thể tiến vào Đại thừa, vì họ nói về mười sáu hành tướng... của bốn Đế, gọi là nhận biết Thế đế. Đây là Thế đế trong lớp thứ ba, ở trong bốn lớp hai Đế. Luận Du Già nói: “Dựa vào người khác mà hiểu biết.” Giải thích rằng: Kinh và luận Du Già gồm chung các căn khí, Địa Luận chỉ dựa theo căn chưa thuần thực, có thể biết.

Hai, vì căn thuần thực là Tiểu thừa mà có thể tiến vào Đại thừa, vì họ nói về Pháp Không Đệ-nhất-nghĩa. Kinh nói: Nhất thừa là khiến cho Tiểu tiến vào Đại, lại không có Thừa nào khác; lại bởi vì Lý không hai, cho nên cũng gọi là Nhất tướng. Luận Du Già nói: “Dựa vào Nội trí của mình.” Giải thích rằng: Đây là giải thích không dựa theo pháp đã giáo hóa.

Ba, có người không hiểu về Đệ-nhất-nghĩa-đế, cho rằng luôn luôn đoạn diệt, gọi là chúng sinh nghi hoặc về pháp sâu xa; người nhận biết về tướng của Đế, là nhận biết một Thật tướng của các pháp không phải có-không phải không có, cho nên nói là tướng của Đế. Lại giải thích: Đã nghe về Chân đế thì cho rằng đoạn diệt đối với Tục, cho nên gọi là nghi hoặc về pháp sâu xa. Nay vì họ phân biệt về tự tướng của các pháp rõ ràng như vậy, cho nên nói là tướng của Đế. Luận Du Già dựa

vào cùng xứ sở, gọi là ở đây nói. Giải thích rằng: Tức là Chân-Tục trước đây, gọi là cùng xứ sở.

Bốn, vì người hiểu sai lầm... là nghe đến một Thật đế thì cho rằng chắc chắn là một, gọi là hiểu sai lầm... Nay biết hai Đế sai biệt chứ không phải là một. Trước thì nghi ngờ là một, ở đây thì mê mờ về khác nhau.

Năm, đã nghe về Đế sai biệt, cho rằng đều có Thể trái ngược với Chánh đạo, gọi là người lìa xa Chánh niệm. Người nhận biết thuyết giảng thành tựu về Đế, là nhận biết các pháp của bốn Đế sai biệt trước đây, chỉ tùy theo ngôn thuyết nhân duyên tích tập mà thành chứ không có tự tánh, cho nên nói là thuyết giảng thành tựu. Luận Du Già nói: “Dựa vào Khế kinh điều phục luận nghị(bổn mẫu), gọi là từ đó thuyết ra.”

Sáu, vì chúng sinh Chánh kiến, là khiến cho có thể biết Khổ-đoạn Tập-chứng Diệt-tu Đạo. Luận Du Già nói: “Dựa vào tự tánh của các Khổ ở hiện tại, dựa vào tánh sinh ra nhân của Khổ ở vị lai, dựa vào tánh vô sinh ở nhân không còn, dựa vào tánh phương tiện tu tập về Đoạn ấy.” Kinh nói đạt đến pháp không hai, nghĩa là trí thuộc Đạo để có thể đạt đến Lý không có hai Diệt.

Bảy, vì Đại thừa có thể giáo hóa, nghĩa là Bồ-tát thẳng tiến; không đến từ Nhị thừa, là nhận biết nhân quả của Bồ-tát; từ quả vị mà biết, là chỉ có năng lực của Tín-Giải này hiển bày về ảnh tượng của quán trí chứ không phải là nhận biết về Vô tận trí thuộc quả Phật. Ở đây chọn lấy phạm vi giới hạn của Định, phẩm Ly Thế Gian sau này cũng như vậy. Chọn lấy pháp ấy dựa theo Hành, trong này dựa vào Giải. Văn còn lại có thể biết.

Phần hai từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là trình bày về phương tiện thù thắng thường xuyên làm lợi ích cho chúng sinh, trong đó có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong phần trước là tổng quát cũng có hai:

Một: Quán về lỗi lầm của hữu vi: a) Hư ngụy là quán về năm Uẩn bên trong, nghĩa là vọng tưởng về Thường... không tương tự, không có mà vốn là trống rỗng; đây là trình bày về đã giữ lấy không phải là thật. Thường dấy lên Ngã tưởng-Ngã mạn vốn là không thật; đây là hiển bày về chủ động giữ lấy không chân thật. Đều là hư vọng giả dối, nghĩa là đối với tướng hư giả trước đây, tùy tiện giữ lấy làm Ngã... b) Cuồng trá là quán về sáu Trần bên ngoài, nghĩa là pháp thế gian đều hoại diệt vốn là giả dối; đây là trình bày về đã giữ lấy không thật, chỉ là giả

dối. Pháp thế gian tựa như nối tiếp, tựa như có lợi ích mà thật sự mau chóng hủy diệt, không có lợi ích có thể đạt được mà nói có, là đều giả dối. Pháp thế gian dẫn dắt giữ lấy phàm phu ngu si vốn là giả dối, đây là hiển bày về chủ động giữ lấy mê mờ chân thật. Nghĩa là do tùy tiện giữ lấy mà làm cho pháp thế gian ấy ẩn kín hư vọng trá hiện chân thật, khiến cho tham lam giữ lấy. Nói tạm thời dừng lại trong chốc lát lừa dối mê hoặc phàm phu, là tổng quát kết luận về trong ngoài. Dựa vào con người làm sáng tỏ lỗi lầm, nghĩa là cảnh hư vọng dẫn dắt tâm gọi đó là giả dối, tâm mê theo cảnh trước mắt gọi đó là mê hoặc. Ở trong hữu vi bên trong-bên ngoài trước đây, tất cả các cảnh là giả dối, tâm bị cảnh ấy mê hoặc. Trong luận nhắc lại giải thích có thể biết. Phàm phu nương vào thân ấy đích thực giữ lấy Ngã mạn, gọi là Dị sinh, kết hợp giải thích có thể biết.

Hai: Trình bày về chính thức khởi lên Từ-Bi, trong đó: Bi là bởi vì thương xót chúng sinh ấy, Đại là bởi vì hơn hẳn Bi của Địa trước, chuyển sang thù thắng là bởi vì hạnh thù thắng không trú vào đạo, Từ là bởi vì thị hiện làm lợi ích thù thắng, quang minh là bởi vì thành tựu trí phương tiện cứu giúp chúng sinh.

Phần sau từ “Đắc như thị trí tuệ lực...” trở xuống là trong riêng biệt phân rõ có hai:

Một: Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, Trí lực là nhắc lại nhận biết lỗi lầm của hữu vi trước đây; không rời bỏ là nhắc lại Bi-Từ chuyển sang thù thắng mong cầu trí tuệ của Phật, chính thức trình bày vì chúng sinh mà mong cầu lợi ích có ý nghĩa to lớn trước đây.

Hai: Trong phần chính thức hiển bày riêng biệt: Trước là Bi, sau là Từ.

Ngay trong phần trước là Bi quán có hai: 1) Quán về khổ duyên với Tập; 2) Từ “Hựu tác thị niệm...” trở xuống là quán về khổ sâu nặng.

Trong phần một nói đến quán về thời gian trước sau của hữu vi, là tổng quát quán về nhân của đời trước, quả của đời sau; từ “Tri chúng sinh đẳng...” trở xuống là trong riêng biệt: Một là quán về thời gian trước, trong đó: a) Quán về lưu chuyển; b) Hiển bày về Vô ngã.

Trong phần a chỉ nói Vô minh-Hữu-Ái, hiển bày về nhân của lưu chuyển là phàm chứ không phải Thánh, lý thật thì cũng có những duyên khác như nghiệp... vì sao không nói đến? Bởi vì Vô minh phát sinh nghiệp, Ái có thể tưới thấm nghiệp, nghiệp cảm đến quả báo, do Si-Ái này làm căn bản, cho nên chỉ nêu ra ba loại ấy. Cầu báo khởi lên, cho nên nói là Sinh, tức là quả của đời trước. Lưu chuyển sinh tử

là chúng sinh mong cầu. Đối với năm Ấm... là vọng cầu Phạm hạnh. Là ngoại đạo chứ không phải Tiểu thừa, cho nên nói là Vọng. Tích tụ tăng thêm khổ não là cầu quả báo (Hữu).

Từ “Chúng sinh...” trở xuống là trong phần b hiển bày về Vô ngã, nói không có Ngã-không có Ngã sở, là trong tự thân không có Ngã và không có sự việc của Ngã ấy, bởi vì Đệ-nhất-nghĩa cho nên không có. Như vậy Thế tục giả lập dựa vào lực của Mạng căn mà trú là giải thích về Mạng, nhiều lần thọ sinh là giải thích về chúng sinh, nghĩa là rất nhiều sinh tử là nghĩa về chúng sinh, nhiều lần tức là nghĩa về rất nhiều. Lại giải thích: Nhiều lần thọ sinh là giải thích về con người, bởi vì tiếng Phạm gọi là Bồ-đặc-già-la, Trung Hoa nói là Số Thủ Thú, tức là bởi vì nhiều lần dẫn đến thọ sinh ở các nẻo. Thân tâm của chúng sinh nối tiếp nhau, không phải thường còn-không phải đoạn dứt cho nên nói là có mạng-có chúng sinh; đây là giải thích trình bày về Thế tục giả có. Phá bỏ ý giữ lấy Mạng ấy, cho nên nói là không có mạng-không có chúng sinh; đây là giải thích dựa vào phá bỏ lỗi lầm mà nói không có, pháp giả tạm không cần phải phá bỏ. Xa rời chủ động giữ lấy... là giải thích về lìa xa Ngã và Ngã sở.

Trong phần hai là tương tự hiển bày về thời gian sau, nghĩa là như thời gian trước. Vì nhân gì, là nhắc lại Si-Ái kia. Tùy theo chúng sinh vốn có, là nhắc lại quả trước đây. Tùy theo hành của khổ vốn có, là nhắc lại không có Ngã trước đây. Nghĩa là chỉ có quả của khổ và nhân của khổ, hành vốn không có Ngã. Cứu Cánh trong kinh là chữ Tận trong luận, không nhận biết cuối cùng có vượt ra là lìa xa Diệt-Đạo, không nhận biết không có vượt ra là trình bày về không nhận biết có Khổ-Tập.

Phần hai từ “Hựu tác thị niệm...” trở xuống là trình bày quán về khổ sâu nặng, nghĩa là vô lượng đời kiếp đuổi theo là khổ sâu dày, đủ loại sự việc của khổ là khổ nặng nề.

Một là quán chúng sinh chịu khổ mà không biết chán ngán lìa xa, cho nên nói là thật lạ lùng. Lại ở trong chỗ không hề có gì mà sinh tham đắm, cho nên nói là thật lạ lùng. Sau trình bày về nguyên cố thật lạ lùng, nghĩa là bởi vì Vô minh-Si, đã-đang và sẽ diệt là vô lượng đời kiếp đuổi theo khổ.

Hai từ “Như thị sinh tử...” trở xuống là nhắc lại thật lạ lùng trước đây. Sau trình bày về đủ loại khổ, nghĩa là không sinh lòng chán ngán đã thật là lạ lùng, huống hồ lại tạo ra nhân làm cho khổ càng tăng thêm. Khổ xoay vòng trong năm nẻo, là do thân mà sinh ra khổ. Trôi nổi giữa

dòng sinh tử... là do Tập Ái. Quay về năm Ấm... là trình bày về lia xa Diệt-Đạo. Không nhận biết-không sợ hãi... là trình bày về có bệnh khổ, nghĩa là bởi vì bốn Đại trái ngược nhau. Như rắn độc không có thể thoát ra được... là trình bày về có đủ Tập ấy. Vì vậy giải thích có bốn câu: 1) Chúng sinh tùy tiện mong cầu Phạm hạnh, không thể nào nhỏ ra được mũi tên của kiến chấp kiêu mạn; 2) Chúng sinh mong cầu dục vọng, có được dục vọng thì không thể nào diệt trừ ngọn lửa tham-sân-si; 3) Chúng sinh mong cầu dục vọng, thực hành ác hạnh thì không thể nào phá hoại được hắc ám Vô minh, nghĩa là bởi vì thấy lợi ích nhỏ bé mà thực hành ác hạnh to lớn, về sau nhận chịu đau khổ vô cùng, gọi là hắc ám; 4) Chúng sinh mong cầu quả báo, thì không cạn khô sông Ái. Không mong cầu Thập Lực... thì xa rời Diệt đế, nghĩa là Đại Niết-bàn của quả Phật gọi là Diệt. Sau là trình bày về lia xa Đạo đế: Tùy theo ý ma thì mất đi duyên của Đạo, ác giác xoay chuyển thì trái với nhân của Đạo. Phần về Bi quán, xong.

Trong phần sau từ “Như thị khổ...” trở xuống là trình bày về Đại Từ quán, trong đó có hai: 1) Thương xót chúng sinh mà tu thiện; 2) Phát nguyện làm lợi ích cho chúng sinh.

Trong phần một: Một: Nhắc lại cô độc không có ai cứu giúp ở phần chúng sinh đau khổ trước đây, nghĩa là đối với khổ đã và đang nhận chịu thì không có ai có thể cứu giúp, đối với khổ chưa nhận chịu thì không có chỗ dựa để có thể tránh khỏi. Đây là trình bày về đang khổ mà không có ai cứu giúp. Kinh thiếu câu này. Từ “Vô y...” trở xuống là trình bày về đối với điều ác không có cách sửa trị. Kinh này có hai câu. Luận về kinh có bốn câu, đó là gần bạn-nghe pháp-tư duy-tu hành: a) Thiện hữu che chở việc người... như ngôi nhà, không có thể gần gũi, cho nên nói là không có nhà; b) Nghe pháp như bãi rộng, dựa vào thì tránh khỏi dòng nước của bốn Lưu làm cho trôi nổi, không có thể lắng nghe, cho nên nói là không có bãi rộng; 3) Yên lặng suy nghĩ tận cùng nghĩa lý gọi là cứu cánh, không có thể suy nghĩ, cho nên gọi là không có cứu cánh; 4) Tu tuệ nhìn nhận chính xác về sự việc... như có mắt, không có thể tu tập, cho nên gọi là không có mắt. Chỉ một người là mình..., chư Phật Bồ-tát có ở khắp nơi pháp giới, vì sao nói là cô độc? Không mong muốn mà lại cần đến chư Phật Bồ-tát giúp mình vượt qua, hiển bày rõ ràng về sự việc thù thắng dưng mãnh. Tăng trưởng phước trí dựa vào pháp đã giáo hóa xưa nay, khiến cho gần thì thành tựu nhân của trời-người, xa thì làm nhân của Niết-bàn. Hoàn toàn thanh tịnh là khiến cho đạt được quả Niết-bàn. Lực của trí vô ngại là đạt được quả Bồ-đề. Còn

lại như luận giải thích.

Phần hai từ “Như thị tứ duy...” trở xuống là trình bày về phát nguyện làm lợi ích cho chúng sinh: Đầu là câu tổng quát, nghĩa là vẫn trước đối với khổ không có ai cứu giúp, nay trình bày về giúp cho điều thiện, đều vì trừ bỏ đau khổ, cho nên nói là đều vì cứu độ. Sau là riêng biệt phân rõ về chín loại: Một: Đã trú vào thiện thì không để cho phát sinh lui sụt mất đi quả vui sướng. Hai: Chúng sinh bất thiện khiến cho có thể tu thiện, lại lợi ích vui sướng này không giống nhau, giải thích đầy đủ như trước. Ba: Cứu giúp người nghèo thiếu là khổ vì thuận duyên không đầy đủ. Kinh thiếu câu này. Bốn: Cứu giúp người bị giam cầm là khổ vì trái duyên làm cho bức bách, trong đó trước là khổ vì ngoại duyên làm cho ràng buộc. Năm: Bệnh tật... là khổ vì nhân bên trong đã phát khởi. Sáu: Giáo hóa khiến cho tin tưởng đúng đắn. Bảy: Đoạn trừ nghi ngờ khiến cho hiểu biết. Tám-Khiến cho thực hành ba Học. Chín: Khiến cho đạt được quả về Diệt. Phần hạnh thù thắng không trú vào đạo, xong.

Đoạn lớn thứ ba là trong phần của quả ấy, có hai: Trước là hành có bốn loại: Một: Thâu nhiếp công đức thù thắng; Hai: Tu hạnh thù thắng. Hai loại này là Tự lợi, là quả về Trí thanh tịnh trong pháp đã nhận biết trước đây, đầu là Tự phần, sau là Thắng tiến. Ba: Giáo hóa chúng sinh thù thắng; Bốn: Khởi lên trí tùy thuận thế gian thù thắng. Hai loại này là Lợi tha, là quả về phương tiện thù thắng thường xuyên làm lợi ích cho chúng sinh trước đây, đầu là hạnh Hóa tha, sau là trí Hóa tha.

Trong phần một: Đầu là ba câu, luận có hai cách giải thích, trước là phối hợp với ba Tuệ, có thể biết; sau là phối hợp với hai Xảo, nghĩa là câu một tổng quát nêu ra, câu hai riêng biệt nhận biết về Pháp, câu ba riêng biệt nhận biết về Nghĩa. Cũng là hai Trì, có thể biết. Dùng tổng quát thâu nhiếp riêng biệt, vì vậy trong luận gọi là thâu nhiếp về nghe thù thắng.

Tiếp là hai câu trình bày về Giới thù thắng: Câu một là phạm ít thì có thể hối hận, câu hai là chịu khó giữ gìn không phạm. Trong câu một, bên trong có tâm quý làm cho khuất phục-nhu hòa, hướng về người khác bày tỏ rõ ràng, gọi là tự bảo vệ mình; lại được cảm hóa nêu bày tội lỗi, cũng do tâm quý mà có thể nhẫn nhục tiếp nhận điều này, gọi là người khác bảo vệ. Câu hai là đối với Giới không có lỗi lầm dù nhỏ, gọi là tâm chịu khó không rời bỏ.

Sau là năm câu trình bày về Trí: 1) Trí nhận biết về Nhân duyên, nghĩa là quả nhờ vào nhân gọi là Xứ, không nhờ vào nhân gọi là Phi xứ;

đây là đối trị về không có nhân. Lại dựa vào nhân thiện-ác mà nhận lấy báo vui-khổ thì gọi là Xứ, trái với điều này là Phi xứ; đây là đối trị về nhân trái ngược. Đạt được trí này gọi là bậc Giác ngộ. 2) Trí Chứng lý, nghĩa là ngoài lý phân biệt thì gọi là việc ma, Chứng trí có thể đối trị gọi là không tùy theo pháp khác. 3) Trí nhận biết về Giáo, nghĩa là Chánh thuyết là đúng, Tà thuyết là sai, đan xen vào nhau là tạp loạn, loại bỏ Tà đạt được Chánh gọi là tùy theo Tuệ. 4) Trí về Thần thông, nghĩa là hiện bày thần thông có thể đối trị tà đạo, dẫn dắt chúng sinh khiến cho hướng về Chánh đạo. 5) Trí giáo hóa chúng sinh, có thể biết.

Phần hai từ “Thiện tập phước đức...” trở xuống là trình bày về tu hạnh thù thắng, trong đó có mười một loại: 1) Không có chán ngán làm nhân, tích tập phước tăng thêm; 2) Dựa vào tiến lên làm nhân, mong cầu trí không bỏ; 3) Giải thích như luận có thể biết; 4) Không khởi lên tư duy tà vạy, khiến cho giới sáng ngời, luận về kinh thiếu câu này. Bốn câu trên là hạnh thuộc Tự phần, bảy câu dưới là hạnh thuộc Thắng tiến. 5) Khởi hạnh về pháp thuộc quả Phật; 6) Khởi hạnh về Tịnh độ thuộc Y báo của Phật, trong luận giải thích đầy đủ hai loại trang nghiêm: a) Dựa theo con người, nghĩa là trú xứ thanh tịnh của chúng sinh, không có phiền não là Đoạn đức, trí vững vàng là Trí đức; b) Dựa theo pháp, nghĩa là quả vị Phật lấy các pháp công đức để làm trang nghiêm. 7) Dựa vào Pháp thân là tướng tốt thuộc Chánh báo của Phật, khởi hạnh mong cầu điều ấy; 8) Dựa vào tác dụng thuộc ba nghiệp của Phật mà khởi hạnh; 9) Hạnh kính trọng pháp, bởi vì hạnh dựa vào pháp mà thành tựu, cho nên kính trọng mong cầu; 10) Nguyên chọn lấy ba cõi, khéo léo thâm nhiếp chúng sinh, ở trong nhiệm mà không vấy bẩn gọi là vô ngại; 11) Ngày đêm luôn luôn nghĩ đến thâm nhiếp tiếp nhận chúng sinh, lia xa tâm Tiểu thừa gọi là lia xa tâm sát lại.

Phần ba từ “Bồ-tát như thị hành thời...” trở xuống là trình bày về giáo hóa chúng sinh thù thắng, trong đó: 1) Câu đầu tổng quát trình bày về thâm nhiếp chúng sinh. 2) Dùng sắc thân... là riêng biệt trình bày về Đồng sự ứng cơ. 3) Dùng thuyết pháp đoạn trừ nghi ngờ, riêng biệt hiển bày về Ái ngữ, sau là riêng biệt trình bày về Lợi hành thâm nhiếp chúng sinh. 4) Chúng sinh đối với Bồ-đề không có phương tiện, không hiểu rõ về đạo mà Bồ-tát đã thực hành..., vì vậy nêu ra những việc làm khiến cho hiểu rõ về tu hành. 5) Tuy hiểu rõ về tu hành, nhưng mệt mỏi rã rời không tiến lên, vì vậy nêu ra sự lợi ích to lớn của quả Phật để khuyến khích tiến lên. Hai câu này là giáo hóa chúng sinh thuộc Đại thừa. 6) Vì chúng sinh mong cầu về Hữu-mong cầu về Dục, nêu ra lỗi lầm tai họa

của thế gian, khiến cho không ưa thích. Hai câu sau là giáo hóa chúng sinh mong cầu Phạm hạnh. 7) Vì chúng sinh Tiểu thừa đích thực mong cầu Phạm hạnh mà không tin Đại thừa, thì nêu ra Đại trí của Phật làm nhiều lợi ích cho chúng sinh; 8) Vì chúng sinh ngoại đạo vô trí cầu tà Phạm hạnh, dùng thân nghiệp hiện bày thân thông, ngữ nghiệp giảng dạy dẫn dắt, khiến cho rời bỏ Tà tiến vào Chánh. 9) Tổng quát kết luận về hạnh thành tựu có bốn câu: a) Nhân duyên phương tiện kết luận về bốn Nhiếp, thân nhiếp chúng sinh trước đây; b) Tâm thường có Phật, là bởi vì giáo hóa chúng sinh mà mong cầu lực thù thắng của Phật; c) Không mất thiện căn, là phước đức đã đạt được đều không lui sụt mất đi; d) Lại tiếp tục thường xuyên mong cầu... là pháp đã tu hành ấy muốn khiến cho chịu khó tu hành thêm thù thắng.

Phần bốn từ “Thị Bồ-tát lợi ích chúng sinh...” trở xuống là trình bày về trí thù thắng tùy thuận thế gian đối trị nhiễm chướng, trong đó có mười câu: 1) Biết rõ về kinh sách...; 2) Bảng vàng-bia đá...; 3) Chữa trị bệnh tật; 4) Kỹ nhạc...; 5) Ngày tháng...; 6) Thí giới... Sáu loại này chính là trí tùy theo thế gian. 7) Việc làm không gây phiền muộn; 8) Việc làm an ổn chúng sinh; 9) Thương xót cho chúng sinh; 10) Khiến cho tiến vào Phật pháp. Bốn loại này là ý kết luận.

Ngay trong sáu câu trước: Năm câu đầu là đối trị chướng, một câu sau là đối trị nhiễm, bởi vì Giới... vốn lia xa nhiễm.

Ngay trong năm câu đầu, trong câu một đối trị bốn loại chướng ngại: a) Sách đối trị về chướng ngại quên lãng trong những việc đã làm, chướng ngại trong những việc như giữ lấy-giúp cho... chướng ngại trong hiểu biết như nghe pháp..., chướng ngại trong hành nghiệp như làm-không làm...: Một là làm-không làm thì thiện làm mà ác không làm, hai là ở trong thiện có đã làm và chưa làm, ba là ở trong chưa làm thì đúng lúc lợi ích chúng sinh mà nên làm và không nên làm. b) Kinh thì luận về kinh gọi là luận, Nhân Luận đối trị tà kiến bởi vì so sánh với Chánh lý, Thanh Luận đối trị về trí nhu nhược, bởi vì hiểu rõ ràng về văn chương-âm thanh-chữ nghĩa sinh ra trí thù thắng. c) Kinh luận phù hợp, là ghi nhớ phù hợp rõ ràng không nhờ vào giữ gìn, cho nên đối trị với chướng ngại ấy. Lại kỹ năng khéo léo là phù hợp. Lại là văn chương như sáu kỹ năng... cũng là Thanh Luận. d) Dùng số nhận biết nhiều ít, tính toán ghi nhớ vị trí ấy, khiến cho không sinh ra nghi ngờ, cho nên đối trị với chướng ngại ấy. Trên đây toàn bộ là Nhân Luận và Thanh Luận.

Câu hai về bảng vàng-bia đá... là dùng Công Xảo Luận có thể đối trị nghèo túng.

Câu ba từ “Trị bệnh...” trở xuống là Y Phương Luận, bệnh có ba loại, đó là bên trong khô gầy-tiêu hết... thuộc về tướng của bốn Đại không điều hòa, quỷ bám theo... là tướng của chúng sinh bên ngoài, trùng độc... là gồm chung cả trong lẫn ngoài, cũng bốn Đại là cỏ độc, cũng tướng chúng sinh là rắn độc, như vậy hoặc là chỉ trở thành bệnh, hoặc là dẫn đến cái chết, bởi vì làm nhân. Hai loại bùa chú-thuốc men gồm chung và riêng biệt đối trị loại ấy.

Câu bốn về kỹ nhạc... đối trị với chướng ngại lo âu phiền muộn, đất nước... đối trị với chướng ngại không vui thích, vàng bạc... đối trị với chướng ngại giam cầm... của thế gian.

Câu năm về ngày tháng... có thể đối trị lỗi lầm về phần báo ứng, chướng ngại đến nhân làm điều ác, nghĩa là nhìn thấy tướng tai họa; tu điều thiện bài trừ điều ác cho nên nói là đối trị. Thâu nhiếp các vì sao(Diệu), đó là Mặt trời-Mặt trăng và năm vì sao làm bảy Diệu. Năm vì sao, đó là sao Mộc ở phương Đông... Hai mươi tám chòm sao, đó là Giác-Cang... Mặt trời-Mặt trăng và năm vì sao ở trong chòm sao. Trong luận đưa vào tám nghiệp quả: 1) Mặt trời; 2) Mặt trăng; 3) Vì sao; 4) Chòm sao; 5) Lành dữ; 6) Động đất; 7) Giác mộng; 8) Tưởng tượng. Trong này gọi là kỳ quái. Các tướng trong thân, là bởi vì hành thuộc quả yêu thích-không yêu thích, nghĩa là bởi vì có thực hành về nhân của quả yêu thích ở quá khứ, cho nên nay có tướng tốt; không yêu thích cũng như vậy.

Câu sáu về Bố thí... là Nội Minh Luận, là đối trị về nhiễm có sáu câu: Một: Bố thí đối trị nhiễm về keo kiệt; Hai: Trì giới đối trị nhiễm về phá giới; Ba: Thiền đối trị nhiễm về tham dục; Bốn: Thần thông đối trị nhiễm về theo tà; Năm: Bốn tâm Vô lượng đối trị nhiễm về vọng hành công đức, nghĩa là sát sinh cúng tế mà cầu phước thì gọi là vọng hành tu tạo công đức, bốn tâm Vô lượng có thể đối trị; Sáu: Bốn Định Vô sắc đối trị nhiễm về vọng tu giải thoát, bởi vì ngoại đạo... vọng giữ lấy Vô sắc cho là giải thoát.

Sau là trình bày về bốn câu sau khởi lên trí Thế gian, có bốn loại tướng: 1) Những việc làm không gây phiền muộn... là chướng ngại không có trong chướng ngại khác, nghĩa là chướng ngại không có sẵn bắt... làm não hại chúng sinh; 2) Việc làm an ổn chúng sinh là mang lại niềm vui không có lỗi lầm, nghĩa là niềm vui không phát sinh tội lỗi cho nên không có lỗi lầm; 3) Thương xót cho chúng sinh... là phát khởi thanh tịnh, tuy khiến cho chúng sinh không có khổ, có vui mà đắm theo ham muốn phóng túng, vì vậy thương xót chúng sinh ấy, khiến cho lìa xa

phóng túng, cho nên nói là phát khởi thanh tịnh; 4) Khiến cho tiến vào Phật pháp... mà dụng công thanh tịnh, nghĩa là tuy không phóng túng mà không mong cầu đạo xuất thế, vì vậy khiến cho tiến vào Phật pháp để thọ dụng thanh tịnh.

Lại giải thích: Bốn câu này từ sau hướng về trước, kết luận về sáu câu trước, nghĩa là: 1) Khiến cho tiến vào Phật pháp, kết luận về Thí-Giới là câu thứ sáu ở trước; 2) Thương xót cho chúng sinh... kết luận về câu thứ năm ở trước, bởi vì chỉ rõ tai họa kỳ quái như ngày tháng... khiến cho lìa xa phóng túng; 3) Việc làm an ổn chúng sinh, kết luận về bốn câu đầu, bởi vì giống như mang lại niềm vui; 4) Những việc làm không gây náo loạn cho chúng sinh, kết luận về ba câu đầu-hai câu sau trong sáu câu làm náo loạn chúng sinh ở trước. Bởi vì năm môn này tức là do năm Minh thâm nhiếp, có thể trừ diệt ám chướng, mà cùng có thể sinh ra trí, cho nên trong luận giải thích ba câu trước vượt qua nêu ra hai câu sau, là bởi vì điều này. Câu thứ tư ấy chỉ là mang lại niềm vui mà không phải là sinh ra trí, cho nên không phải là kết luận ở đây. Còn lại như Viên Sơ, nên biết.

Sau là ngay trong quả của Địa, ba quả phân biệt giải thích giống như trước. Nói là đạt được Tam-muội Đa Văn chuyển sang thù thắng, luận về kinh gọi là Đa Văn Đà-la-ni, không phải đạt được Nghĩa Đà-la-ni, nghĩa là so sánh thù thắng để làm sáng tỏ về thua kém. Bởi vì tâm thanh tịnh bình đẳng khó đạt được... là so sánh thua kém để hiển bày về thù thắng. Bởi vì có thể đầy đủ tùy thuận, có thể vượt lên trên hai điều khó đạt được, cho nên đạt được Văn Trì: 1) Tâm bình đẳng bắt đầu tiến vào Địa khó đạt được; 2) Vui với xuất thế gian hiện rõ thế gian khó có. Đây là hạnh thù thắng không trú vào đạo. Bởi vì ánh sáng trí tuệ của Địa này chứng được là Sự thuộc Chân Như, cho nên ví như đồ vật bằng vàng-châu ngọc mài nhẵn sáng ngời... Mặt trời-Mặt trăng... dụ cho trí thanh tịnh về Giáo, bởi vì dựa vào A-Hàm tăng thêm ánh sáng rạng ngời của trí tuệ, thù thắng so với trí của Địa trước, nghĩa là bởi vì thù thắng so với ánh sáng của châu ngọc ở Địa trước. Còn lại đều có thể biết.

Trong phần thứ ba là trùng tụng, có ba mươi chín tụng: Một: Có mười một kệ tụng về đối trị Mạn hơn hẳn trước đây. Trong đó: Hai kệ đầu tụng về mười bình đẳng; hai kệ tiếp tụng về Đạo phẩm, dụ cho áo giáp vũ khí; hai kệ tiếp tụng về hạnh thù thắng, dụ cho trang nghiêm thân; hai kệ tiếp tụng về Sư tử hống, dụ cho pháp; ba kệ tiếp tụng về bắt đầu trú vào Địa đạt được Niệm về tâm không lui sụt trước đây, luận gọi là như đạo hành. Hai: Từ “Thường vị...” trở xuống là mười ba kệ tụng

133 HOANG THIEM NHU THAM HU YEN NGUYEN
về hạnh thù thắng không trú vào đạo. Trong đó: Bốn kệ đầu tụng về trí thanh tịnh trong pháp đã nhận biết trước đây. Tiếp từ “Như thị quán...” trở xuống là chín kệ tụng về phương tiện thường xuyên giáo hóa chúng sinh, trong đó một kệ rưỡi đầu tụng tổng quát quán về hư ngụy phát sinh hai tâm Từ-Bi, ba kệ rưỡi tiếp tụng về quán duyên với Tập-Khổ trong Bi, ba kệ tiếp tụng về quán Khổ sâu nặng, một kệ tiếp tụng về sự việc của quán Đại Từ. Ba: Từ “Thường trú chánh niệm...” trở xuống là bảy kệ tụng về quả thù thắng ấy. Trong đó: Một kệ đầu tụng về thâm nhiếp công đức thù thắng, một kệ rưỡi tiếp tụng về tu hạnh thù thắng, nửa kệ tiếp tụng về giáo hóa chúng sinh thù thắng, bốn kệ tiếp tụng về khởi lên trí thế gian thù thắng. Bốn: Có bảy kệ tụng về quả của Địa, đầu là ba kệ tụng về quả Điều nhu, tiếp là ba kệ rưỡi tụng về quả Nhiếp báo, tiếp là nửa kệ tụng về quả Nguyễn trí. Năm: Có một kệ cuối cùng tụng kết luận về thuyết giảng cứu cánh. Nan Thắng Địa thứ năm, xong.

